



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

BÁO CÁO
DDCI NGHỆ AN

2022



DDCI
NGHỆ AN

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH VÀ
ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH NGHỆ AN NĂM 2022

Đơn vị chủ trì, quản lý và thực hiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại
và Du lịch tỉnh Nghệ An
Economica Vietnam

Nhóm chuyên gia

ECONOMICA VIETNAM

Lê Duy Bình
Phạm Tiến Dũng
Nguyễn Thúy Nhị
Phạm Minh Tuyết
Đồng Thị Kiều Trang
Lê Quỳnh Chi

DDCI NGHỆ AN

2022

BÁO CÁO

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI) NGHỆ AN NĂM 2022

DDCI

TỈNH
NGHỆ AN 2022

Đơn vị chủ trì: UBND tỉnh Nghệ An

Đơn vị thực hiện tư vấn:
Economica Vietnam

Tháng 8, 2023

Để tham khảo báo cáo đầy đủ, hồ sơ, dữ liệu về DDCI Nghệ An đề nghị truy cập trang web:
<https://nghean.ddci.org.vn/>



LỜI CẢM ƠN

Chỉ số Năng lực cạnh tranh Sở, Ban, Ngành và địa phương (DDCI) là công trình đánh giá thực tiễn về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh tại Sở, Ban, Ngành các huyện, thành phố, thị xã. Qua điều tra thực tế, DDCI Nghệ An năm 2022 đã tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh, cụ thể là các DN/HTX/HKD về công tác điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và lãnh đạo các cơ quan đó một cách hệ thống. Mục tiêu cuối cùng chính là mang lại lợi ích cho các DN/HTX/HKD và nhà đầu tư, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại Nghệ An.

Tại Nghệ An, UBND tỉnh đã phê duyệt đề án Đánh giá năng lực cạnh tranh của Chính quyền địa phương và Sở, ban, ngành tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021 - 2025 (DDCI - Department and District Competitiveness Index) vào tháng 7/2021. Trên cơ sở nghiên cứu các chỉ tiêu của bộ chỉ số PCI, các bộ chỉ số đánh giá của các tỉnh, thành khác, cũng như qua kết quả khảo sát đánh giá năm 2019, 2020 tại tỉnh Nghệ An và góp ý từ các sở, ban, ngành, các Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn, Bộ chỉ số DDCI của tỉnh Nghệ An đã được thực hiện thí điểm trong giai đoạn trên. Trên tinh thần thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và đề án cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch số 665/KH-UBND ngày 29/9/2022 về việc "Xây dựng bộ chỉ số và khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Nghệ An năm 2022". Đây là bước đi quyết liệt của lãnh đạo tỉnh để hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện, bền vững.

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An là đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện DDCI tỉnh Nghệ An năm 2022. Đơn vị tư vấn độc lập (Công ty Tư vấn về Quản lý Kinh tế, Economica Vietnam) chịu trách nhiệm về xây dựng bộ chỉ số DDCI Nghệ An, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện điều tra DDCI Nghệ An 2022, và xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu điều tra, xếp hạng DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo UBND tỉnh Nghệ An, lãnh đạo Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch và các sở, ban ngành tại tỉnh, cũng như lãnh đạo tại các huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Nghệ An đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện DDCI tại tỉnh Nghệ An.

Nhóm nghiên cứu đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về mặt phương pháp luận từ các chuyên gia Liên đoàn Thương mại Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Phó Tổng Thư ký, Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), Ông Ngô Vĩnh Bạch Dương (Viện Nhà nước và Pháp luật) cũng như rất nhiều các chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về mặt nội dung và chuyên môn của cán bộ các huyện, thành phố, thị xã và các Sở ban ngành, Hiệp hội, Liên minh hợp tác xã, Cục thống kê tỉnh và các cơ quan khác trong quá trình xây dựng phương pháp luận, thiết kế khảo sát của nghiên cứu này.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	4
MỤC LỤC	5
Danh mục từ viết tắt.....	8
Danh mục bảng.....	9
Danh mục biểu đồ, hình vẽ	9
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG	11
1.1. DDCI - Sự cần thiết.....	11
1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu.....	13
CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH.....	21
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI sở ban ngành.....	21
2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI địa phương	22
CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ BAN NGÀNH	26
3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI sở ban ngành.....	26
3.2. Hồ sơ DDCI sở ban ngành năm 2022	31
NHÓM A	31
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....	31
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	31
BQLKKT ĐÔNG NAM	32
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH	32
SỞ XÂY DỰNG.....	33
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....	33
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	34
CỤC HẢI QUAN	34
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG.....	35
SỞ CÔNG THƯƠNG.....	35
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.....	36
CỤC THUẾ	36
NHÓM B	37
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	37
SỞ TƯ PHÁP	37
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO.....	38
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....	38
SỞ DU LỊCH.....	39
CÔNG AN TỈNH	39
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH.....	40

SỞ Y TẾ	40
SỞ TÀI CHÍNH	41
SỞ NGOẠI VỤ	41
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ.....	42
3.3. Hồ sơ DDCI sở ban ngành theo CSTP	43
3.3.1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	43
3.3.2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin	46
3.3.3. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật.....	49
3.3.4. Chi phí không chính thức.....	51
3.3.5. Cạnh tranh bình đẳng.....	54
3.3.6. Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành.....	55
3.3.7. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.....	58
3.3.8. Hiệu lực thiết chế.....	64
CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG	69
4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI địa phương.....	69
4.2. Hồ sơ DDCI địa phương năm 2022	73
NGHI LỘC	73
THỊ XÃ HOÀNG MAI	73
TƯƠNG DƯƠNG.....	74
QUẾ PHONG.....	74
KỶ SƠN.....	75
CON CUÔNG	75
TÂN KỶ.....	76
ĐÔ LƯƠNG.....	76
THỊ XÃ CỬA LÒ	77
THỊ XÃ THÁI HÒA.....	77
THANH CHƯƠNG	78
THÀNH PHỐ VINH.....	78
NAM ĐÀN	79
QUỲNH LƯU.....	79
NGHĨA ĐÀN.....	80
ANH SƠN	80
DIỄN CHÂU.....	81
YÊN THÀNH.....	81
QUỲ HỢP.....	82
QUỲ CHÂU.....	82
HƯNG NGUYỄN	83
4.3. Hồ sơ DDCI địa phương.....	84

4.3.1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thủ tục hành chính.....	84
4.3.2. Tính minh bạch và khả năng công nghệ thông tin.....	86
4.3.3. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật.....	89
4.3.4. Chi phí không chính thức.....	93
4.3.5. Cạnh tranh bình đẳng.....	94
4.3.6. Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	96
4.3.7. Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.....	98
4.3.8. Hiệu lực thiết chế và An ninh trật tự.....	106
4.3.9. Tiếp cận đất đai.....	107
TÀI LIỆU THAM KHẢO	110
PHỤ LỤC.....	112

Danh mục từ viết tắt

BHXH	Bảo hiểm xã hội
CCHC	Cải cách hành chính
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, Ngành và địa phương
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ-TB&XH	Lao động – Thương binh & Xã hội
NN&PTNT	Nông thôn & Phát triển nông thôn
PCI	Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)
QLNN	Quản lý nhà nước
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VH-TT	Văn hóa – Thể thao

Danh mục bảng

Bảng 4.1. Tỷ lệ các cơ sở SXKD ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC..... 92

Danh mục biểu đồ, hình vẽ

Danh mục biểu đồ

Biểu đồ 2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp sở ban ngành.....	21
Biểu đồ 2.2. Tác động của đại dịch Covid -19 đến sản xuất kinh doanh	21
Biểu đồ 2.3. Tình hình lái/lỗ của các HKD qua DDCI địa phương	23
Biểu đồ 3.1. DDCI Sở ban ngành năm 2022 tỉnh Nghệ An – nhóm A	29
Biểu đồ 3.2. DDCI Sở ban ngành năm 2022 tỉnh Nghệ An – nhóm B	30
Biểu đồ 3.3. Điểm số CSTP “Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC”	43
Biểu đồ 3.4. Điểm số Tổng thời gian dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, TTHC liên quan tới GNTT	44
Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin”	46
Biểu đồ 3.6. Tính chủ động trong việc cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở	48
Biểu đồ 3.7. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ QĐPL”	49
Biểu đồ 3.8. Tỷ trọng số lần thanh tra, kiểm tra.....	50
Biểu đồ 3.9. Điểm số Chỉ tiêu “hiệu quả của các hoạt động thanh tra, kiểm tra.....	50
Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”	52
Biểu đồ 3.11. Mức độ phổ biến của Chi phí không chính thức theo lĩnh vực quản lý	53
Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”	54
Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP “Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành”	56
Biểu đồ 3.14. Tỷ lệ DN/HTX được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các sở ban ngành	57
Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP “Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh”	58
Biểu đồ 3.16. Điểm số CSTP “Hiệu lực thiết chế”	64
Biểu đồ 3.17. Điểm số chỉ tiêu “hỗ trợ pháp lý cho các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”	65
Biểu đồ 4.1. Thứ hạng và điểm số DDCI địa phương năm 2022 – tỉnh Nghệ An	71
Biểu đồ 4.2. Điểm số các chỉ số thành phần	72
Biểu đồ 4.3. Điểm số CSTP “Chi phí gia nhập thị trường”	84
Biểu đồ 4.4. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức	85
Biểu đồ 4.5. số CSTP “Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin”	86
Biểu đồ 4.6. Việc ứng dụng CNTT/nhiều phương thức mới để giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các HKD	88
Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ QĐPL”	90
Biểu đồ 4.8. Tỷ trọng số lượng các đợt thanh tra, kiểm tra.....	92
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”	93
Biểu đồ 4.10. Mức độ phổ biến Chi phí không chính thức theo lĩnh vực.....	94
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”	95
Biểu đồ 4.12. Thứ Điểm số CSTP “Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương” ..	96
Biểu đồ 4.13. Tỷ lệ tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của huyện/thành phố/thị xã, phường/xã.....	97
Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP “Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự”	106
Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai”	108

Danh mục hình vẽ

Hình 3.1. Bản đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế theo DDCI 2022..... 70

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG



CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. DDCI - Sự cần thiết

Sự cần thiết của việc đánh giá năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh Sở, Ban, Ngành và địa phương

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Tuy nhiên, sự bùng nổ và những dư địa của Covid-19 đã có những tác động tiêu cực và ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt từ kinh tế đến xã hội trong phạm vi cả nước nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng. Để khắc phục những khó khăn đó, tỉnh Nghệ An đã có những hành động quyết liệt, thực hiện nhiệm vụ bình ổn kinh tế-xã hội.

Để đạt được những kết quả này phải kể đến đóng góp lớn của khối DN/HTX/HKD khi đây là nhóm chiếm tỷ lệ lớn trong cơ sở sản xuất kinh doanh tại Nghệ An. Các cơ sở sản xuất kinh doanh này một mặt góp phần gia tăng giá trị GRDP của tỉnh, mặt khác cũng là các tác nhân chính tạo công ăn việc làm cho người dân. Để tận dụng tối đa các tiềm năng, đưa Nghệ An tiếp tục phát triển, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, khuyến khích sự phát triển của khối hộ kinh doanh và hợp tác xã thì nâng cao năng lực cạnh tranh ở các cấp, các ngành là nội dung rất quan trọng.

Mức độ tác động của các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh do chính quyền 63 tỉnh, thành thực hiện trong thời gian qua được DN đánh giá thông qua nhiều cách thức, tiêu biểu trong số đó là Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) tiến hành điều tra hàng năm. PCI năm 2022 của tỉnh Nghệ An đạt 66,60 điểm, xếp hạng thứ 23/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng so với vị trí 30/63 năm 2021), xếp hạng thứ 7/14 các tỉnh thuộc khu vực Duyên Hải Miền Trung. So với năm 2021, PCI của tỉnh tăng 1,86 điểm, 07 bậc trên bảng xếp hạng PCI cả nước. Theo đó, trong 10 chỉ số thành phần thì có 05 chỉ số tăng điểm so với năm 2021 là: cạnh tranh bình đẳng (tăng 2,54 điểm), thiết chế pháp lý (tăng 0,91 điểm), tính năng động (tăng 0,55 điểm), chi phí không chính thức (tăng 0,47 điểm) và tính minh bạch (tăng 0,01 điểm), 5/10 chỉ số thành phần giảm điểm, đó là chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (giảm 0,93 điểm), đào tạo lao động (giảm 0,77 điểm), chi phí thời gian (giảm 0,49 điểm), tiếp cận đất đai (giảm 0,25 điểm), gia nhập thị trường (giảm 0,22 điểm).

Với quyết tâm chính trị cao và mong muốn tiếp tục tạo những chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh và xếp hạng chỉ số PCI của tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả những nhiệm vụ, nội dung theo kế hoạch của UBND tỉnh. Coi việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên.

Với những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong thực hiện chỉ số PCI, Nghệ An quyết tâm thực hiện, cải thiện những mặt chưa đạt, phát huy hơn nữa các chỉ số đã thực hiện hiệu quả, nhằm hướng đến thang điểm cao nhất trong đánh giá của các doanh nghiệp và đặt mục tiêu phấn đấu nằm trong top 10 chỉ số PCI cả nước.

Đặc biệt, không chỉ dừng lại ở đánh giá PCI, trước thực tiễn nhu cầu cần đánh giá hiệu quả hoạt động của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cũng như bài học kinh nghiệm hiệu quả của đánh giá DDCI trong việc cải thiện năng lực cạnh tranh và tăng cường tính trách nhiệm, minh bạch, cải tổ của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện ở một số tỉnh như Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Ninh và Đồng Tháp... nhiều tỉnh thành khác đã thực sự bắt tay vào đánh giá môi trường kinh doanh của mình một cách sâu sắc hơn, trong đó có tỉnh Nghệ An.

DDCI Nghệ An năm 2022 tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh, cụ thể là các DN/HTX/HKD về công tác điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và lãnh đạo các cơ quan đó một cách hệ thống. Thông qua kết quả trên, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố sẽ có những đánh giá, điều chỉnh thích

hợp để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại tỉnh. Mục tiêu cuối cùng chính là mang lại lợi ích cho các DN/HTX/HKD và nhà đầu tư, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại Nghệ An. Hơn thế nữa, điểm đổi mới và toàn diện hơn so với cách đánh giá DDCI cũ là cách tiếp cận toàn diện tới các vấn đề chuyển đổi số, phát triển bao trùm, phát triển bền vững. Từ đó đưa ra những giải pháp toàn diện với mục đích “không ai bị bỏ lại phía sau” nhằm phát triển KT-XH một cách bền vững và ứng dụng công nghệ 4.0 hướng tới chuyển đổi số trong tương lai.

Sáng kiến và những điểm mới trong DDCI Nghệ An năm 2022

Phương pháp khoa học và hệ thống: DDCI Nghệ An được xây dựng dựa trên kinh nghiệm đã thực hiện tại các địa phương, kinh nghiệm trước đó của Nghệ An và tham khảo ý kiến chuyên gia. Đồng thời, bộ tiêu chí cũng được nghiên cứu, đánh giá so với PCI.

Vừa cập nhật vừa duy trì các CSTP hàng năm: Bộ chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022 vừa phản ánh kịp thời nhịp độ cải cách của các cơ quan tại tỉnh, với các chỉ tiêu phù hợp, đo lường được chất lượng quản lý, điều hành vừa phải giữ được tính ổn định qua thời gian, để làm cơ sở so sánh cho các cơ quan đánh giá chính xác những thay đổi, biến động về chất lượng điều hành kinh tế và kiểm nghiệm mối liên hệ với hiệu quả kinh doanh của DN/HTX/HKD.

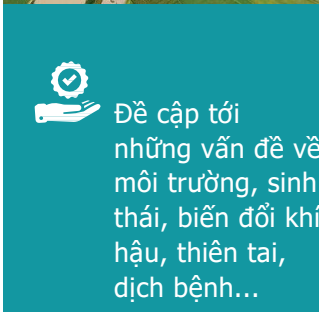
Cải tiến và hoàn thiện những CSTP thông qua kinh nghiệm của các địa phương đã triển khai: Những CSTP hiện có cũng được chỉnh lý và hoàn thiện hơn. Ví dụ, CSTP “Chi phí gia nhập thị trường” do thực tế cho thấy nhiều cơ quan đã áp dụng trả kết quả qua đường bưu điện và các cơ sở không phải đi lại quá nhiều lần. Ngoài ra, trong vài trường hợp, cách đặt câu hỏi được điều chỉnh để người đọc dễ hiểu hơn và đánh giá cảm nhận một cách chính xác.

Câu hỏi mở: Trong phiếu khảo sát DDCI Nghệ An năm 2022 có phần đóng góp ý kiến với một số câu hỏi mở để các DN/HTX/HKD đóng góp ý kiến thêm về những vấn đề chính mà họ thấy cần cải thiện trong thời gian tới. Những ý kiến này cũng đã được tổng hợp.

DDCI Nghệ An năm 2022 đề cập tới những vấn đề về môi trường, sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trong khảo sát; các vấn đề về xã hội, phát triển bền vững; các vấn đề phát triển trong thời kì công nghiệp 4.0, chuyển đổi số... Vượt khỏi cách tiếp cận truyền thống, DDCI Nghệ An đánh giá chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan, chính quyền địa phương từ các góc độ này. Bằng cách đó, DDCI sẽ khuyến khích chính quyền tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chú ý và quan tâm đúng mức về hoạt động quản lý, điều hành kinh tế tại Nghệ An, đảm bảo hài hòa các vấn đề về phát triển bao trùm, xã hội và môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.



- Phương pháp khoa học và hệ thống
- Vừa cập nhật vừa duy trì các CSTP hàng năm
- Cải tiến và hoàn thiện các CSTP
- Bổ sung câu hỏi mở



Đề cập tới những vấn đề về môi trường, sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh...



Quy trình triển khai DDCI Nghệ An đã được chuẩn hóa, xây dựng trên nền tảng trực tuyến (platform)

Để phản ánh được tiếng nói của các cơ sở kinh tế tới các cấp chính quyền thì tiếp tục lắng nghe và tháo gỡ những khó khăn cho DN/HTX/HKD trong quá trình phòng, chống thiên tai, ảnh hưởng tiêu cực của thời tiết, dịch bệnh là rất cần thiết. Do đó, DDCI với vai trò là cầu nối và phản ánh bức tranh môi trường đầu tư, kinh doanh ở tỉnh Nghệ An sẽ tiếp tục duy trì những nội dung này trong quá trình triển khai DDCI Nghệ An năm 2022.

Quy trình triển khai DDCI Nghệ An đã được chuẩn hóa, xây dựng trên nền tảng trực tuyến (platform). Trước xu thế hiện nay, việc khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform được tăng cường sử dụng. Để hình thức này được triển khai hiệu quả, hoạt động truyền thông đã được đẩy mạnh và đặc biệt là sự hỗ trợ của các cán bộ điều tra để hướng dẫn và theo dõi tiến độ và chất lượng phiếu trả lời. Ngoài ra, hình thức gửi thư điện tử, khảo sát trực tiếp đến các DN, HTX, HKD ngoài danh sách mẫu để thu thập đồng thời các ý kiến đánh giá cũng được thực hiện.

Nền tảng công nghệ đang được ứng dụng đối với DDCI Nghệ An hiện tại cho phép toàn bộ quá trình điều tra, xử lý số liệu và trả kết quả điều tra được thực hiện trực tuyến. DDCI Nghệ An năm 2022 đẩy mạnh việc khuyến khích triển khai khảo sát trực tuyến. Điều này cũng cho phép tỉnh nắm bắt được kết quả về đánh giá chất lượng công tác điều hành toàn diện, gần như tức thời sau khi hoạt động điều tra, khảo sát được hoàn thành.

1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan hệ tương tác thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và chính quyền huyện, thị xã, thành phố cũng rất khác nhau. Trong khi các đối tượng phục vụ chính của các sở, ban, ngành là DN, HTX (và một phần nhỏ là các HKD) thì đối với chính quyền các huyện, thị xã, thành phố, đối tượng phục vụ chính lại là các HKD (và một phần các DN/HTX). Vì lý do này để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, bộ chỉ số DDCI Nghệ An sẽ gồm hai chỉ số: (i) DDCI sở, ban, ngành và (ii) DDCI địa phương (huyện/thị xã/thành phố).

Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu của bộ chỉ số DDCI Nghệ An được xây dựng trên nguyên tắc nền tảng và thông lệ tốt về điều hành và quản trị kinh tế của các cấp chính quyền tại tỉnh. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu bao quát toàn diện các mặt quản lý, điều hành kinh tế của các cấp chính quyền. Hơn thế nữa, bộ chỉ số DDCI Nghệ An dựa trên kết quả phân tích những điểm mạnh, những điểm còn hạn chế trong các chỉ số thành phần PCI của tỉnh Nghệ An để xây dựng các chỉ tiêu thích hợp. Từ đó, việc xác định các chỉ số thành phần thấp điểm, cần cải thiện trong bộ chỉ số DDCI Nghệ An giúp các cơ quan biết được điểm nào cần cải thiện trong năng lực hoạt động của mình, điểm nào cần chú ý trong công tác hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là các công tác liên quan tới môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp.

Các chỉ số thành phần, các chỉ tiêu có tính đại diện và là mẫu số chung để so sánh về năng lực quản lý, điều hành kinh tế giữa sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Đây là nguyên tắc nhằm đảm bảo tính hợp lý và khả năng so sánh, xếp hạng công bằng giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Mỗi chỉ số thành phần được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu khác nhau. Các chỉ tiêu này phản ánh chi tiết những nội dung của chỉ số thành phần, cung cấp các thông tin đầy đủ, toàn diện, chi tiết về các mặt của công tác quản lý, điều hành kinh tế bởi các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Tương tự như chỉ số thành phần, các chỉ tiêu phải đảm bảo được tính đại diện, phải là mẫu số chung, thước đo chung và có ý nghĩa áp dụng đối với tất cả các đơn vị được đánh giá.

Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu cũng cho phép xác định các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm về những điểm mạnh và điểm yếu của từng điểm cụ thể trong công tác điều hành. Các chỉ số thành phần, chỉ tiêu và cơ sở dữ liệu của bộ chỉ số DDCI Nghệ An

cho phép xác định rõ ràng, chính xác đầu mối chịu trách nhiệm đối với các hành động nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục những tồn tại đối với từng lĩnh vực cụ thể trong công tác quản lý, điều hành kinh tế ở cả cấp sở ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Từ đó, có thể dễ dàng xác định trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm giải trình của từng đơn vị quản lý trong từng nội dung cụ thể của hoạt động điều hành và quản trị kinh tế.

Phần tiếp theo đây trình bày về nội hàm của các chỉ số thành phần chính trong Bộ chỉ số DDCI năm 2022.

1.2.1. Hệ thống Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu trong DDCI

CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRONG DDCI 2022

(1) Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC: Chỉ số này liên quan đến tất cả các TTHC mà các cơ sở kinh tế phải thực hiện trong quá trình hoạt động hoặc để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng kí kinh doanh/thành lập, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng kí lao động, thuế, bảo hiểm xã hội, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường...

(2) Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin: Chỉ số này đánh giá khả năng và sự dễ dàng khi DN/HTX/HKD có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.

(3) Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật: Chi phí này đo lường thời gian mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian hay số lần đi lại cho việc tìm hiểu quy định, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.

(4) Chi phí không chính thức: Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.

(5) Cạnh tranh bình đẳng: Chỉ số thành phần này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DN/HTX/HKD lớn với DN/HTX/HKD nhỏ, giữa DN/HTX/HKD với

DN/HTX/HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX, giữa DN/HTX/HKD trong địa phương và ngoài địa phương).

(6) Tính năng động và tiên phong: Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo, tính tiên phong, chủ động, tích cực của các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN/HTX/HKD.

(7) Hoạt động hỗ trợ SXKD: Nội dung chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các Sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở kinh tế phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN/HTX/HKD.

(8) Hiệu lực thiết chế: Chỉ số này được xây dựng nhằm đánh giá hiệu quả của các cơ quan chính quyền trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật, chính sách (một nội dung quan trọng của thể chế) và cơ chế xử lý các khiếu nại, tố cáo từ phía cộng đồng dân doanh và các nhà đầu tư liên quan tới quá trình thực thi các quy định pháp luật.

Ngoài ra, riêng với DDCI cấp địa phương còn đánh giá thêm khía cạnh “an ninh trật tự” trong việc đảm bảo an ninh trật tự đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các trường hợp gây nhiễu, phiền hà cho các DN/HTX/HKD hoạt động trên địa bàn từ góc độ an ninh, trật tự.

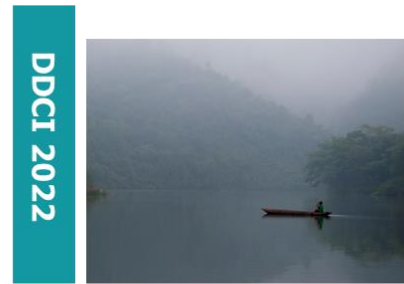
(9) Tiếp cận đất đai: Chỉ số này chỉ áp dụng đối với DDCI cấp địa phương. Chỉ số này chỉ đo lường mức độ thuận lợi có được địa điểm kinh doanh và tính minh bạch, hiệu quả của cơ chế giải quyết các thủ tục, quy trình về đất đai tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

1.2.2. Đặc điểm của mẫu khảo sát DDCI 2022

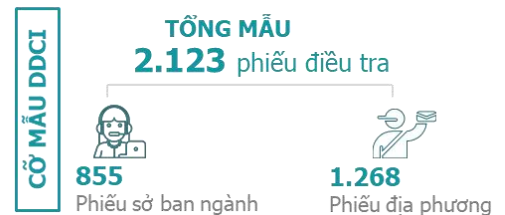
Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, Ban, Ngành và địa phương gồm hai nội dung quan trọng: năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành và năng lực cạnh tranh địa phương.

Khảo sát DDCI Nghệ An 2022 tiếp cận 2.500-3.000 cơ sở SXKD (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, nhà đầu tư)... thu về 2.123 phiếu điều tra, trong đó 1.268 ý kiến của cơ sở sản xuất kinh doanh cấp địa phương (chủ yếu là HKD, một phần là các DN, HTX, hiệp hội, chi hội...) (15,69% phiếu trực tuyến) và 855 phiếu từ chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, một số HKD và ý kiến của các Hiệp hội, chi hội trong mẫu sở ban ngành (92,63% phiếu trực tuyến).

Mẫu khảo sát DDCI 2022 được lựa chọn theo phương pháp mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Cơ sở dữ liệu cho mẫu khảo sát bao gồm: mẫu khảo sát DDCI sở ban ngành và mẫu khảo sát DDCI địa phương.



Nghệ An



o MẪU KHẢO SÁT DDCI ĐỊA PHƯƠNG

1.268 chủ cơ sở sản xuất kinh doanh



21 huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Nghệ An

- TP Vinh: 10,09%
- Quỳnh Lưu: 7,89%
- Yên Thành: 7,26%
- Diễn Châu: 7,1%
- Đô Lương: 6,31%
- Thanh Chương: 5,52%
- Nghi Lộc: 5,13%
- Nam Đàn: 4,57%
- TX. Cửa Lò: 3,86%
- TX. Hoàng Mai: 3,86%
- Nghĩa Đàn: 3,71%
- Tân Kỳ: 3,71%
- Anh Sơn: 3,71%
- Hưng Nguyên: 3,63%
- Quỳnh Hợp: 3,63%
- TX. Thái Hòa: 3,63%
- Quế Phong: 3,39%
- Quỳnh Châu: 3,31%
- Tương Dương: 3,31%
- Con Cuông: 3,23%
- Kỳ Sơn: 3,15%

Phương pháp chọn mẫu DDCI địa phương đã được cân nhắc đến sự khác biệt về địa lý, tình hình kinh tế xã hội, đặc trưng của các địa phương. Do đó, phương pháp chọn mẫu dựa trên chọn mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỷ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm cơ sở SXKD (chủ yếu là HKD) theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ này được tính toán dựa trên tỷ lệ số cơ sở SXKD ở địa phương đó trên tổng số cơ sở SXKD của tỉnh. Với các địa phương có số lượng cơ sở SXKD thấp, mẫu cơ sở SXKD sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo số lượng mẫu tối thiểu về mặt thống kê và cân đối với các địa phương có số lượng cơ sở SXKD lớn.

Theo lĩnh vực

- Cách đây trên 10 năm: 28,72%
- Cách đây 6-10 năm: 24,56%
- Cách đây 2-5 năm: 24%
- Cách đây <2 năm: 9,84%
- Không đăng ký kinh doanh: 12,88%

Năm 2022, DDCI địa phương được tổng hợp và phân tích dựa trên ý kiến của 1.268 chủ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn 21 huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Nghệ An. Trong đó, theo giới tính, 56,43% chủ hộ kinh

doanh là nam giới và 43,57% chủ hộ kinh doanh là nữ giới.

Có 28,72 % tổng số hộ kinh doanh tham gia khảo sát DDCI Nghệ An cấp địa phương năm 2022 đã đăng ký kinh doanh cách đây 10 năm trở lên, và 12,88% số HKD chưa đăng ký kinh doanh. Hầu hết các cơ sở SXKD trong mẫu khảo sát đều đã đăng kí kinh doanh và có phát sinh thuế.

Theo lĩnh vực ngành nghề, trong tổng số các cơ sở SXKD tham gia vào khảo sát DDCI địa phương, chiếm đa số là các cơ sở SXKD hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ (77,89%), 13,91% cơ sở SXKD hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng, và 8,20 % cơ sở SXKD làm về nông lâm nghiệp thủy sản. Nhìn chung, hầu hết các HKD vẫn đang tập trung trong lĩnh vực bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy và dịch vụ lưu trú... Tỷ lệ HKD làm trong các lĩnh vực còn lại khá thấp.

○ MẪU KHẢO SÁT DDCI SỞ BAN NGÀNH

Năm 2022, Nghệ An đánh giá 25 Sở, Ban, Ngành. Để tìm hiểu sâu sắc hơn về các lĩnh vực thuộc sở ban ngành dưới góc độ đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, DDCI Nghệ An sẽ đánh giá theo lĩnh vực quản lý tại các sở ban ngành liên quan đến môi trường kinh doanh. Cụ thể như sau:

DDCI SỞ BAN NGÀNH

DDCI Sở ban ngành sẽ tập trung đánh giá các **sở, ngành và cơ quan cấp tỉnh** chính như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư
2. Sở Tài chính
3. Sở Tài nguyên và Môi trường
4. Sở Xây dựng
5. Sở Giao thông vận tải
6. Sở Công Thương
7. Cục Quản lý thị trường
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9. Sở Văn hóa, Thể thao
10. Sở Thông tin và Truyền thông
11. Sở Y Tế
12. Sở Khoa học và Công nghệ
13. Sở Giáo dục và Đào tạo
14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
15. Sở Ngoại vụ
16. Sở Tư pháp
17. Sở Du lịch
18. BQL Khu Kinh tế Đông Nam
19. Cục Thuế
20. Cục Hải quan
21. Bảo hiểm Xã hội
22. Ngân hàng NN chi nhánh tỉnh
23. Công an tỉnh
24. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (Không đưa vào đánh giá vì số lượng mẫu ít và là đơn vị sự nghiệp, ít tương tác với DN)

Thông qua điều tra DDCI, có thể dễ dàng chẩn đoán được về chất lượng điều hành trong các **lĩnh vực cụ thể** như sau:

1. Đăng ký Kinh doanh
2. Đầu tư
3. Tài chính
4. Đất đai
5. Tài nguyên Môi trường
6. Xây dựng
7. Giao thông, vận tải
8. Công nghiệp, Thương mại
9. Quản lý thị trường
10. Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản
11. Văn hóa, Thể thao
12. Thông tin, Truyền thông, Viễn thông
13. Y tế
14. Khoa học, Công nghệ
15. Giáo dục, Đào tạo
16. Lao động, Dạy nghề và An toàn lao động
17. Ngoại vụ
18. Tư pháp
19. Du lịch
20. Quản lý Khu Kinh tế
21. Thuế
22. Hải quan
23. Bảo hiểm xã hội
24. Ngân hàng, tín dụng
25. Phòng cháy chữa cháy – CA tỉnh
26. Lĩnh vực khác liên quan MTKD (Quản lý phương tiện giao thông cơ giới, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, môi trường...) – CA tỉnh

Với các sở ban ngành, phương pháp được sử dụng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỷ lệ DN/HTX có tương tác với sở, ban, ngành (theo danh sách mẫu mà các sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó; các DN/HTX có quan tâm, hiểu biết về sở ban ngành và đánh giá từ các hội, hiệp hội, chi hội... đại diện cho tiếng nói của DN/HTX hội viên có hiểu biết, tương tác với sở ban ngành). Đối với một số sở, ban, ngành có ít DN/HTX tương tác sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu toàn bộ danh sách mà sở, ban, ngành cung cấp cũng như bổ sung thêm mẫu dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về sở, ban, ngành đó. Đồng thời, để cân đối tỷ lệ phân bổ mẫu giữa các sở, ban, ngành, việc chọn mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với các sở, ban, ngành có số lượng DN/HTX tương tác lớn (cơ quan Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan...) cho phù hợp.

Mẫu khảo sát cho DDCI cấp sở, ban, ngành được lựa chọn trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của sở, ban, ngành.

Việc chọn mẫu khảo sát sẽ đảm bảo mỗi sở, ban, ngành thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước/dịch vụ công phải có tối thiểu 30 phiếu trả lời/1 lĩnh vực. Với các Sở, ban, ngành có cỡ mẫu nhỏ hơn 30, sẽ đánh giá toàn bộ các DN/HTX thực hiện TTHC và sử dụng dịch vụ công với sở, ban, ngành đó như đã nêu trên.

DDCI sở ban ngành thu về 855 phiếu của DN/HTX/HKD/Hội, chi hội. Các DN/HTX có thể đánh giá nhiều hơn một sở ban ngành nếu có sử dụng dịch vụ công, am hiểu hoặc tương tác trực tiếp với sở ban ngành đó. Thuế, Bảo hiểm xã hội, Công nghiệp và Thương mại, Quản lý thị trường, Xây dựng, Giao thông – Vận tải, Lao động – Thương binh và Xã hội, Hải quan, Đăng ký kinh doanh và đầu tư, Tài nguyên môi trường, Đất đai là những lĩnh vực có tỷ trọng phiếu đánh giá cao hơn so với các lĩnh vực khác.

Theo giới tính, tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ/điều hành tham gia đánh giá DDCI cấp sở, ban, ngành là 28,47%, tỷ lệ này với nam giới là 71,53%.

Xét về thời gian thành lập, hầu hết các doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập trong khoảng thời gian 10 năm trở lại đây, chỉ có khoảng 41,77% số doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập cách đây 10 năm trở lên. Tỷ lệ thành lập 2 năm trở lại đây là 12,45%.

Xét về lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm đa số 60,9% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, 29,58% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng và DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ lệ 9,52%.

Khảo sát DDCI sở ban ngành cũng chỉ ra rằng, tỷ lệ các DN/HTX trong mẫu khảo sát có tiền thân từ hộ kinh doanh chỉ chiếm 9,64%.



DDCI sở ban ngành

Theo thời gian đăng ký

- Trên 15 năm: 25,36%
- Cách đây 11-15 năm: 17,20%
- Cách đây 6-10 năm: 23,76%
- Cách đây 2-5 năm: 20,99%
- Cách đây < 2 năm: 12,69%



Tỷ lệ mẫu

Theo lĩnh vực

- Thương mại, dịch vụ: 60,91%
- Công nghiệp, xây dựng: 29,58%
- Nông/lâm nghiệp/thủy sản: 9,52%

CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN MTKD



CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

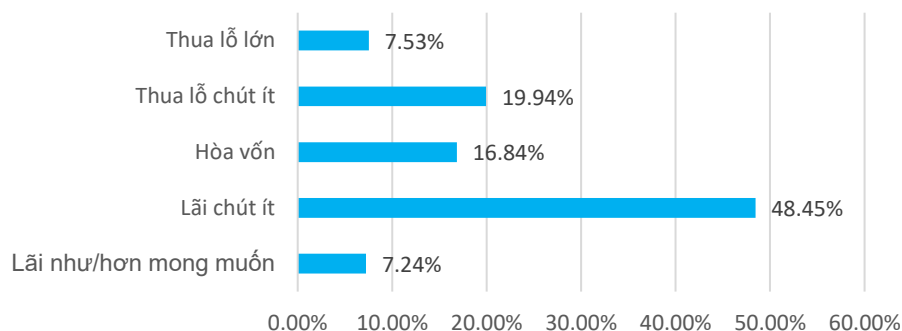
Cảm nhận chung về môi trường kinh doanh trong Khảo sát DDCI Nghệ An 2022 đề cập đến tình hình sản xuất và triển vọng kinh doanh tại tỉnh Nghệ An. Qua góc nhìn DDCI, hơn 2.000 DN/HTX/HKD đã chia sẻ cảm nhận chung về môi trường kinh doanh và cung cấp bức tranh tổng quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong năm vừa qua tại tỉnh.

2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI sở ban ngành

Biến động khó lường từ kinh tế trong nước và địa phương năm 2022 đưa đến hai gam màu tương phản trong kết quả sản xuất kinh doanh của những doanh nghiệp qua góc nhìn DDCI sở ban ngành. Có doanh nghiệp lãi như mong muốn (7,24%), trong đó có doanh nghiệp phải đối diện với thua lỗ lớn (7,53%). Chiếm đa số là các doanh nghiệp lãi chút ít với tỷ lệ là 48,45% và có 16,84 % DN/HTX kinh doanh hòa vốn. Tỷ lệ còn lại thuộc về các DN thua lỗ chút ít trong năm 2022. Nhìn chung, vẫn còn hơn 1/4 DN/HTX kinh doanh thua lỗ trong năm vừa qua.

Biểu đồ 2.1.

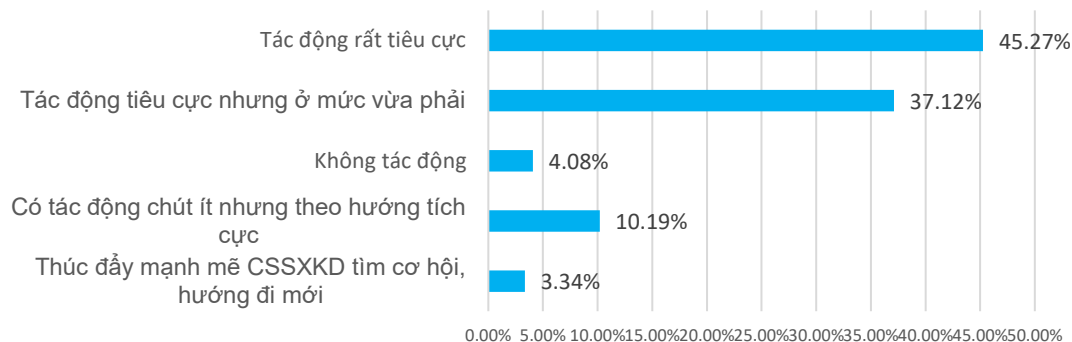
Tình hình sản xuất kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp sở ban ngành



Năm 2022 vẫn là một năm khó khăn khi “dư âm” từ đại dịch kéo dài, giá nhiên liệu xăng dầu tăng cao, tổn thất vì thiên tai... Khi được hỏi về ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 tới sản xuất kinh doanh, 45,27% DN/HTX vẫn cho rằng các tác động này rất tiêu cực ảnh hưởng kếp dài đến thị trường, hoạt động và doanh thu. 37,12% ý kiến cho rằng các ảnh hưởng này tiêu cực và ở mức độ vừa phải. 13,53% các DN/HTX tìm thấy cơ hội, hướng đi mới, tái cấu trúc sau đại dịch.

Biểu đồ 2.2.

Tác động của đại dịch Covid -19 đến sản xuất kinh doanh



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Tuy nhiên, cùng sự cố gắng của toàn tỉnh và sự quan tâm, tạo điều kiện của các cấp có thẩm quyền, chủ động đưa ra các giải pháp thích ứng linh hoạt thì niềm tin kinh doanh của các doanh nghiệp có phần khả quan. Bên cạnh đó, năm 2024 khi thị trường được dự đoán là có tính cạnh tranh cao và thay đổi nhanh chóng, các doanh nghiệp tin tưởng việc có một tầm nhìn và chiến lược kinh doanh rõ ràng và hiệu quả sẽ có thể có tác động đáng kể đến sự phát triển của doanh nghiệp. Qua đó, doanh nghiệp có thể duy trì sự tập trung vào mục tiêu cốt lõi, khả năng thích ứng và phù hợp với xu hướng thị trường, định vị mình để phát triển và thành công. Chính vì vậy, 33,58 % doanh nghiệp có dự định tăng quy mô kinh doanh. Ở chiều ngược lại, 56,97% vẫn còn nhiều lo ngại, giữ nguyên quy mô kinh doanh hiện tại và 9,45% DN thu hẹp hoặc đóng cửa sản xuất.

Nhận định chung về quá trình điều hành phát triển KTXH tại tỉnh trong năm vừa qua, theo đại diện các doanh nghiệp trong khảo sát thì chất lượng quản lý và điều hành kinh tế của các sở ban ngành của tỉnh Nghệ An có cải thiện (91,45% đồng ý) nhưng tốc độ cải cách còn chậm.

Câu chuyện phát triển bền vững – Góc nhìn từ DDCI sở ban ngành

Ở góc độ quản lý nhà nước, Nghệ An cũng thể hiện sự quan tâm tới các vấn đề phát triển bao trùm, bền vững và gìn giữ các giá trị văn hóa, truyền thống, lịch sử (tỷ lệ đồng ý trên 92,24%). Tuy nhiên, 40,14% ý kiến cho rằng chính quyền tỉnh và các sở ban ngành đã có quan tâm đến phát triển bền vững song chưa có nhiều hoạt động lồng ghép, vẫn còn một chặng đường dài từ nhận thức tới hành động thực tế.



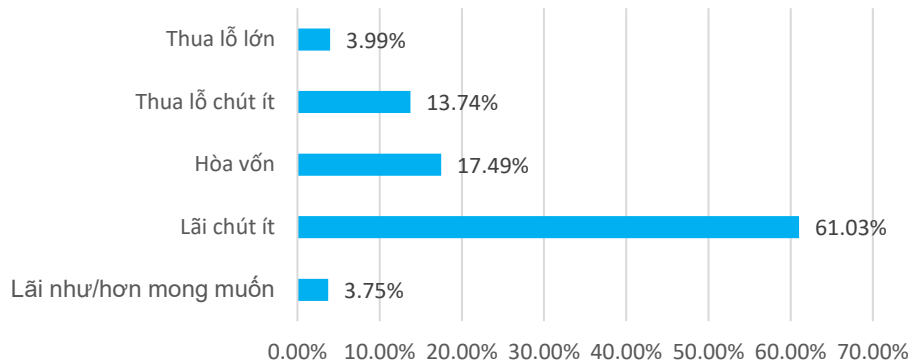
2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI địa phương

Khảo sát DDCI địa phương quan tâm nhiều đến các hộ kinh doanh. Bởi lẽ, đây là thành phần kinh tế cũng góp phần mang lại giá trị gia tăng, sản xuất kinh doanh tại các huyện, thị xã, thành phố. Bên cạnh đó, tương tác tại các huyện, thị xã, thành phố, chiếm đa số là các hộ kinh doanh thực hiện thủ tục hành chính và sử dụng dịch vụ công, chẳng hạn như thủ tục liên quan đến thành lập, giải thể, bổ sung thông tin cho hộ kinh doanh, cấp phép cho hộ kinh doanh có điều kiện, các chương trình đối thoại, hỗ trợ sản xuất kinh doanh... Các hộ kinh doanh có vai trò quan trọng, không chỉ trực tiếp tạo công ăn việc làm, làm gia tăng giá trị sản xuất mà còn là tiền thân quan trọng cho các doanh nghiệp.

Theo kết quả khảo sát DDCI tại các địa phương thuộc Nghệ An, tỷ lệ HKD làm ăn có lãi ở mức cao (64,78%), tuy nhiên, chủ yếu lãi chút ít (61,03%). 17,49% HKD kinh doanh hòa vốn và 17,73% HKD thua lỗ.

Biểu đồ 2.3.

Tình hình lãi/lỗ của các HKD qua DDCI địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Theo khảo sát DDCI, các HKD những năm vừa qua vốn đã bị ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch, cần tích lũy để phục hồi, nhưng lại phải đương đầu với nhiều cú sốc như giá cả, nguyên liệu đầu vào... khiến cho các khó khăn càng tác động mạnh mẽ. Trả lời cho nội dung về tác động tiêu cực từ thiên tai, ảnh hưởng xấu bởi thời tiết, dịch bệnh, 76,74% các HKD cho rằng họ chịu ảnh hưởng tiêu cực trong năm vừa qua.

Do còn nhiều lo ngại về tăng trưởng thị trường, hầu hết các HKD tiếp tục kinh doanh với quy mô hiện tại (82,11%). Vẫn tồn tại 7,51% HKD có dự định đóng cửa hoặc giảm quy mô kinh doanh trong những năm tới. Nhận diện về các cơ hội trong năm mới, một số HKD vẫn dự định mở rộng quy mô kinh doanh, tỷ lệ là 9,66%. Nghệ An là một trong số ít tỉnh có chương trình, hành động quan tâm đến các HKD chuyển đổi thành doanh nghiệp. Theo kết quả khảo sát DDCI, có 0,72% các HKD có nhu cầu, mong muốn chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Nhìn chung các HKD trong mẫu khảo sát hài lòng với mức độ quan tâm của chính quyền địa phương đối với nhu cầu kinh doanh tại tỉnh, với 92,61% số người được hỏi bày tỏ sự hài lòng đáng kể hoặc vừa phải. Chỉ có hơn 7,39% số hộ kinh doanh đánh giá chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An nhìn chung không có cải thiện hoặc xấu đi. Hầu hết các hộ kinh doanh tham gia khảo sát đồng ý rằng chính quyền địa phương đã có sự quan tâm đến các vấn đề phát triển bền vững, bao trùm (xã hội, môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh...) (>90%). Phản hồi tích cực này là minh chứng cho cam kết của chính quyền cấp địa phương trong việc thúc đẩy môi trường kinh doanh thân thiện đã được ghi nhận.



DDCI sở ban ngành



Góc nhìn từ khảo sát hơn 855 DN/HTX

Tình hình kinh doanh



Tỷ lệ chủ DN/HTX là nữ giới

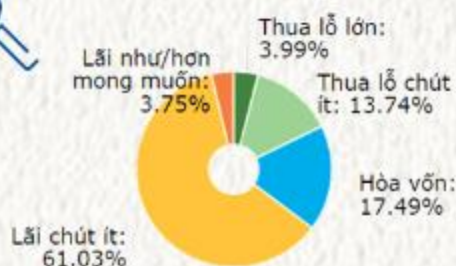
82,39% DN/HTX **chịu tác động tiêu cực** từ thiên tai, ảnh hưởng thời tiết xấu, dịch bệnh...

DDCI địa phương



Góc nhìn từ khảo sát hơn 1.268 cơ sở SXKD

Tình hình kinh doanh

Tỷ lệ **chủ cơ sở sản xuất kinh doanh là nữ giới** Chiếm 43,57%76,74%
CSSXKDChịu **tác động tiêu cực** Từ thiên tai, môi trường, dịch bệnh...10,38%
CSSXKDMong muốn **mở rộng sản xuất kinh doanh** hoặc chuyển đổi thành doanh nghiệp

Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022



Cảm nhận chung

Chất lượng quản lý và điều hành kinh tế của sở ban ngành, địa phương thuộc tỉnh Nghệ An **có cải thiện** (trên 90 % đồng ý) **nhưng tốc độ cải cách còn chậm**.

Nghệ An cũng thể hiện sự quan tâm tới các vấn đề phát triển bao trùm, bền vững và gìn giữ các giá trị văn hóa, truyền thống, lịch sử (tỷ lệ đồng ý trên 90%).

CHƯƠNG 3.
DDCI SỞ BAN NGÀNH





CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ BAN NGÀNH

3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI sở ban ngành

Do nhiệm vụ, chức năng của các sở ban ngành là khác biệt, một số sở ban ngành có nhiều tương tác với các DN/HTX và có đối tượng phục vụ chính là DN/HTX. Trong khi đó, một số sở ban ngành lại có đối tượng phục vụ chính không phải là các DN/HTX. DDCI là chỉ số chỉ đánh giá về chất lượng quản trị công, điều hành kinh tế, nỗ lực cải thiện MTKD phục vụ DN/HTX và các cơ sở kinh tế và do vậy chỉ đánh giá, xếp hạng các sở, ban, ngành ở nội dung này, và không đánh giá chất lượng điều hành của các sở, ban, ngành trên tất cả các mặt hoạt động, quản lý.

Trên cơ sở báo cáo phương pháp luận DDCI Nghệ An năm 2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt, DDCI xếp hạng điểm số các sở, ban ngành từ cao đến thấp theo 2 nhóm. Trong đó, Nhóm A bao gồm các sở ban ngành có đối tượng phục vụ chính là các DN/HTX/HKD và có nhiều tương tác đối với các đối tượng này, và Nhóm B bao gồm các sở ban ngành có đối tượng phục vụ chính không phải là các DN/HTX/HKD mà là người dân hoặc các đối tượng khác, và có ít tương tác hơn với các DN/HTX, và có ít TTHC đối với đối tượng là DN/HTX/HKD này (thông qua điểm số lĩnh vực quản lý liên qua môi trường kinh doanh, không bao hàm toàn bộ các mặt hoạt động, quản lý khác). Hai nhóm này được thể hiện trong bảng sau:

Nhóm A – Đối tượng phục vụ chính là DN/HTX/HKD và số lượng TTHC/ mức tương tác với các đối tượng này là lớn và đáng kể

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư
2. Sở Tài nguyên và Môi trường
3. Sở Xây dựng
4. Sở Giao thông vận tải
5. Sở Công Thương
6. Cục Quản lý thị trường
7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9. BQL Khu Kinh tế Đông Nam
10. Cục Thuế
11. Cục Hải quan
12. Bảo hiểm Xã hội

Nhóm B – Đối tượng phục vụ chính không phải là DN/HTX/HKD và số lượng TTHC/ mức tương tác với các đối tượng này ở mức độ thấp hơn

1. Công an tỉnh
2. Sở Tài chính
3. Sở Văn hóa, Thể thao
4. Sở Thông tin và Truyền thông
5. Sở Y Tế
6. Sở Khoa học và Công nghệ
7. Sở Giáo dục và Đào tạo
8. Sở Ngoại vụ
9. Sở Tư pháp
10. Sở Du lịch
11. Ngân hàng NN chi nhánh tỉnh

Các đánh giá dành cho sở ban ngành được nhìn nhận qua 08 CSTP:

- 1 - Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC
- 2 - Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin
- 3 - Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật
- 4 - Chi phí không chính thức
- 5 - Cạnh tranh bình đẳng
- 6 - Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành
- 7 - Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
- 8 - Hiệu lực thiết chế

Với thang điểm tối đa là 100, điểm tổng hợp Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở ban ngành và thứ hạng tương ứng được trình bày tại Biểu đồ 3.1 và Biểu đồ 3.2. Để nhìn nhận rõ ràng sự khác biệt giữa các sở ban ngành, điểm số tổng hợp chung sẽ được quy về thang điểm 100 điểm. Trong khi đó điểm số các chỉ số thành phần ở thang điểm 10.

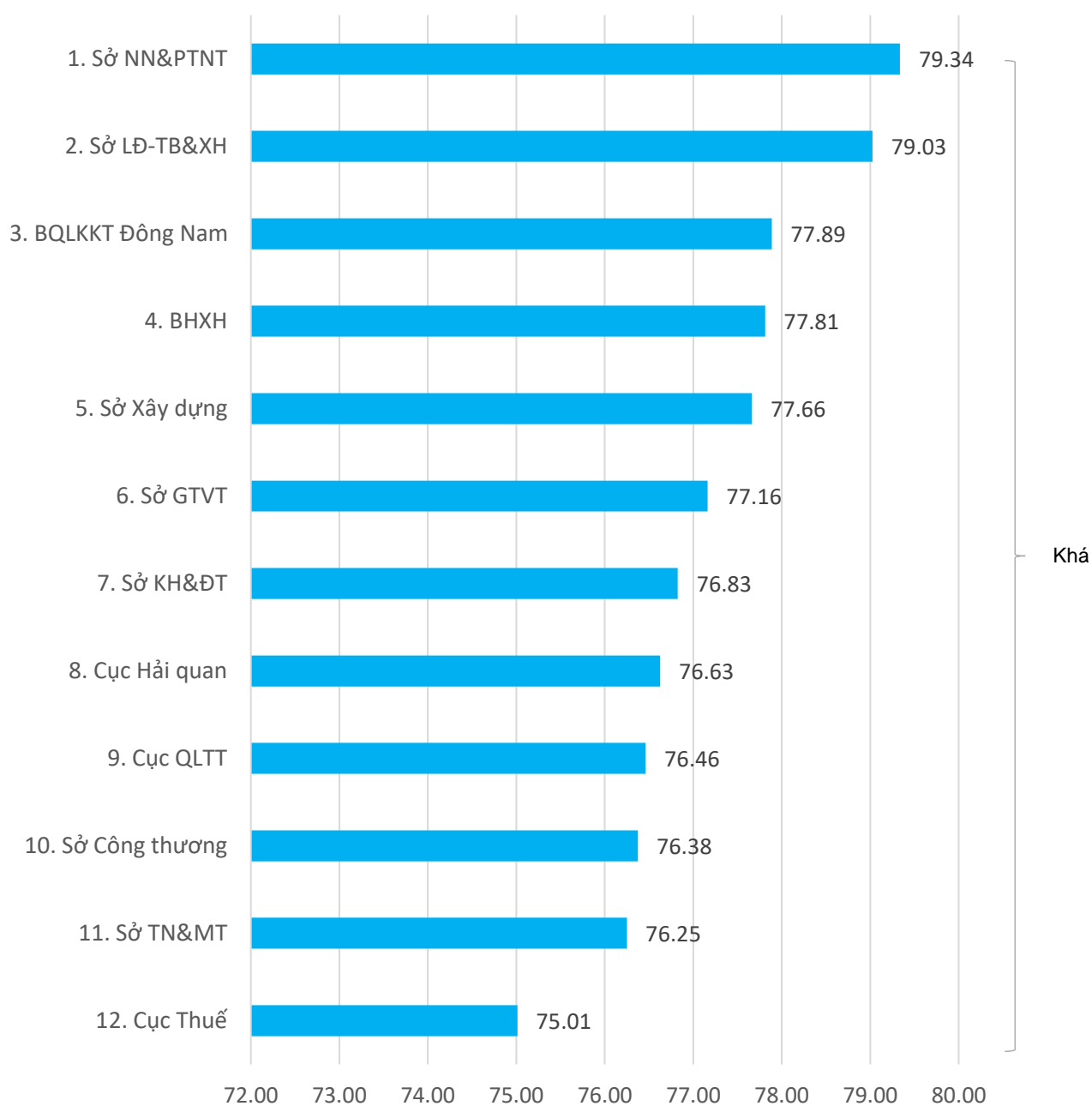
Quan sát kết quả DDCI sở ban ngành 2022, các phát hiện chính như sau:

- ❖ Điểm số DDCI trung bình chung sở ban ngành tại Nghệ An năm 2022 là 78,34 điểm/thang điểm 100, thuộc mức điểm khá. Trong đó, nhóm A (nhóm có lượt tương tác TTHC với DN/HTX cao hơn) có điểm số trung bình chung là 77,20 điểm. Điểm số trung bình chung của các sở ban ngành thuộc nhóm B (nhóm có lượt tương tác và TTHC với các DN/HTX ít hơn) là 79,6 điểm. Điểm số này một mặt cho thấy các sở ban ngành tại Nghệ An đang nỗ lực tiếp cận lên mức điểm tốt (trên 80 điểm), song thực tế vẫn còn nhiều rào cản, khó khăn, khiến cho môi trường kinh doanh chung tại tỉnh đã được cải thiện trong những năm vừa qua nhưng chưa đủ đáp ứng kỳ vọng của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Niềm tin, đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp dành cho hầu hết các sở ban ngành mới dừng lại ở mức điểm khá (trong khoảng từ 70- dưới 80 điểm).
- ❖ Nhóm A “vắng bóng” các sở ban ngành có điểm số trên 80 điểm, trong khi đó nhóm B gọi tên 5/12 các sở ban ngành thuộc nhóm điểm số tốt. Dễ dàng nhận ra rằng, các sở ban ngành thực hiện nhiều TTHC và tương tác trực tiếp với các DN/HTX, nhà đầu tư thường xuyên hơn đang phải đối mặt với nhiều thách thức, trở ngại hơn trên con đường cải cách môi trường kinh doanh tại tỉnh. DDCI mang đến thông điệp, đòi hỏi nỗ lực cao hơn từ các sở ban ngành thuộc nhóm A nếu muốn môi trường kinh doanh tại tỉnh được cải thiện rõ rệt, mang lại vị trí và thứ hạng tốt cho tỉnh Nghệ An trong niềm tin của các DN/HTX, nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh.
- ❖ Kết quả xếp hạng cho thấy, với **nhóm A**, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đứng đầu bảng xếp hạng với 79,34 điểm. Tiếp theo là vị trí thứ hai của sở Lao động – Thương binh và Xã hội với 79,03 điểm. BQL khu kinh tế Đông Nam với 77,89 điểm ở vị trí thứ ba của bảng xếp hạng. Các sở ban ngành còn lại dừng lại ở nhóm điểm khá, với sự theo đuổi sát sao về điểm số. Khoảng cách điểm số giữa sở ở vị trí thứ nhất và cuối cùng trong bảng xếp hạng nhóm A là 4,33 điểm.
- ❖ Trong khi đó, **nhóm B** có sở Thông tin và truyền thông với 81,76 điểm ở vị trí thứ nhất của bảng xếp hạng. Sở Tư pháp ở vị trí thứ hai với 81,46 điểm và vị trí thứ ba thuộc về sở Văn hóa và Thể thao với 81,10 điểm. Cũng cần lưu ý rằng, điểm số trên được xem xét dưới lăng kính của DDCI sở ban ngành, quan tâm chủ yếu đến các đánh giá của DN/HTX, nhà đầu tư... và các TTHC, dịch vụ công cũng như các nhiệm vụ, cải cách của sở ban ngành liên quan đến môi trường kinh doanh, không bao hàm toàn bộ các lĩnh vực mà các sở ban ngành quản lý.
- ❖ Theo CSTP, *Chi phí không chính thức* là chỉ số có nhiều cải thiện tích cực trong năm vừa qua (8,25 điểm). *Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật* (8,08 điểm) và *Tính minh bạch và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin* (8,06 điểm) là các CSTP mang lại nhiều thay đổi cho môi trường kinh doanh tại tỉnh trong năm qua. Tuy nhiên, ngoài

những chỉ số thành phần có nhiều tín hiệu tích cực thì các sở ban ngành cần nhìn thẳng vào hiện trạng, nghiên cứu và tìm ra giải pháp căn cơ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh trong những năm tới. Đó là các lĩnh vực như *Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép* (7,62 điểm), *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh* (7,55 điểm) và *Cạnh tranh bình đẳng* (7,46 điểm) với điểm số còn chưa cao, còn khoảng cách lớn giữa các đơn vị đứng đầu và cuối bảng xếp hạng. Đây cũng là các chỉ số thành phần còn thấp điểm theo kết quả khảo sát PCI.

Biểu đồ 3.1.

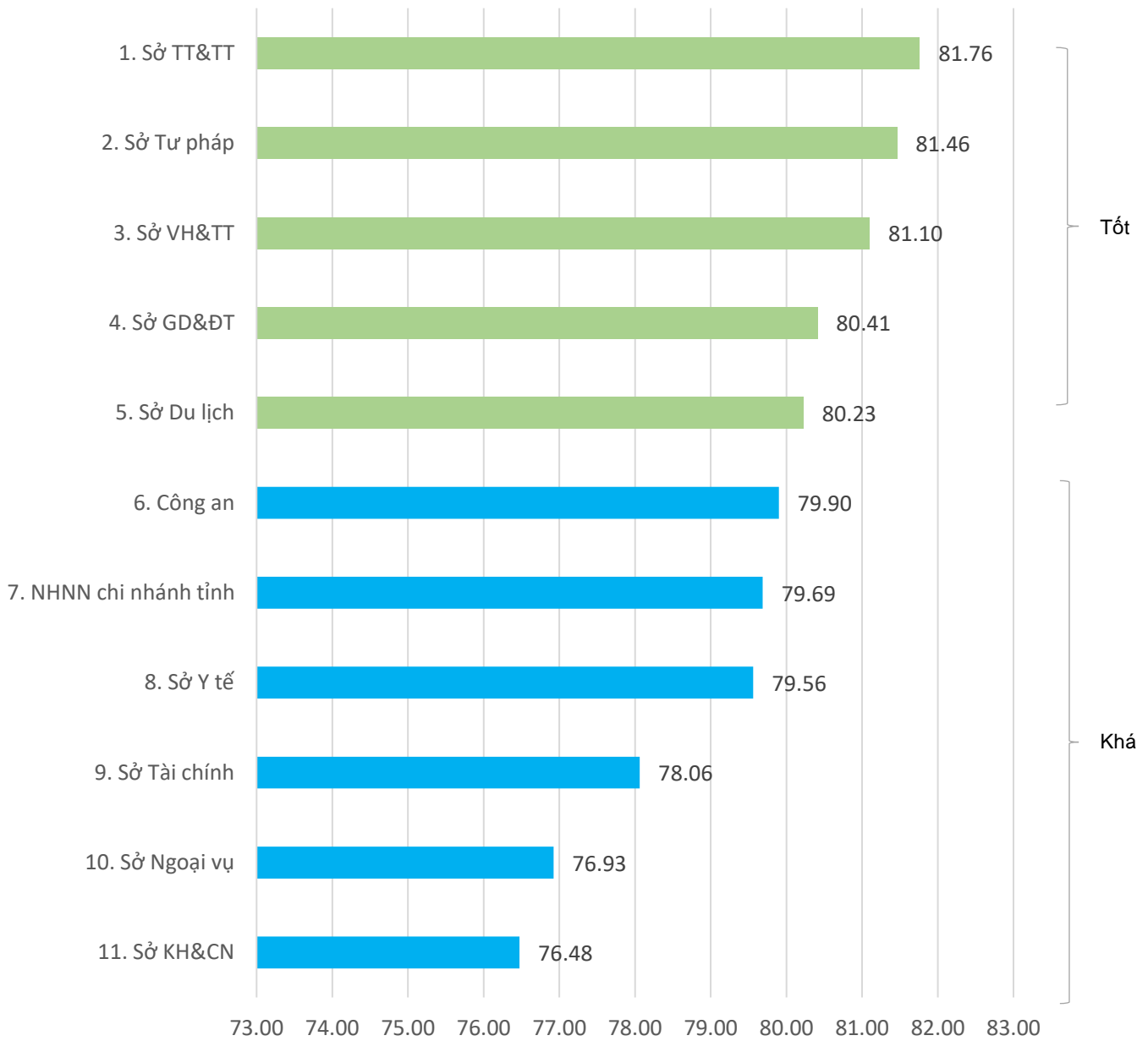
DDCI Sở ban ngành năm 2022 tỉnh Nghệ An – nhóm A



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Biểu đồ 3.2.

DDCI Sở ban ngành năm 2022 tỉnh Nghệ An – nhóm B



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

3.2. Hồ sơ DDCI sở ban ngành năm 2022

NHÓM A

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
1
ĐIỂM SỐ
79,34
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	7,56	6
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,23	1
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,07	2
Chi phí không chính thức	8,52	1
Cạnh tranh bình đẳng	7,46	5
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,95	1
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,65	1
Hiệu lực thiết chế	8,03	1

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
2
ĐIỂM SỐ
79,03
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	7,70	3
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,99	4
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,04	3
Chi phí không chính thức	8,40	2
Cạnh tranh bình đẳng	7,65	2
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,90	2
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,64	2
Hiệu lực thiết chế	7,90	2

BQLKKT ĐÔNG NAM

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
3
ĐIỂM SỐ
77,89
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	7,52	11
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,82	10
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,98	7
Chi phí không chính thức	8,22	6
Cạnh tranh bình đẳng	7,67	1
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,71	5
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,64	2
Hiệu lực thiết chế	7,75	4

BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
4
ĐIỂM SỐ
77,81
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	7,61	4
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,94	5
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,88	8
Chi phí không chính thức	8,30	3
Cạnh tranh bình đẳng	7,64	3
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,65	7
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,49	4
Hiệu lực thiết chế	7,74	5

SỞ XÂY DỰNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
5
ĐIỂM SỐ
77,66
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,71	2
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,03	2
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,01	5
Chi phí không chính thức	8,10	11
Cạnh tranh bình đẳng	7,38	7
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,80	3
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,48	5
Hiệu lực thiết chế	7,62	9

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
6
ĐIỂM SỐ
77,16
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,56	6
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,02	3
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,10	1
Chi phí không chính thức	8,17	8
Cạnh tranh bình đẳng	7,12	9
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,80	3
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,41	6
Hiệu lực thiết chế	7,55	11

SỜ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ¹

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ
76,83
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,53	9
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,85	9
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,80	11
Chi phí không chính thức	8,13	9
Cạnh tranh bình đẳng	7,51	4
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,67	6
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,24	10
Hiệu lực thiết chế	7,73	6

CỤC HẢI QUAN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
8
ĐIỂM SỐ
76,63
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,54	8
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,86	8
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,85	9
Chi phí không chính thức	8,23	5
Cạnh tranh bình đẳng	7,21	8
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,57	9
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,35	7
Hiệu lực thiết chế	7,69	7

¹ Điểm số của lĩnh vực **Đăng ký kinh doanh** là 7,72 điểm, **Lĩnh vực Đầu tư** là 7,65 điểm (thang điểm 10)

CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
9
ĐIỂM SỐ
76,46
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,57	5
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,81	11
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,00	6
Chi phí không chính thức	8,13	9
Cạnh tranh bình đẳng	7,11	10
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,57	9
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,34	8
Hiệu lực thiết chế	7,64	8

SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
10
ĐIỂM SỐ
76,38
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,74	1
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,89	7
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,02	4
Chi phí không chính thức	8,27	4
Cạnh tranh bình đẳng	6,92	12
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,43	11
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,27	9
Hiệu lực thiết chế	7,56	10

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG²

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
11
ĐIỂM SỐ
76,25
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,38	12
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,90	6
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,81	10
Chi phí không chính thức	7,93	12
Cạnh tranh bình đẳng	7,40	6
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,59	8
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,23	11
Hiệu lực thiết chế	7,76	3

CỤC THUẾ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
12
ĐIỂM SỐ
75,01
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,53	9
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,68	12
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,58	12
Chi phí không chính thức	8,21	7
Cạnh tranh bình đẳng	7,06	11
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,31	12
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,17	12
Hiệu lực thiết chế	7,47	12

² Điểm số của lĩnh vực **Đất đai**, lĩnh vực **Tài nguyên môi trường** đều là 7,63 điểm (thang điểm 10)

NHÓM B

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
1
ĐIỂM SỐ
81,76
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,93	2
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,40	2
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,38	4
Chi phí không chính thức	8,47	4
Cạnh tranh bình đẳng	8,06	2
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,11	3
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,87	4
Hiệu lực thiết chế	8,19	1

SỞ TƯ PHÁP

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
2
ĐIỂM SỐ
81,46
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,76	4
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,33	4
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,41	2
Chi phí không chính thức	8,27	6
Cạnh tranh bình đẳng	7,96	3
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,42	1
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,89	3
Hiệu lực thiết chế	8,13	4

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
3
ĐIỂM SỐ
81,10
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	8,06	1
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,43	1
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,47	1
Chi phí không chính thức	8,58	1
Cạnh tranh bình đẳng	7,47	6
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,09	4
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,70	6
Hiệu lực thiết chế	8,08	6

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
4
ĐIỂM SỐ
80,41
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	7,53	9
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,26	7
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,41	2
Chi phí không chính thức	8,14	8
Cạnh tranh bình đẳng	8,09	1
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,06	6
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,70	6
Hiệu lực thiết chế	8,14	3

SỞ DU LỊCH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
5
ĐIỂM SỐ
80,23
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,49	10
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,36	3
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,19	7
Chi phí không chính thức	8,05	10
Cạnh tranh bình đẳng	7,78	4
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,12	2
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	8,09	1
Hiệu lực thiết chế	8,10	5

CÔNG AN TỈNH³

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
6
ĐIỂM SỐ
79,90
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,60	7
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,29	6
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,24	6
Chi phí không chính thức	8,17	7
Cạnh tranh bình đẳng	7,43	7
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,08	5
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,95	2
Hiệu lực thiết chế	8,16	2

³ Điểm số của lĩnh vực **Phòng cháy, chữa cháy** là 8,04 điểm; **Lĩnh vực khác liên quan MTKD** (Quản lý phương tiện giao thông cơ giới, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, môi trường...) là 7,93 điểm (thang điểm 10)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ
79,69
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,88	3
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,31	5
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,19	7
Chi phí không chính thức	8,31	5
Cạnh tranh bình đẳng	7,23	10
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,05	7
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,85	5
Hiệu lực thiết chế	7,93	8

SỞ Y TẾ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
8
ĐIỂM SỐ
79,56
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,67	6
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,2	8
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,19	7
Chi phí không chính thức	8,49	3
Cạnh tranh bình đẳng	7,53	5
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,92	8
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,59	8
Hiệu lực thiết chế	8,06	7

SỞ TÀI CHÍNH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
9
ĐIỂM SỐ
78,06
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,69	5
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,08	9
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,26	5
Chi phí không chính thức	8,11	9
Cạnh tranh bình đẳng	7,41	8
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,77	9
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,44	10
Hiệu lực thiết chế	7,69	10

SỞ NGOẠI VỤ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
10
ĐIỂM SỐ
76,93
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,57	8
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,00	10
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,08	10
Chi phí không chính thức	8,02	11
Cạnh tranh bình đẳng	7,10	11
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,66	10
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,29	11
Hiệu lực thiết chế	7,82	9

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
11
ĐIỂM SỐ
76,48
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,26	11
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,67	11
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,83	11
Chi phí không chính thức	8,50	2
Cạnh tranh bình đẳng	7,36	9
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,45	11
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,48	9
Hiệu lực thiết chế	7,63	11

3.3. Hồ sơ DDCI sở ban ngành theo CSTP

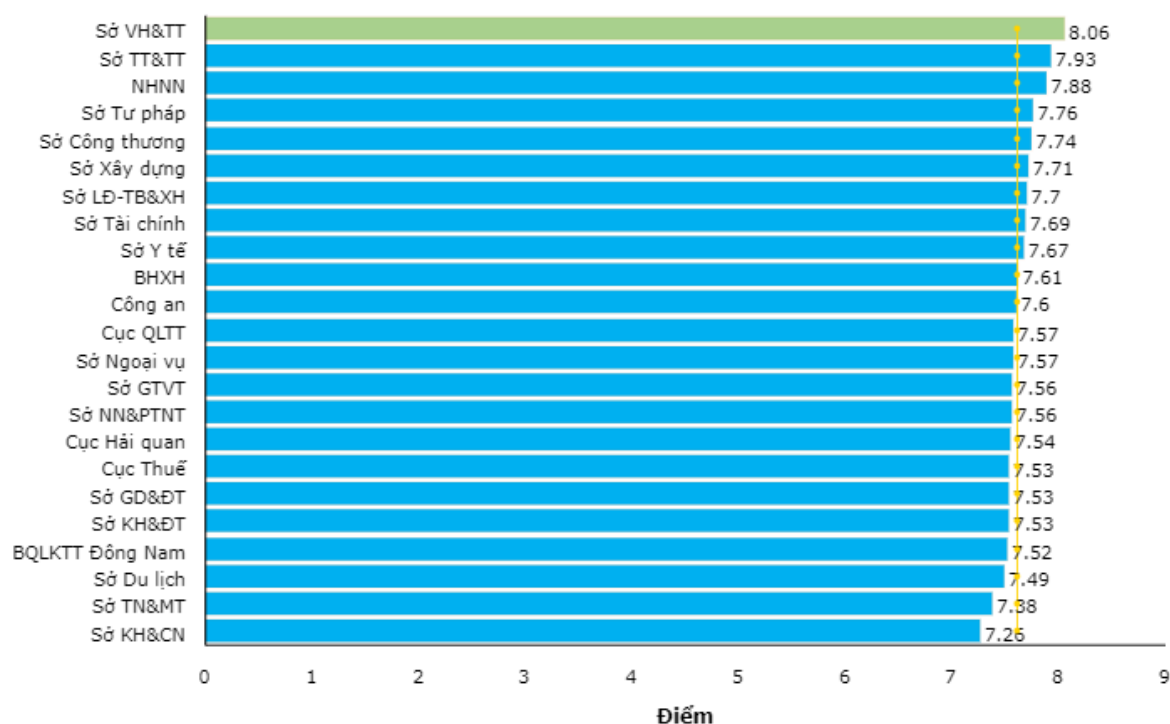
3.3.1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC

Chi phí gia nhập thị trường hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC là chỉ số đo lường về thời gian doanh nghiệp phải chờ để đăng ký doanh nghiệp hoặc dự án của doanh nghiệp và thời gian để nhận được tất cả các loại giấy phép hoặc thực hiện TTHC liên quan gia nhập thị trường cần thiết (từ đăng ký thành lập doanh nghiệp, chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (trường hợp ngành nghề kinh doanh có điều kiện); thủ tục liên quan đến xây dựng như: thẩm định thiết kế, điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, xử lý phát thải môi trường; thủ tục về thuế, bảo hiểm, xây dựng, chứng chỉ hành nghề các điều kiện liên quan đến xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và hàng loạt giấy phép khác...) Do đó, khi đề cập đến gia nhập thị trường hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC cần quan tâm đến cả các hoạt động phối hợp từ các sở ban ngành khác nhau để một doanh nghiệp hoặc dự án của doanh nghiệp thực sự đi vào hoạt động.

Kết quả PCI các năm và thực tế khảo sát doanh nghiệp tại Nghệ An phản ánh chi phí gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép liên tục ở nhóm cuối các tỉnh và chậm được cải thiện, thậm chí thứ hạng giảm. Vẫn còn tồn tại khoảng cách giữa cải cách gia nhập thị trường thực tế so với kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp trong những năm qua. Quan sát từ kết quả DDCI năm 2022 cũng cho thấy, CSTP này còn nhiều điểm nghẽn cần tháo gỡ.

Biểu đồ 3.3.

Điểm số CSTP “Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

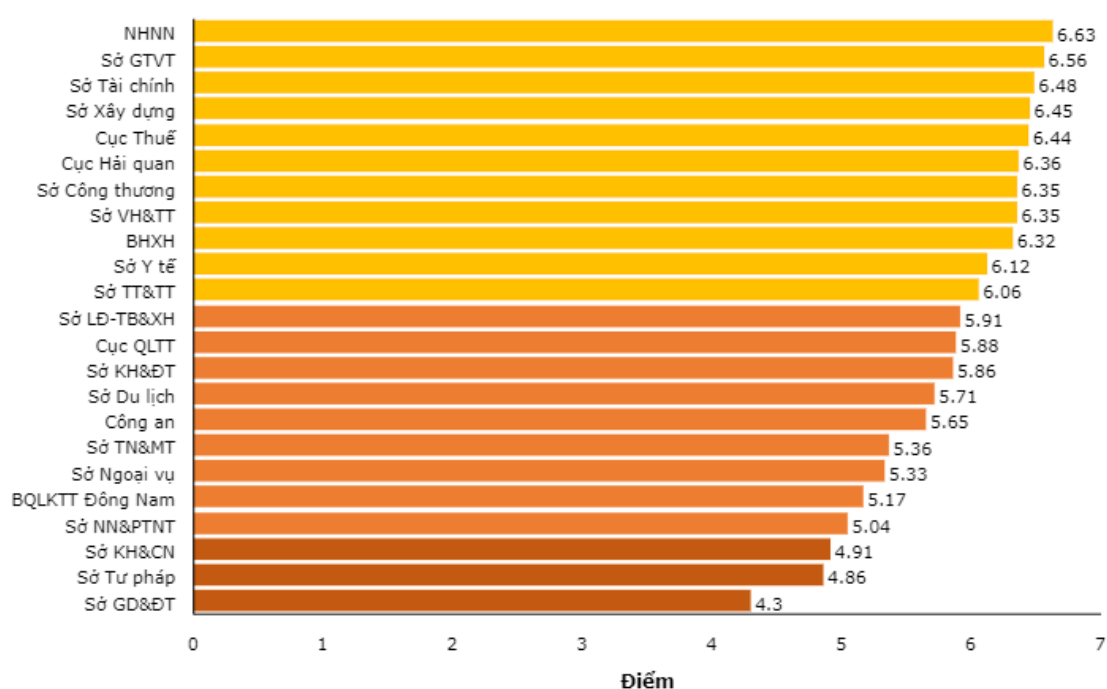
Năm 2022, chỉ số chi phí gia nhập thị trường trung bình các sở ban ngành của tỉnh đạt 7,62 điểm, thuộc nhóm điểm Khá, xếp thứ 6/8 CSTP trong danh sách đánh giá. Nhìn vào điểm số của các chỉ tiêu về chi phí gia nhập thị trường, cơ bản chỉ đang ở mức khá; thậm chí là những chỉ tiêu còn ở vị trí tương đối thấp so với yêu cầu. Rõ ràng, gia nhập thị trường tại Nghệ An còn tồn tại những vướng mắc, rào cản, khoảng cách giữa quyết tâm cải thiện chính sách và chất lượng điều hành

với hiệu quả thực tế mà doanh nghiệp cảm nhận được, hay có thể nói hiệu quả thi hành trong thực tiễn chưa cao.

Phân tích sâu các chỉ tiêu cho thấy, *tổng thời gian dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, TTHC liên quan tới gia nhập thị trường hay cấp phép* là chỉ tiêu thấp điểm nhất (5,83 điểm, mức điểm Trung bình) khi quan sát chi phí gia nhập thị trường tại Nghệ An. Theo kết quả khảo sát, còn 54,85% các DN/HTX phải bỏ ra thời gian từ 3 ngày trở lên để hoàn thành tìm hiểu thông tin, TTHC liên quan đến gia nhập thị trường từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. Chính vì vậy, quan sát xếp hạng các sở ban ngành liên quan đến chỉ tiêu tìm hiểu thông tin về gia nhập thị trường, hoàn toàn là các gam màu cam và cam đậm (gam màu nóng), thể hiện mức điểm còn thấp, đáng báo động.

Biểu đồ 3.4.

Điểm số tổng thời gian dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, TTHC liên quan tới GNTT hay cấp phép



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Trong khi đó, đánh giá về các hướng dẫn của cán bộ sở ban ngành trong việc hỗ trợ các DN/HTX hoàn thiện hồ sơ, gần 1/5 các DN/HTX cho rằng có hướng dẫn nhưng làm việc vài lần mới xong bộ hồ sơ, hoặc hướng dẫn sơ sài, không phối hợp. Tỷ lệ này tập trung cao hơn tại sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Ngoại vụ, sở Tài chính so với các đơn vị sở ban ngành khác. Do đó, thông qua khảo sát DDCI, các DN/HTX gửi gắm thông điệp, mong muốn các sở ban ngành tạo thông tin hỗ trợ, đa dạng nguồn thông tin, hướng dẫn tích cực các cơ sở SXKD trong việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký kinh doanh, cấp phép và các TTHC liên quan đến hoạt động này.

Thông qua hệ thống câu hỏi mở và khảo sát ngắn, một số DN/HTX tại Nghệ An cũng chia sẻ rằng hiện nay các thủ tục hành chính liên quan đến gia nhập thị trường của doanh nghiệp đã rút ngắn, việc thành lập doanh nghiệp đã cởi mở, dễ dàng hơn giai đoạn trước đó. DN/HTX lạc quan hơn khi đánh giá về quy trình, thủ tục giải quyết TTHC (8,09 điểm).

Tuy nhiên, những thủ tục liên quan để gia nhập thị trường vẫn còn tốn nhiều thời gian và kinh phí. Đánh giá về và tổng thời gian mà các DN/HTX phải bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục gia nhập thị trường và cấp phép liên quan, DN/HTX chỉ dành mức điểm 7,73 điểm. Bằng chứng là

trên 1/3 các DN/HTX trong mẫu khảo sát vẫn bị yêu cầu, sửa đổi bổ sung hồ sơ trên 2 lần, thậm chí có DN phải sửa đổi đến lần thứ 4, thứ 5 hồ sơ mới được chấp nhận là hợp lệ.

Chính những rào cản trên khiến một số doanh nghiệp e ngại mặc dù rất muốn đầu tư, mở rộng kế hoạch để sản xuất, kinh doanh. Theo kết quả khảo sát, khoảng 2,82% DN cho rằng họ phải trì hoãn kế hoạch kinh doanh do tác động của việc thực hiện TTHC gia nhập thị trường rườm rà. 8,23% tìm kiếm cơ hội kinh doanh khác.

Bên cạnh chính sách, chủ trương, sự chỉ đạo thì việc thực hiện, thái độ và sự hướng dẫn của cán bộ thực thi thủ tục cũng là các yếu tố then chốt để cải thiện môi trường kinh doanh nói chung và khơi thông gia nhập thị trường nói riêng tại tỉnh. Đánh giá về các chỉ tiêu này, DN/HTX tại Nghệ An thông qua khảo sát DDCI 2022 cho rằng, tính *Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp* của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX, cộng đồng doanh nghiệp tương đối hài lòng với mức điểm 7,98 điểm cho trung bình chung toàn tỉnh. Tiêu chí về *thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX và Quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định* cũng được nhìn nhận tích cực với mức điểm tốt (8,07 điểm).

Vừa qua, Nghệ An đã thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh cho thấy quyết tâm chính trị cao của tỉnh. Trong đó, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp được yêu cầu tiếp tục nâng cao đạo đức công vụ theo phương châm “5 có, 3 không”, gồm: “Có trách nhiệm cao với công việc được giao; có kiến thức, kỹ năng trong thực hiện nhiệm vụ; có tính sáng tạo, làm việc khoa học, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt; có tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp trong sáng” và “không quan liêu; không có hành vi, thái độ tiêu cực trong thi hành công vụ; không chủ nghĩa cá nhân, thực dụng”. Với các quyết tâm cải cách trên phần nào đã góp phần cải cách môi trường kinh doanh tại tỉnh. Mặc dù vậy, một số cán bộ vẫn chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình, nhất là ở nhóm các sở ban ngành có tiếp xúc nhiều với doanh nghiệp (điểm số các chỉ tiêu này của nhóm A- nhóm tiếp xúc nhiều với doanh nghiệp thấp hơn nhóm B – nhóm ít TTHC với doanh nghiệp), dẫn đến sự chênh lệch điểm số giữa các sở ngành.

Nhìn chung, để cải thiện chỉ số gia nhập thị trường, Nghệ An cần có những kế hoạch cụ thể trong từng giai đoạn, tập trung vào việc tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn thông tin về gia nhập thị trường (chỉ tiêu mà nhiều DN/HTX còn phản ánh mất rất nhiều thời gian trong tìm hiểu bước đầu thành lập doanh nghiệp), tích cực hỗ trợ các DN/HTX, tránh để doanh nghiệp khởi nghiệp phải sửa hồ sơ nhiều lần, ảnh hưởng đến chi phí và thời gian của doanh nghiệp, làm giảm tinh thần khởi sự doanh nghiệp. Đồng thời, có sự phối hợp giữa các sở ban ngành, chẳng hạn như giải quyết các thủ tục liên quan đến thuê đất, phòng cháy chữa cháy... để doanh nghiệp nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục đăng ký kinh doanh, tránh trường hợp chờ đợi kéo dài, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và cơ hội đầu tư của doanh nghiệp.

3.3.2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin

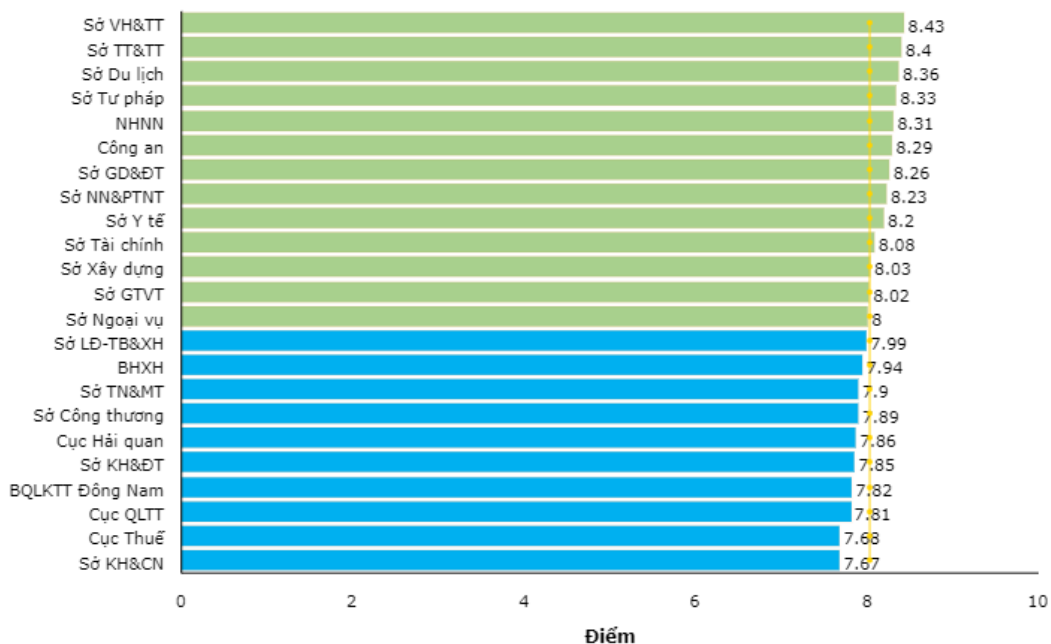
Quan sát điểm số tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin tại các sở ban ngành thuộc Nghệ An năm 2022, đánh giá khách quan thì điểm tuyệt đối của CSTP này đang ở mức điểm tốt (8,04 điểm). Sở Văn hóa và Thể thao, sở Thông tin và truyền thông dẫn đầu bảng xếp hạng riêng về tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin, thể hiện tốt vai trò của mình trong việc thúc đẩy minh bạch thông tin, truyền thông tới các doanh nghiệp, công khai văn bản, và tăng cường ứng dụng công nghệ trong giải quyết TTHC có liên quan. Ở chiều ngược lại, cục Quản lý thị trường, cục Thuế cần quan tâm nhiều hơn đến việc đẩy mạnh tính minh bạch thông tin, khi điểm số của các sở ban ngành này đang dừng lại ở mức điểm khá, còn thấp so với các sở ban ngành khác trong bảng xếp hạng riêng CSTP.

Tuy nhiên, ở hệ quy chiếu khác, khi so sánh chi tiết hơn về nhóm điểm các chỉ tiêu, thì điểm số về CSTP này đang thể hiện tính thiếu bền vững. Cụ thể, chỉ số này được đánh giá qua 2 khía cạnh là việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp và việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các TTHC cho DN/HTX. Trong đó, nhóm chỉ tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin cho thấy việc thúc đẩy chuyển đổi số đã được đẩy mạnh, tăng cường nhiều hơn tại các sở ban ngành, là động lực thúc đẩy điểm số chung về cải thiện môi trường kinh doanh trong năm vừa qua. Song, điểm số về các chỉ tiêu tính minh bạch của sở ban ngành tại tỉnh Nghệ An còn thấp điểm. Kết quả này cũng khá tương đồng với kết quả PCI đã chỉ ra nhiều năm gần đây tại Nghệ An, khi điểm số PCI về tính minh bạch có cải thiện nhưng không đáng kể trong năm vừa qua, vẫn dừng lại ở mức điểm thấp và thứ hạng chưa khả quan.

Bên cạnh đó, sự chênh lệch điểm số giữa các sở ban ngành còn khá lớn. Quan sát điểm số DDCI về CSTP này cho thấy sự 2 mảng màu phân nhóm rõ rệt: nhóm có điểm số tốt và nhóm có điểm số ở mức khá. Trong khi đó, chiếm đa số các sở ban ngành thuộc nhóm điểm khá là các sở ban ngành có nhiều tương tác với DN/HTX, tác động lớn tới môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư tại tỉnh.

Biểu đồ 3.5.

Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Trong số 5 chỉ tiêu về tính minh bạch, kết quả đạt được trong thực hiện đã phản ánh những nỗ lực trong đẩy mạnh *thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới* (8,01 điểm); *Chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan* (8,03 điểm); và *Hiệu quả của việc sử dụng các thông báo nơi công cộng, đài phát thanh, phương tiện điện tử (các mạng xã hội...) trong việc cung cấp thông tin, văn bản pháp luật cho các DN/HTX* (8,03 điểm).

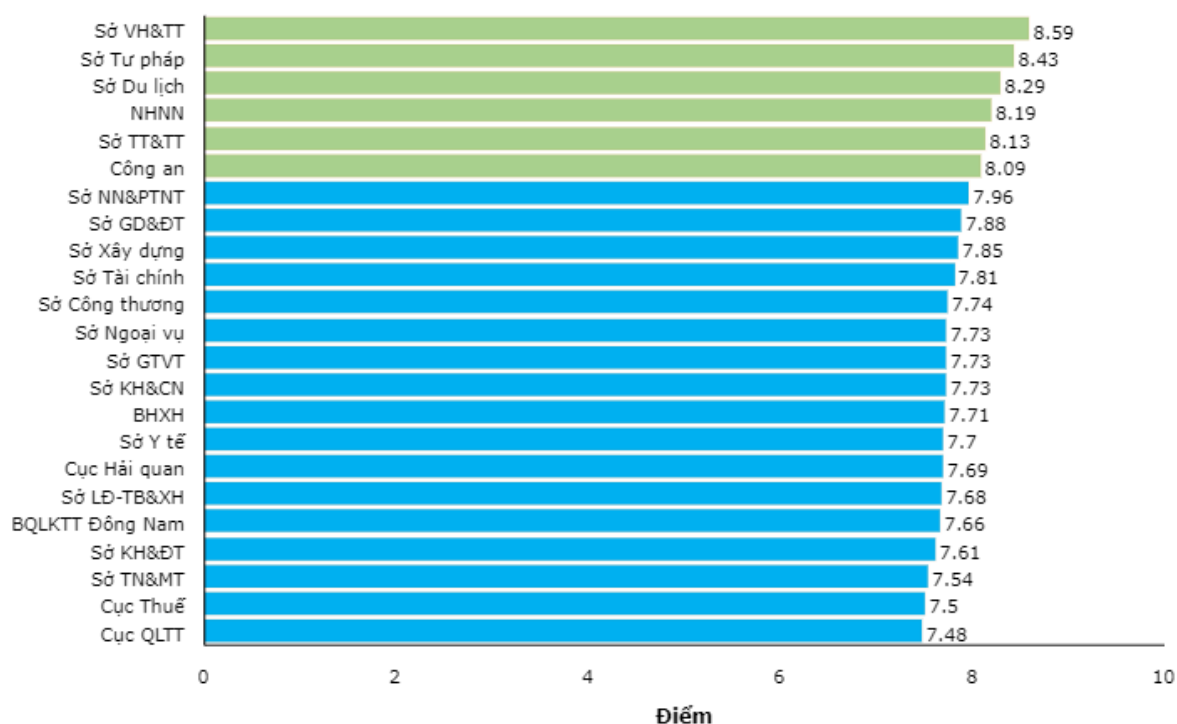
Hiện nay, qua báo cáo các chỉ tiêu DDCI về tính minh bạch, trang thông tin điện tử của tỉnh và của các sở, ban, ngành đang ngày càng thu hút được sự quan tâm của DN/HTX hơn trong thời gian vừa qua. Chính vì vậy, *mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của sở ban ngành đối với DN/HTX trong việc tìm kiếm thông tin* (8,04 điểm). Thực tế, theo đánh giá của các DN có liên quan, trang thông tin của sở Văn hóa và Thể thao được đánh giá với điểm số tích cực hơn các sở ban ngành khác, các thông tin về Văn hóa, thể thao và Thủ tục hành chính, cải cách hành chính có liên quan được đăng tải minh bạch. Sở cũng có phối hợp với các huyện, thành phố đăng tải một số thông tin có liên quan lên các Trang thông tin điện tử của các huyện, thành phố.

Mức độ cập nhật thường xuyên của cơ sở dữ liệu mở (các văn bản pháp luật, quy định, chính sách chuyên ngành cũng được đánh giá tốt ở đa số các sở ban ngành (điểm trung bình chung 8,14 điểm). Tuy nhiên, nhiều đơn vị còn thiếu các tin bài về cải cách, tuyên truyền cải cách hành chính, hoặc có nhưng tin bài đã cập nhật từ nhiều tháng trước. Một phần nguyên nhân cũng từ phía doanh nghiệp chưa có thói quen chủ động truy cập thông tin của các sở ban ngành. Để khắc phục tình trạng này, các sở ban ngành có điểm số thấp về website cần rà soát, kiểm tra lại thông tin đăng tải trên Trang thông tin điện tử, đảm bảo thông tin được tiếp cận một cách dễ dàng, thuận lợi, giao diện dễ tìm kiếm và làm nổi bật các thông tin liên quan đến doanh nghiệp. Việc đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cũng là một giải pháp hữu hiệu mà nhiều tỉnh thành trong cả nước đã áp dụng. Chỉ tiêu này cũng đạt được điểm số trung bình chung 8,14 điểm ở Nghệ An, cho thấy những sáng kiến như cung cấp thông tin cập nhật qua zalo, nhóm zalo, facebook... thời gian qua của một số sở ban ngành đã phần nào được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận.

Trong các chỉ tiêu về tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin, *tính chủ động trong việc cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn* trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở của các sở ban ngành là chỉ tiêu thấp điểm nhất (7,86 điểm). Phần lớn các sở ban ngành mới chỉ dừng lại ở mức hoàn thành nhiệm vụ, DN/HTX được cung cấp thông tin theo đúng thời hạn. Mặc dù tỷ lệ nhỏ, nhưng vẫn tồn tại trường hợp một số DN/HTX cho rằng họ yêu cầu nhưng không được nhận hoặc nhận được thông tin nhưng rất chậm trễ (2,96%). Tỷ lệ này tập trung cao hơn ở cục Thuế, cục Quản lý thị trường khi so sánh với các sở, ban, ngành khác.

Biểu đồ 3.6.

Tính chủ động trong việc cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Về các chỉ tiêu thuộc ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần công khai, minh bạch TTHC, điểm số tiêu chí *Mức độ và hiệu quả của việc ứng dụng CNTT để giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các DN/HTX*; và *Mức độ minh bạch thông tin khi ứng dụng CNTT để DN/HTX tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ* có điểm số lần lượt là 8,14 điểm và 8,22 điểm, cho thấy các tín hiệu khả quan trong thúc đẩy ứng dụng số trong quản lý, điều hành tại các sở ban ngành thuộc Nghệ An thời gian vừa qua.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách hành chính tại tỉnh Nghệ An được đưa ra là triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính với phương châm hành động “3 tăng” (tăng tính công khai minh bạch, trách nhiệm trong thực thi công vụ; tăng cường giải quyết thủ tục hành chính qua môi trường mạng; tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp). Phân tích và nhìn nhận những điểm tích cực, những điểm chưa làm được trong chỉ số minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ quan trọng, giúp các sở ban ngành hoàn thành được mục tiêu chung về cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh trong những năm tiếp theo.

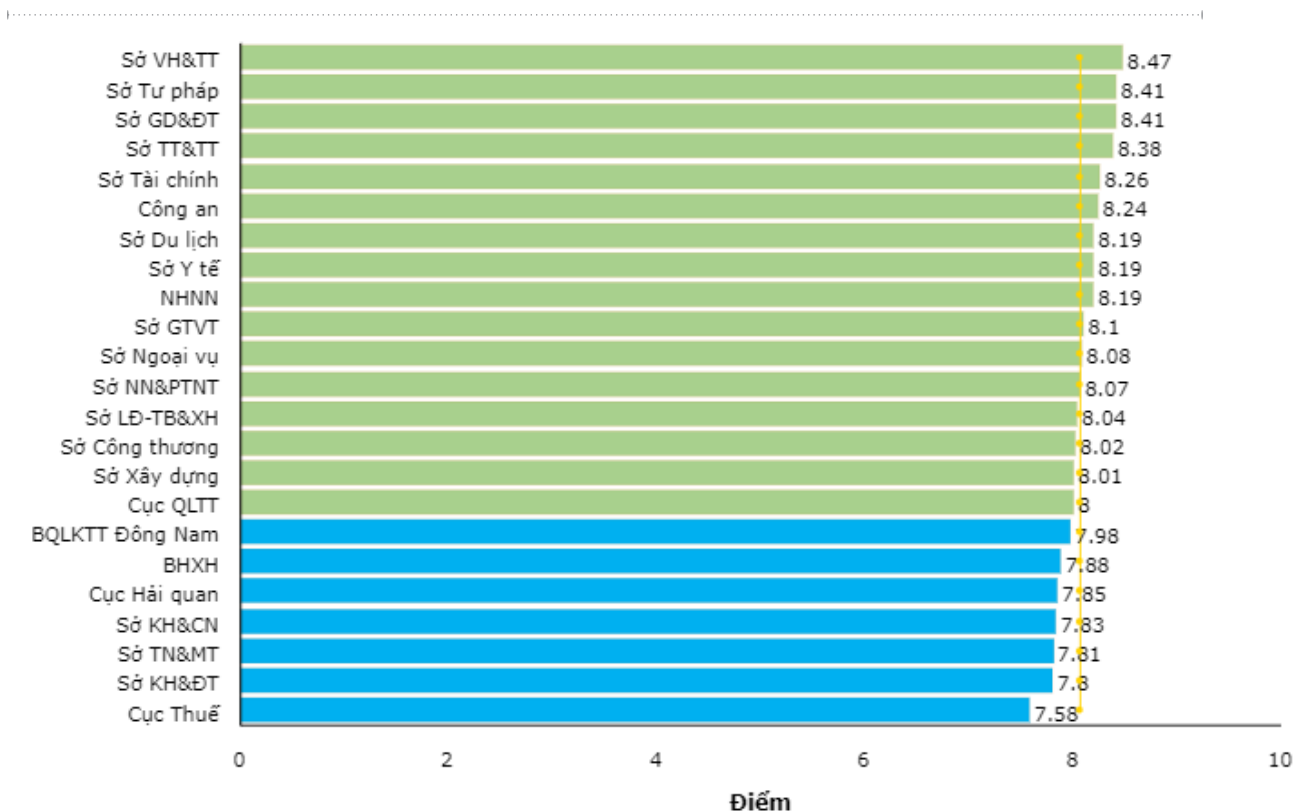
3.3.3. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật

Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật đạt điểm số trung bình chung là 8,06 điểm, đứng thứ 2/8 các CSTP khi đánh giá các sở ban ngành ở Nghệ An. Kết quả PCI những năm gần đây cũng chỉ ra rằng, chi phí thời gian thực hiện TTHC đã có cải thiện tại Nghệ An trong thời gian vừa qua (2018-2020), song giảm nhẹ điểm số vào năm 2021, 2022. Thực tế cho thấy tỉnh thành nào có những bước tiến dài trong cải thiện chi phí thời gian sẽ mang lại những kết quả tích cực hơn trong cải thiện điểm số chung. Trở lại các phân tích với Nghệ An, khi nằm trong hệ quy chiếu, so sánh với các tỉnh thành trong cả nước thì CSTP này vẫn còn nhiều điểm cần cải thiện để đưa Nghệ An lên một bậc xếp hạng cao hơn, quan trọng hơn là mang lại các cải cách cần thiết cho DN/HTX tại tỉnh.

Phân tích DDCI sở ban ngành về chi phí thời gian có thể thấy rằng, đứng đầu bảng xếp hạng riêng về chi phí thời gian là những tên sở ban ngành quen thuộc, thuộc nhóm B (nhóm các sở ban ngành có ít tương tác hơn với các DN/HTX). Các sở ban ngành thuộc nhóm A (tương tác nhiều với các DN/HTX) có kết quả về Chi phí thời gian chưa cao, chủ yếu dừng lại ở nhóm điểm khá. Dễ dàng nhận thấy, đầu đó vẫn còn tồn tại các vấn đề về chi phí thời gian với cộng đồng doanh nghiệp, tập trung nhiều ở các sở ban ngành có tương tác thường xuyên với doanh nghiệp, hợp tác xã trong giải quyết TTHC và tuân thủ quy định pháp luật, dẫn đến mặc dù điểm số chung về Chi phí thời gian thuộc nhóm điểm tốt, song chưa mang lại thay đổi đáng kể cho tình hình chung tại tỉnh.

Biểu đồ 3.7.

Điểm số CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ QĐPL”



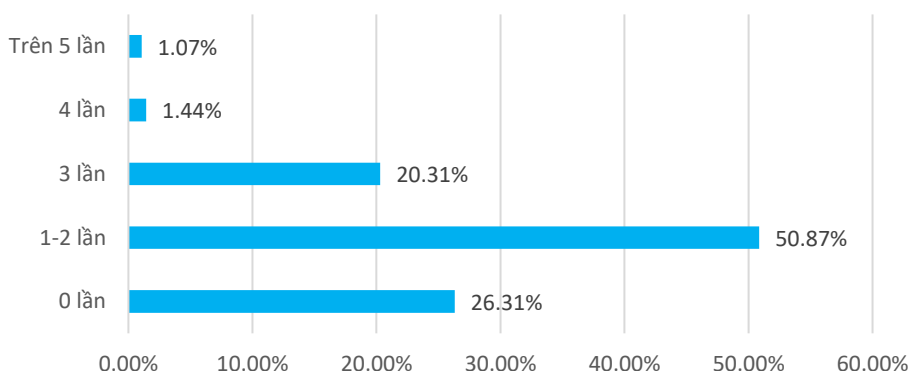
Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Trong các chỉ tiêu liên quan, để cải thiện vị trí của sở ban ngành trong bảng xếp hạng, các đơn vị cần khoanh vùng các điểm yếu cần tiếp tục cải thiện. Nhìn chung, đó là *thời gian của 1 đợt thanh*

tra, kiểm tra còn kéo dài (7,93 điểm) và hiệu quả của các đợt thanh tra, kiểm tra còn chưa cao (7,89 điểm). Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa hài lòng về việc bị thanh tra từ trên 3 lần một năm (22,63%) cũng như hiệu quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra được đánh giá chưa cao, mặc dù đúng thời gian trong quy định nhưng vẫn mất thời gian của doanh nghiệp. Cũng cần lưu ý rằng, DDCI tiếp cận lĩnh vực thanh tra, kiểm tra dưới góc nhìn của các DN/HTX, chẳng hạn như các “cuộc làm việc” theo giấy mời, triệu tập... gây mất thời gian của DN/HTX trong khi nội dung công việc không được giải quyết thỏa đáng cũng mang lại cảm nhận chung thiếu tích cực cho cộng đồng doanh nghiệp.

Biểu đồ 3.8.

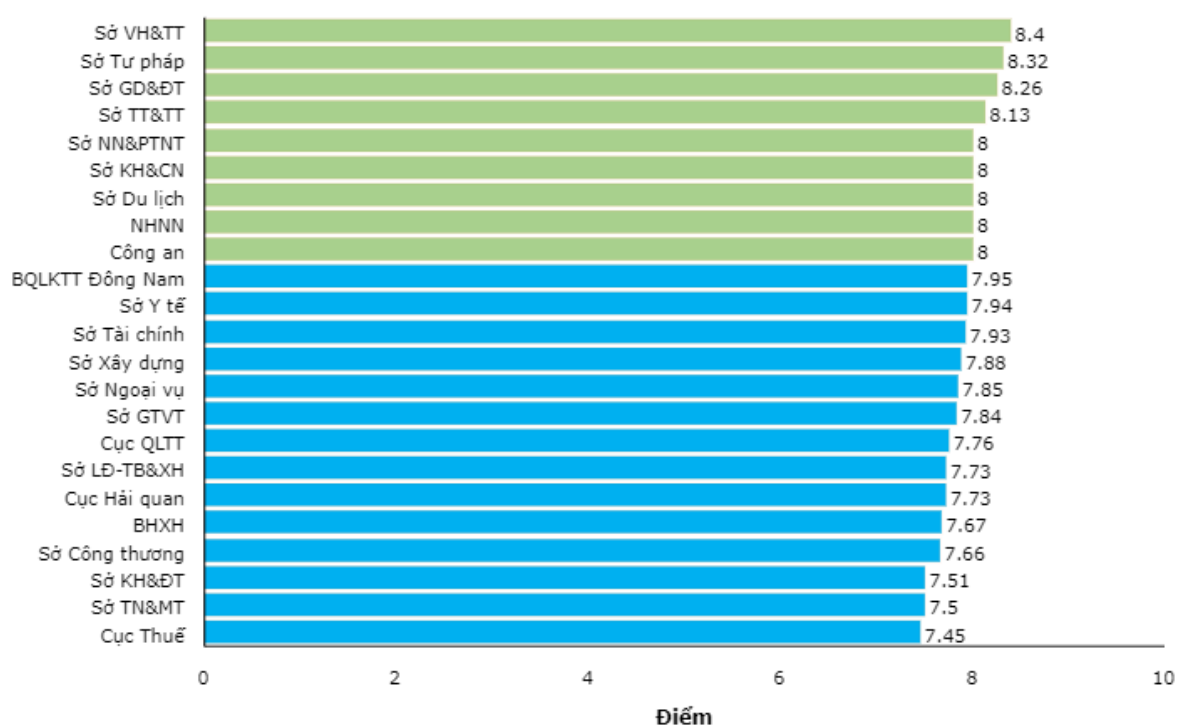
Tỷ trọng số lần thanh tra, kiểm tra



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Biểu đồ 3.9.

Điểm số Chỉ tiêu “hiệu quả của các hoạt động thanh tra, kiểm tra”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Thực tế, chỉ số chi phí thời gian là một trong những yếu tố quan trọng mà các doanh nghiệp và nhà đầu tư quan tâm. Bởi không nhà đầu tư, doanh nghiệp nào muốn mất quá nhiều thời gian cho việc tìm hiểu, thực hiện TTHC hay công tác thanh, kiểm tra, hiệu quả thanh tra, kiểm tra... Chính vì vậy, CSTP về chi phí thời gian ra đời dựa trên thực tiễn nghiên cứu các địa phương, xuất phát từ nhu cầu của các DN/HTX, cụ thể là cảm nhận của DN/HTX về thời gian (hoặc cơ hội) mà DN phải bỏ ra để thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định của pháp luật. Đây cũng là một trong những vấn đề được một số DN/HTX kiến nghị trong hệ thống câu hỏi mở, với các ý kiến như “*Thủ tục cần rút gọn thời gian hơn*”, “*đẩy nhanh thủ tục gia nhập thị trường và cấp phép*”, “*Quan tâm hơn nữa đến việc ứng dụng công nghệ và các xu thế mới để giải quyết các thủ tục hành chính nhanh gọn hơn nữa*”... để cải thiện Chi phí thời gian.

Do đó, định vị được vai trò và vị trí của Chi phí thời gian trong cải thiện môi trường kinh doanh ở cấp trung gian (sở ban ngành và các đơn vị thực hiện) là rất quan trọng. Từ việc nhận diện các điểm còn tồn tại trong cải cách chi phí thời gian ở từng lĩnh vực, mỗi sở ban ngành nên có đánh giá chuyên sâu và giải pháp riêng cho đơn vị mình để cải thiện chi phí thời gian. Bởi lẽ, thực tế các vấn đề mà mỗi sở ban ngành gặp phải là không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn, sở Kế hoạch và Đầu tư nên chú trọng cải thiện chi phí thời gian trong lĩnh vực Đầu tư (thấp điểm hơn lĩnh vực Đăng ký kinh doanh). Theo đánh giá chung của các DN/HTX thời gian thực hiện TTHC tại cục Thuế còn kéo dài (7,47 điểm), trong khi đã áp dụng các thủ tục trực tuyến song cần cải thiện tính đơn giản và dễ dàng (7,64 điểm). Sở Tài nguyên và Môi trường cần đẩy mạnh hơn trong việc thúc đẩy các thủ tục trực tuyến (7,66 điểm) và nâng cao hiệu quả việc thanh tra, kiểm tra môi trường (7,88 điểm)...

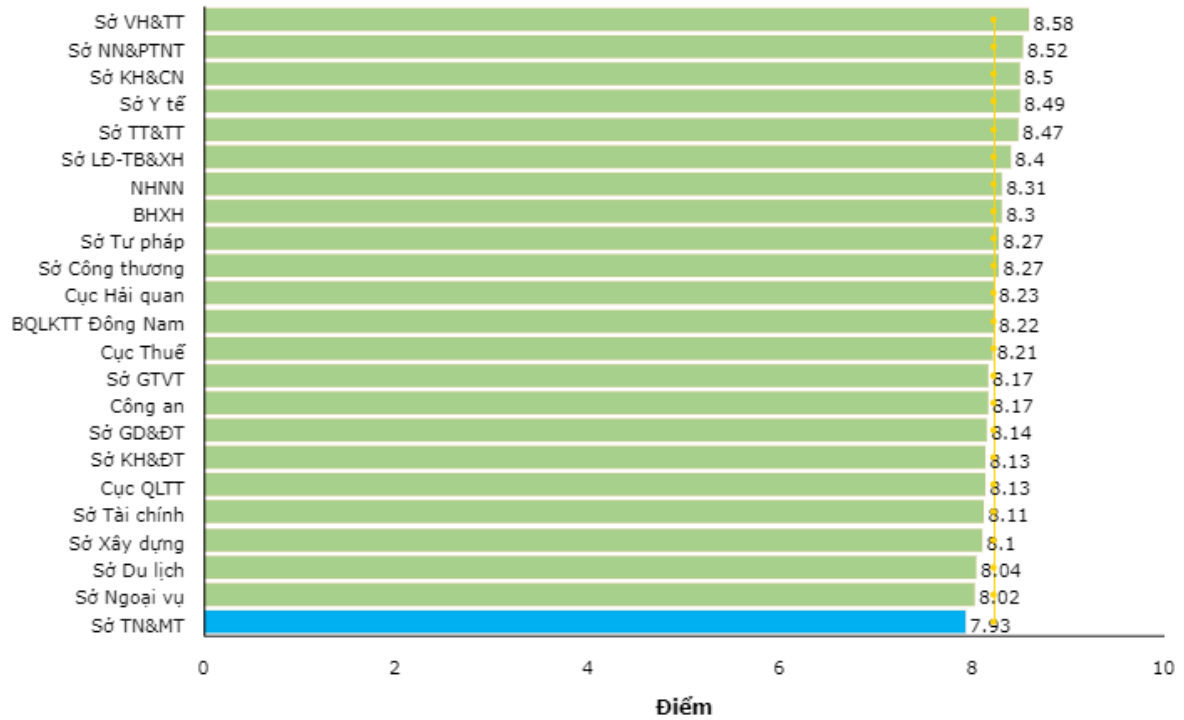
3.3.4. Chi phí không chính thức

Chỉ số thành phần chi phí không chính thức đạt 8,25 điểm, thuộc nhóm điểm tốt và điểm số khá đồng đều giữa các đơn vị thuộc đối tượng đánh giá. Kết quả PCI Nghệ An cũng chỉ ra rằng, chi phí không chính thức đang là CSTP có nhiều cải thiện đáng kể, tăng cả về điểm số và thứ hạng.

Cũng cần lưu ý rằng, điểm số chi phí không chính thức có phần tích cực hơn so với các lĩnh vực khác nhằm ghi nhận nỗ lực cải cách, giảm sự nhũng nhiễu với các DN. Tuy nhiên, đâu đó vẫn tồn tại chi phí không chính thức ở mức độ, quy mô và sự ảnh hưởng khác nhau tới các doanh nghiệp, hợp tác xã và nhà đầu tư. Những khoản chi này tạo sức ép, giảm sự hấp dẫn, cạnh tranh của môi trường kinh doanh tỉnh này so với tỉnh khác, địa phương này so với địa phương khác.

Biểu đồ 3.10

Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

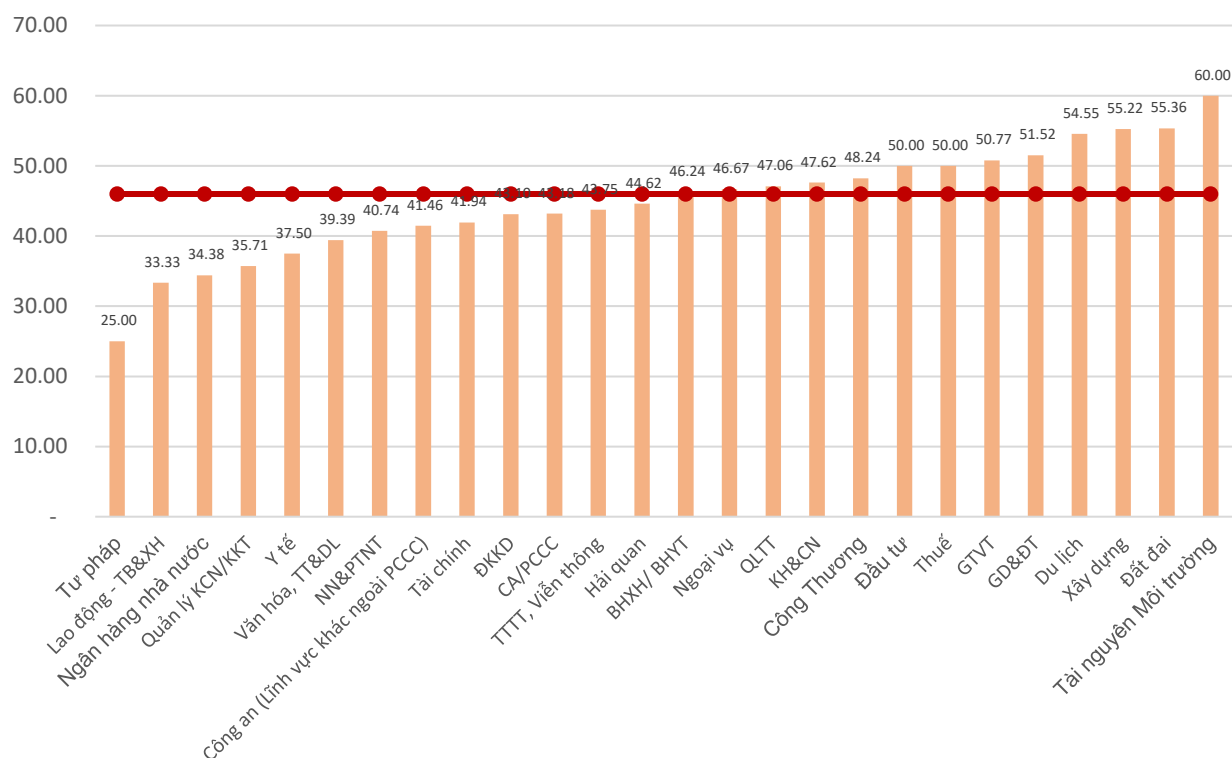
Tỷ lệ phổ biến của chi phí không chính thức vẫn ở mức cao (45,99%). Một cách hiểu khác, gần một nửa các DN/HTX khi thực hiện giao dịch, TTHC hay sử dụng dịch vụ công ở cấp sở ban ngành vẫn phải chi trả chi phí không chính thức ở các mức độ khác nhau. Một số DN đánh giá rằng đây là mức chi trả có thể chấp nhận, không tạo ra gánh nặng lớn (7,8%), số khác cho rằng chỉ tồn tại một số trường hợp (29,63%). Song, cũng có những DN/HTX đánh giá rằng họ phải chịu gánh nặng lớn từ chi phí không chính thức, khá phổ biến và gần như thành yêu cầu mặc định ngầm (7,73%).

Biểu đồ tiếp theo cho phép so sánh mức độ phổ biến của chi phí không chính thức tại các sở ban ngành. Trong đó, vẫn còn những lĩnh vực quản lý có tỷ lệ DN/HTX phải trả chi phí không chính thức trên 50%. Các DN cũng thẳng thắn cho biết tình trạng phiền hà, những nhiễu vẫn tồn tại ở

một số lĩnh vực chủ chốt. Nhiều sở ban ngành trong nhóm có tỷ lệ chi phí không chính thức cao có liên quan mật thiết, cung cấp số lượng lớn các TTHC và dịch vụ công cho các DN/HTX.

Biểu đồ 3.11

Mức độ phổ biến của Chi phí không chính thức theo lĩnh vực quản lý (%)



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Về quy mô của chi phí không chính thức, hầu hết các chi phí này chiếm dưới 5% so với tổng thu nhập của DN/HTX. Cá biệt, có 6,04% DN/HTX phản ánh rằng trong năm vừa qua họ phải chi trả trên 5% thu nhập cho các khoản chi phí lót tay, bôi trơn... Theo số liệu khảo sát, tỷ lệ trên tồn tại rải rác khi một số DN/HTX thực hiện TTHC tại sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng cháy chữa cháy, Bảo hiểm xã hội...

Điểm nghẽn của vấn đề chi phí không chính thức tại các sở ban ngành thuộc tính Nghệ An tập trung vào chỉ tiêu “*công việc có được giải quyết đúng như mong muốn hay không sau khi chi trả chi phí không chính thức*”. Các DN/HTX phải chi trả các khoản chi phí trên cho rằng, hiệu quả giải quyết công việc không hề được cải thiện trong khi các khoản chi phí bôi trơn, lót tay... vẫn phải chi trả. Bằng chứng là điểm số trung bình chung cho tiêu này là 6,49 điểm (trung bình khá), điểm số thấp với tất cả các sở ban ngành.

Các DN/HTX cũng phản ánh rằng các cuộc thanh tra, kiểm tra của của sở ban ngành có thể tạo cơ hội cho cán bộ những nhiễu cho các DN/HTX và vẫn có khả năng tăng lên trong những năm tiếp theo. Song niềm tin của các DN/HTX về xu thế chi phí không chính thức trong thời gian tới có dấu hiệu tích cực. Cụ thể, 83,08% số DN/HTX được khảo sát cho rằng chi phí không chính thức sẽ có xu hướng giảm trong thời gian tới. Trong đó, trên 58,85% DN/HTX có niềm tin mạnh mẽ các chi phí ngoài quy định của nhà nước sẽ giảm đáng kể và ít phổ biến hơn nếu các sở ban ngành có biện pháp hữu hiệu, đặc biệt với các lĩnh vực đang được phản ánh còn nhiều phiền hà như: thuế, xây dựng, BQL khu công nghiệp, đầu tư, đất đai...

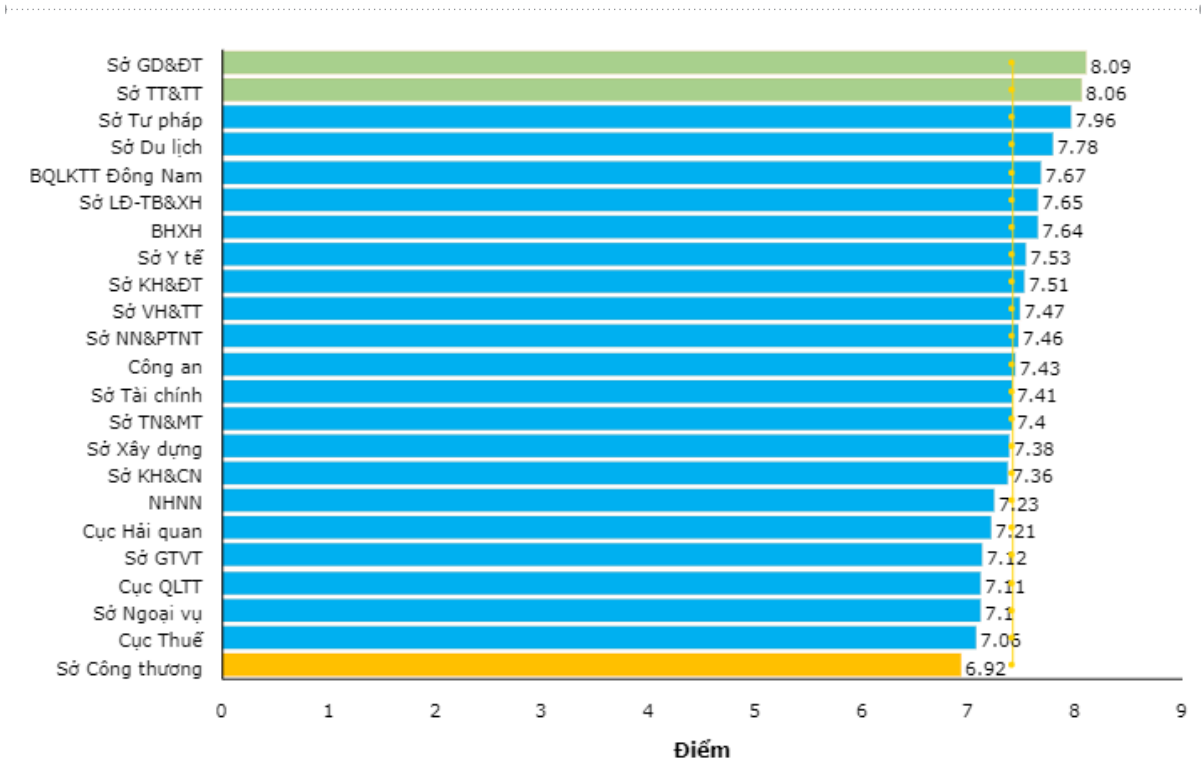
3.3.5. Cạnh tranh bình đẳng

Cạnh tranh bình đẳng có chuyển biến tại Nghệ An trong năm vừa qua theo kết quả PCI. Mặc dù vậy, các cải cách vẫn chưa đủ để cạnh tranh bình đẳng trở thành thế mạnh của tỉnh, vẫn còn tồn tại một khoảng cách lớn so với các lĩnh vực khác. Theo kết quả khảo sát DDCI, cạnh tranh bình đẳng là chỉ số thành phần có điểm số thấp nhất khi xét trung bình chung toàn tỉnh, với 7,46 điểm. Trong thời gian tới, tiếp tục quan tâm và thúc đẩy cải cách CSTP cạnh tranh bình đẳng vẫn là nhiệm vụ quan trọng trong hành trình nâng cao năng lực cạnh tranh tại tỉnh Nghệ An. Trong đó, vai trò của các sở ban ngành trong quá trình trên là động lực then chốt.

Theo kết quả khảo sát, sở Giáo dục & đào tạo, sở Thông tin & truyền thông có điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng tích cực hơn các địa phương khác (thuộc nhóm điểm số tốt). Trong khi đó, các sở ban ngành còn lại chủ yếu dừng ở mức điểm khá hoặc trung bình khá. Sở Công thương là đơn vị đứng cuối bảng xếp hạng về cạnh tranh bình đẳng, với mức điểm dưới 7 điểm.

Biểu đồ 3.12

Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Dưới góc độ DDCI sở ban ngành, có thể thấy rõ những vấn đề cấp thiết cần giải quyết trong thời gian tới để môi trường kinh doanh tại tỉnh trở nên bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế.

Thứ nhất, đó là vẫn đang tồn tại hiện tượng bất bình đẳng giữa các DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa trong thực hiện thủ tục hành chính (7,39 điểm), tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh đấu thầu, chính sách ưu đãi, hỗ trợ (7,45 điểm) tại Nghệ An. Có thể cụ thể hoá bằng việc ưu ái trong thực hiện TTHC, thông tin về các cơ hội kinh doanh, đấu thầu... cho doanh nghiệp thân quen, còn tồn tại doanh nghiệp “sân trước, sân sau” trên nhiều lĩnh vực mà không phải DN/HTX nào cũng có thể rộng cửa tiếp cận các dịch vụ, thông tin. Chính vì vậy,

điểm số của các chỉ tiêu này chỉ đầu đó ở nhóm điểm khá, chưa có sở ban ngành nào có các giải pháp hay hành động bút phá để cải thiện.

Tiếp theo, còn một số bất công trong việc giải quyết các khuyến nghị khó khăn cũng có sự ưu ái, khác biệt giữa các thành phần kinh tế trên (7,5 điểm). Có thể kể đến sở Công thương là đơn vị có điểm số chỉ tiêu liên quan còn thấp điểm.

Còn tồn tại hiện tượng “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa (7,51 điểm). Vấn đề này không chỉ tồn tại ở riêng sở ban ngành nào mà đều còn là điểm nghẽn ở tất cả các sở ban ngành trong danh sách đánh giá.

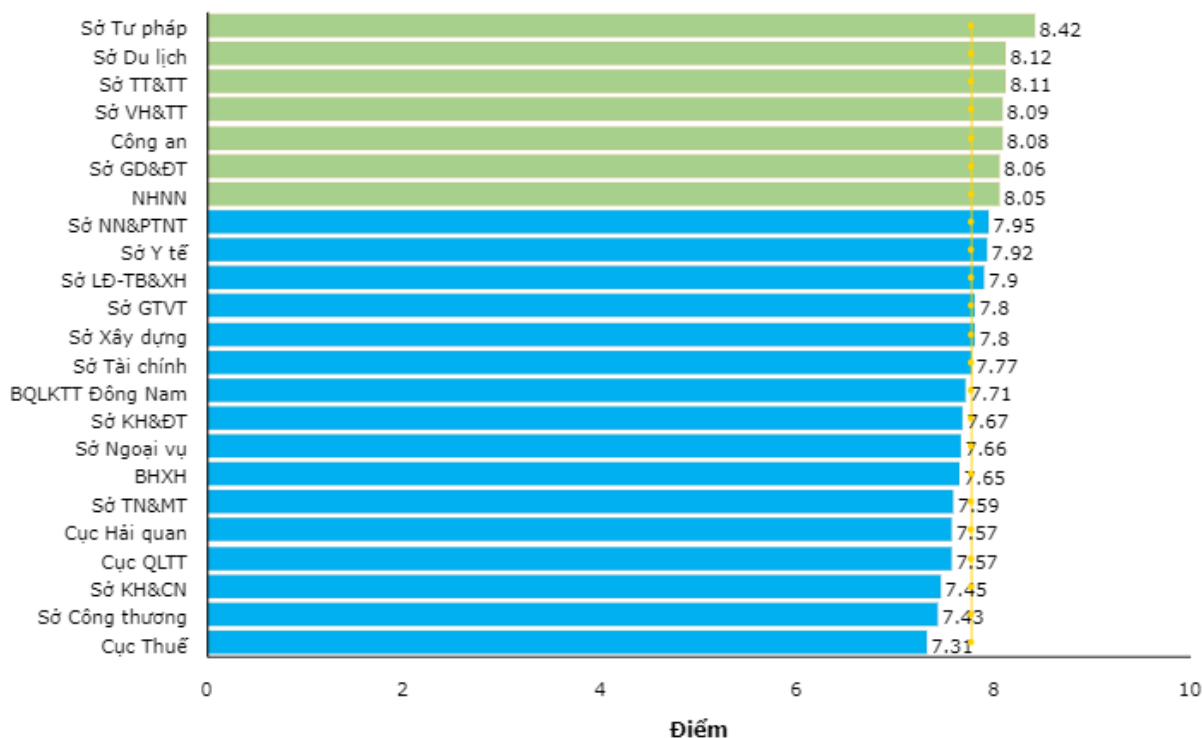
Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng phản ánh đánh giá và yêu cầu của cộng đồng doanh nghiệp trong nước về môi trường kinh doanh bình đẳng. Nếu cạnh tranh không công bằng, thiếu công khai, minh bạch thì môi trường đầu tư sẽ bị tác động rất lớn theo chiều hướng xấu đi và ngược lại. Trong bối cảnh Nghệ An đang tăng tốc và bút phá trong thu hút đầu tư, một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, công khai, các TTTC được tiếp cận một cách thuận lợi là điều kiện đầu vào quan trọng để gia tăng sức hấp dẫn của môi trường kinh doanh trong tỉnh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Do đó, nỗ lực bền bỉ và chú trọng đến tính bền vững trong đẩy mạnh các biện pháp cạnh tranh bình đẳng tại tỉnh là nhiệm vụ cần tiếp tục duy trì trong thời gian tới tại tất cả các sở ban ngành.

3.3.6. Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành

Quan sát điểm số tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành tại Nghệ An năm 2022 cho thấy nhiều tín hiệu tích cực. Theo PCI, tính năng động của chính quyền tăng cả điểm số và thứ hạng. Tuy nhiên, dư địa cải thiện của CSTP này còn khá lớn. Dưới góc độ phân tích các sở ban ngành, khảo sát DDCI cũng chỉ ra kết quả tương đồng khi CSTP này đạt điểm trung bình chung toàn tỉnh là 7,81 điểm, xếp thứ 5/8 CSTP. Với những DN/HTX quan tâm và sát sao theo dõi sự phát triển của môi trường kinh doanh tại Nghệ An những năm vừa qua, có thể thấy rằng các cấp, ban, ngành đã thể hiện nhiều quyết tâm và sáng kiến cải cách nhằm thúc đẩy môi trường kinh doanh tại tỉnh. Mặc dù đây vẫn chưa là điểm số ấn tượng, song, cũng thể hiện nỗ lực cải cách của các sở ban ngành đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận trong thời gian vừa qua, phần nào thực hiện được các chỉ đạo từ UBND tỉnh trong cải cách hành chính, tạo môi trường kinh doanh tốt hơn cho các DN/HTX.

Biểu đồ 3.13

Điểm số CSTP “Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Có 74,22% doanh nghiệp cho rằng các sở ban ngành đã thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND tỉnh trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX; có 67,83% doanh nghiệp cho rằng lãnh đạo sở ban ngành rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới; có đến 71,93% doanh nghiệp cho rằng các sở ban ngành đã kịp thời nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao.

Tuy nhiên, *hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi thực hiện các quyết định/chủ trương* của UBND tỉnh và cấp TW vẫn còn tồn tại (27,49% ý kiến cho rằng hiện tượng này vẫn xảy ra). Đáng chú ý, các hiện tượng này còn tập trung nhiều tại các sở ban ngành có nhiều TTHC với các DN như sở Tài nguyên và Môi trường, sở Công thương, cục Thuế... Chính vì vậy, đánh giá về môi trường kinh doanh, một số ý kiến vẫn cho rằng, thể chế, quy định pháp luật còn vướng mắc.

Bên cạnh đó, có hiện tượng tổ chức, người thực thi pháp luật ở một số sở ban ngành còn e ngại trước rủi ro pháp lý dẫn đến giải quyết chậm, không dám tham mưu, quyết định... Còn hiện tượng *đùn đẩy trách nhiệm giữa các Sở, ban, ngành hoặc sang địa phương hoặc lên cấp có thẩm quyền cao* trong giải quyết các vấn đề liên quan cho DN/HTX (27,93% ý kiến cho rằng hiện tượng này vẫn xảy ra).

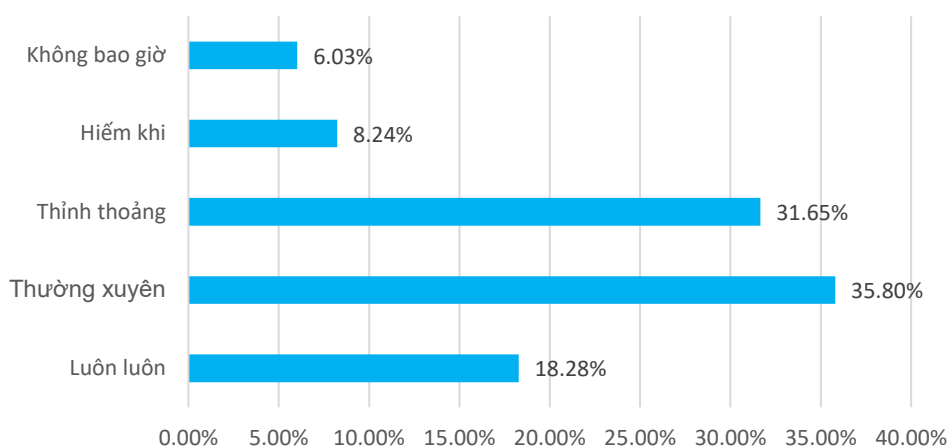
Chỉ tiêu “*Tổ chức đối thoại và nội dung của hoạt động đối thoại*” đạt 7,84 điểm. Các sở ban ngành có ít tương tác với DN/HTX dường như có điểm số cao hơn khi xem xét tiêu chí này. Trong khi đó, các DN/HTX đang đặt kì vọng lớn hơn vào số lượng, chất lượng và giải quyết vấn đề sau đối thoại của các sở ban ngành có nhiều tương tác với cộng đồng doanh nghiệp như sở Kế hoạch và

Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, PCCC, cục Hải quan, cục Thuế, sở Công thương... Mặc dù các đơn vị này có tổ chức đối thoại, song nhiều DN/HTX vẫn mong muốn kết quả và nội dung các chương trình đối thoại sát với yêu cầu của doanh nghiệp hơn nữa. Điều đó phản ánh sự cạnh tranh gay gắt trong phát triển và là bài toán buộc các sở ban ngành phải dừng cảm nhìn nhận, giải quyết thấu đáo những điểm mạnh, điểm yếu của mình để thay đổi, sớm được các DN/HTX ghi nhận nỗ lực khách quan.

Bên cạnh đó, việc được tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các sở ban ngành cũng còn nhiều dư địa cải thiện (7,13 điểm). Cụ thể, 6,03% các DN/HTX chưa bao giờ được tham gia góp ý chính sách, 8,24% ý kiến cho rằng họ “hiếm khi” được tham gia vào hoạt động này và 31,65% là các DN/HTX thỉnh thoảng được mời tham gia góp ý và đối thoại chính sách.

Biểu đồ 3.14.

Tỷ lệ DN/HTX được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch của các sở ban ngành



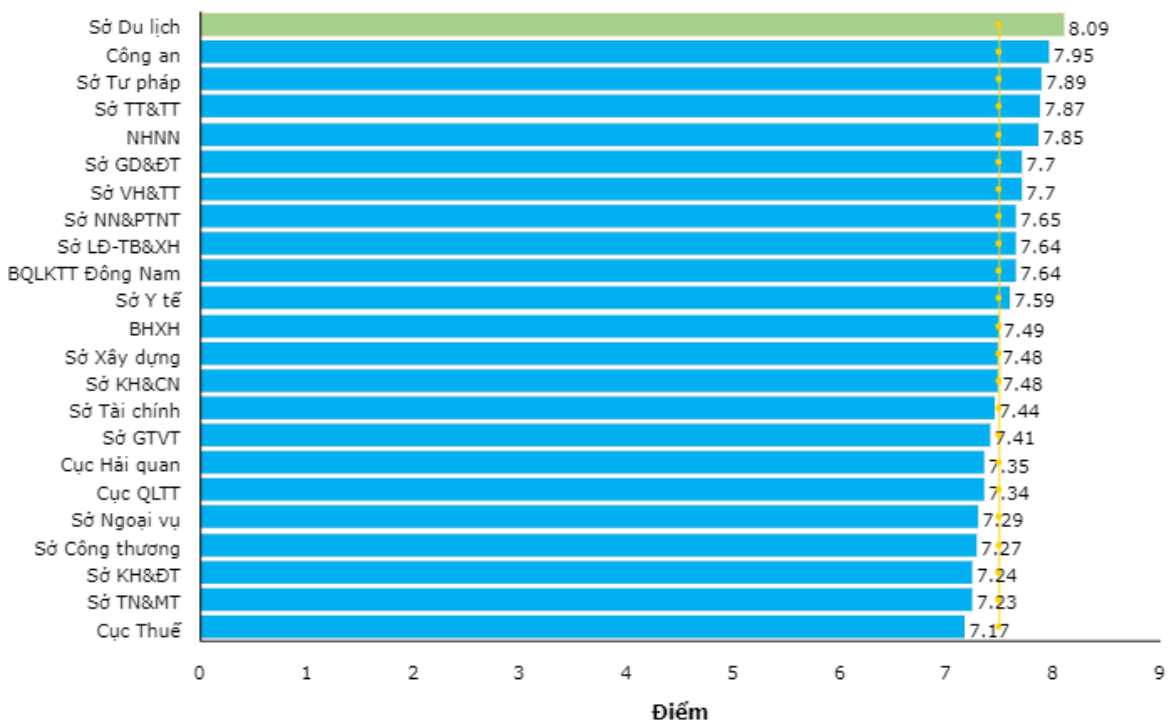
Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

3.3.7. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại các sở ban ngành Nghệ An đạt mức điểm trung bình chung là 7,55 điểm. Đây cũng là CSTP thấp thứ hai trong các chỉ số được xem xét, đánh giá. Ở cấp tỉnh, phân tích kết quả PCI năm vừa qua cũng chỉ ra rằng, các hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh ở Nghệ An đang có dấu hiệu thiếu bền vững (giảm sâu về điểm số). Chính vì vậy, các sở ban ngành tại tỉnh cần “chung tay” có các giải pháp hữu hiệu, cùng UBND tỉnh đưa CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh thành công cụ tốt để giúp cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh, thay vì trở thành “nút thắt” trong phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư như hiện nay.

Biểu đồ 3.15

Điểm số CSTP “Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Sở du lịch là đơn vị duy nhất đạt điểm số trên 8 điểm khi phân tích về *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh*. Điều đó phần nào cho thấy các DN liên quan đến sở Du lịch đánh giá tích cực về các chương trình của sở trong thời gian vừa qua, trong bối cảnh phục hồi ngành Du lịch sau đại dịch. DN du lịch Nghệ An dành mức điểm đáng khích lệ cho các chương trình kế hoạch khảo sát, xây dựng sản phẩm mới để thu hút du khách, hỗ trợ các địa phương lựa chọn và xây dựng các sản phẩm mới, kết nối với các công ty lữ hành, các đơn vị báo chí kịp thời tuyên truyền, khai thác trong ngành du lịch.

Với cộng đồng doanh nghiệp, các hỗ trợ phải được xây dựng từ nhu cầu của các DN/HTX, xuất phát điểm từ những giải pháp cụ thể, thực tế, đặc biệt sát với hoạt động của DN/HTX. Có như vậy, các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp mới đạt hiệu quả cao và thực sự có ý nghĩa với các doanh

nghiệp. Định vị được các vấn đề trên, DDCI sở ban ngành tìm hiểu chính sách hỗ trợ tại Nghệ An thông qua hệ thống các tiêu chí cụ thể.

Mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và tỉnh) dành riêng cho hỗ trợ các DN/HTX đạt điểm số 7,8 điểm, trong khi thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 7,36 điểm. Có thể thấy rằng, còn nhiều DN/HTX chưa tiếp cận được nguồn thông tin công khai, minh bạch về các hỗ trợ. Bên cạnh đó, gần 10% DN/HTX còn cho rằng thủ tục để được hưởng các hỗ trợ còn phức tạp, khó khăn, khiến một số DN nản lòng, bỏ qua các hỗ trợ.

Tác động của các chương trình hỗ trợ của sở ban ngành tới nâng cao hoạt động SXKD của DN/HTX cũng chỉ dừng lại ở 7,69 điểm, trong khi hỗ trợ của các sở ban ngành được kì vọng như sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Công thương, cục Thuế, sở Tài chính lại chưa cao (thấp hơn mức điểm trung vị), tiêu chí về Các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh khả quan hơn với 7,65 điểm và các sở ban ngành cũng có các chương trình, chính sách cho DNNVV, DN/HTX do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ và khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh (7,55 điểm).

Chỉ tiêu có điểm số thấp nhất khi xem xét các chương trình hỗ trợ liên quan đến việc thiết kế chương trình. Trả lời cho câu hỏi DN có được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn, nước sạch, nông thôn mới...) hay không, còn khoảng 44,38% các DN/HTX cho rằng không được mời, hiếm khi hoặc thỉnh thoảng được mời. Điều này đồng nghĩa với việc nhu cầu, nguyện vọng của gần một nửa các DN/HTX chưa được tiếp cận kịp thời, dẫn đến khoảng cách giữ các chính sách hỗ trợ và người tiếp cận hỗ trợ càng thêm nói rộng.

Cùng với đó, tiếp tục tập trung cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; tăng tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4, nhất là thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận điện năng, tăng cường cung cấp thông tin, công khai, minh bạch các cơ chế, chính sách; thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh... vẫn là các hỗ trợ cải cách TTHC mà nhiều sở ban ngành đang theo đuổi.

“

Sở Du lịch là đơn vị duy nhất đạt điểm số trên **8 điểm** khi phân tích về Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh. Nhiều DN liên quan đến sở Du lịch **đánh giá tích cực** về các chương trình của sở trong thời gian vừa qua.

”



Thông qua khảo sát DDCI sở ban ngành, một số DN/HTX cũng mạnh dạn đề xuất các ý kiến, mong muốn cải thiện môi trường kinh doanh qua các góc độ.

CÂU HỎI MỞ RỘNG: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ TỪ CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VỀ CÁC HỖ TRỢ TỪ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TẠI TỈNH

Kiến nghị tới UBND tỉnh, các sở ban ngành

- Hỗ trợ, hướng dẫn các thủ tục, giấy tờ chi tiết hơn; rút ngắn thời gian làm thủ tục, đơn giản hơn các giấy tờ; Thời gian giải quyết TTHC cần nhanh hơn, có giải pháp cho các TTHC giải quyết quá số ngày quy định (*nhiều ý kiến*)
- Giảm bớt thủ tục trực tiếp, nên thông qua thủ tục trực tuyến nhiều hơn; Quan tâm hơn nữa đến việc ứng dụng công nghệ và các xu thế mới để giải quyết các thủ tục hành chính (*nhiều ý kiến*)
- Các sở ban ngành nên chủ động thông tin hỗ trợ cho doanh nghiệp, các văn bản quy định, tạo điều kiện cho đơn vị nắm bắt kịp thời các quy định
- Tiếp tục có các chính sách để phát triển HTX
- Đề nghị giảm thanh tra, kiểm tra (kiểm tra, phạt), thay vào đó cần tích cực hỗ trợ các DN phát triển
- Hạn chế việc lấy số và ngồi chờ mất nhiều thời gian
- Hạn chế quan liêu
- Cần thúc đẩy triển khai nhanh các cụm công nghiệp trên địa bàn xã Hưng Đông tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất (*nhiều ý kiến*)

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh

- Tạo điều kiện cho DN được vay vốn ưu đãi để mở rộng SXKD có hiệu quả (*nhiều ý kiến*)
- Quan tâm các DN nhỏ về nguồn vốn ưu đãi, lãi suất thấp
- Tham mưu giảm lãi suất ngân hàng

Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam

- Mong muốn ban quản lý hỗ trợ và giải quyết kịp thời TTHC như giấy phép xây dựng để DN đi vào hoạt động nhanh chóng
- Thúc đẩy, đẩy nhanh các tiến độ tại khu/cụm công nghiệp

Sở Tài nguyên và môi trường

- Tạo điều kiện mặt bằng để ổn định SXKD, thực hiện triển khai giải phóng mặt bằng dự án đang gặp khó khăn (*nhiều ý kiến*)
- Doanh nghiệp kiến nghị phối hợp với huyện Đô Lương: "*Hiện tại công ty chưa có trụ sở, phải thuê của nhà dân. Công ty mong muốn chính quyền địa phương tạo điều kiện cho công ty thuê đất lâu dài làm trụ sở để ổn định và phát triển hoạt động SXKD (đã nhiều lần gửi công văn tới UBND huyện nhưng chưa được giải quyết)*"
- Thời gian chờ, các thủ tục khá phức tạp
- Hỗ trợ thủ tục giấy tờ liên quan đến đất đai của các thành viên trong HTX

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Việc cấp visa, giấy phép lao động cho người nước ngoài còn phức tạp, khó lấy được chứng từ hợp lý để hạch toán chi phí cho doanh nghiệp

- Thuế suất thuế thu nhập cá nhân cho người nước ngoài chưa làm hài lòng lao động người nước ngoài, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi điều động chuyên gia kỹ sư nước ngoài
- Cần quy định rõ về chính sách cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài: lao động kỹ thuật, chuyên gia, nhà quản lý, cũng với cục xuất nhập cảnh đồng bộ lại thủ tục
- Lao động chưa được đào tạo bài bản, do đó nên mở các lớp đào tạo ngắn ngày cho các doanh nghiệp, xây dựng các khu nhà ở xã hội phục vụ cho cán bộ công nhân có thu nhập thấp
- Đề xuất triển khai làm thủ tục trực tuyến với hồ sơ ký, đóng dấu điện tử

Sở Xây dựng

- Thủ tục xây dựng trụ sở đang gặp nhiều khó khăn, thủ tục cần đơn giản hơn (phối hợp cùng sở Tài nguyên và Môi trường)
- Các dự án chưa được tiếp cận minh bạch, đề nghị công khai các dự án trên các phương tiện truyền thông, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các công tác quản lý
- Giảm bớt các thủ tục rườm rà, không cần thiết, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, mở rộng kinh doanh
- Cần hỗ trợ DN nhiều hơn trong giải quyết thủ tục hành chính, thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu
- Khi DN có yêu cầu, kiến nghị cần có kế hoạch và hướng xử lý kịp thời nhanh chóng

Cục thuế

- DN gặp nhiều khó khăn cần hỗ trợ từ phía Sở/Ban/Ngành như hỗ trợ giảm thuế 2% cho DN, tăng cường đầu tư công
- “Liên hệ rất khó. Các văn bản hướng dẫn có số điện thoại nhưng không liên lạc được”
- Giải đáp thắc mắc cho DN về việc thu thuế môn bài của lĩnh vực kinh doanh giáo dục năm đầu

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đề xuất triển khai làm thủ tục trực tuyến với hồ sơ ký, đóng dấu điện tử
- Khi DN có yêu cầu, kiến nghị cần có hướng giải quyết kịp thời, nhanh gọn

Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tăng cường hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục (*nhiều ý kiến*)
- Đẩy nhanh thủ tục gia nhập thị trường và cấp phép
- Cần hỗ trợ, chính sách ưu đãi hơn để DN phát triển
- Quan tâm hơn nữa các doanh nghiệp tư nhân nhỏ về việc tiếp cận các công trình, dự án của nhà nước
- Số điện thoại hotline (đường dây nóng) thường xuyên không liên lạc được

Sở Công thương

- Tạo điều kiện để DN tham gia các hoạt động, các chương trình xúc tiến thương mại, đẩy mạnh đầu ra cho các sản phẩm của Doanh nghiệp.
- Tối giản thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho DN

Bảo hiểm xã hội

- Hướng dẫn, trả lời DN đầy đủ và thấu đáo để tránh việc phải đi lại nhiều lần. Hướng dẫn áp dụng thủ tục trực tuyến cho DN nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí
- Tham mưu đến các cấp có liên quan để đề nghị hỗ trợ cho doanh nghiệp như giãn thời gian nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN hàng tháng (*nhiều ý kiến*)

Sở du lịch

- Cần thực hiện tốt hơn trong việc kiểm tra các DN lữ hành kinh doanh không lành mạnh

Sở Giao thông Vận tải

- Đăng kiểm xe tải còn nhiều bất cập dẫn đến trường hợp xe kinh doanh phải tạm dừng chờ đăng kiểm
- Xử lý tình trạng xe dù tràn lan
- Một số cán bộ giải quyết TTHC còn thiếu nhiệt tình, những nhiễu

Cục Hải quan

- Thủ tục khó khăn và còn nhiều văn bản, giấy tờ

Sở Y tế

- Mong muốn nhận được các thông tư hướng dẫn hoặc các quy định mới ban hành cho Doanh nghiệp thực hiện để làm đúng chủ trương

Sở tài chính

- Triển khai nộp hồ sơ trực tuyến còn chậm, cần triển khai cho doanh nghiệp giảm bớt các thủ tục hành chính

Sở Tư pháp

- Tra cứu thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến còn chậm
- Hướng dẫn, phổ cập các biểu mẫu văn bản để thực hiện thủ tục hành chính

Sở Thông tin và Truyền thông

- Xin cấp GCN kinh doanh TDTT đối vs DN kinh doanh dịch vụ lưu trú, thông tin và yêu cầu từ các bên liên quan chưa thống nhất, gây khó khăn cho DN

3.3.8. Hiệu lực thiết chế

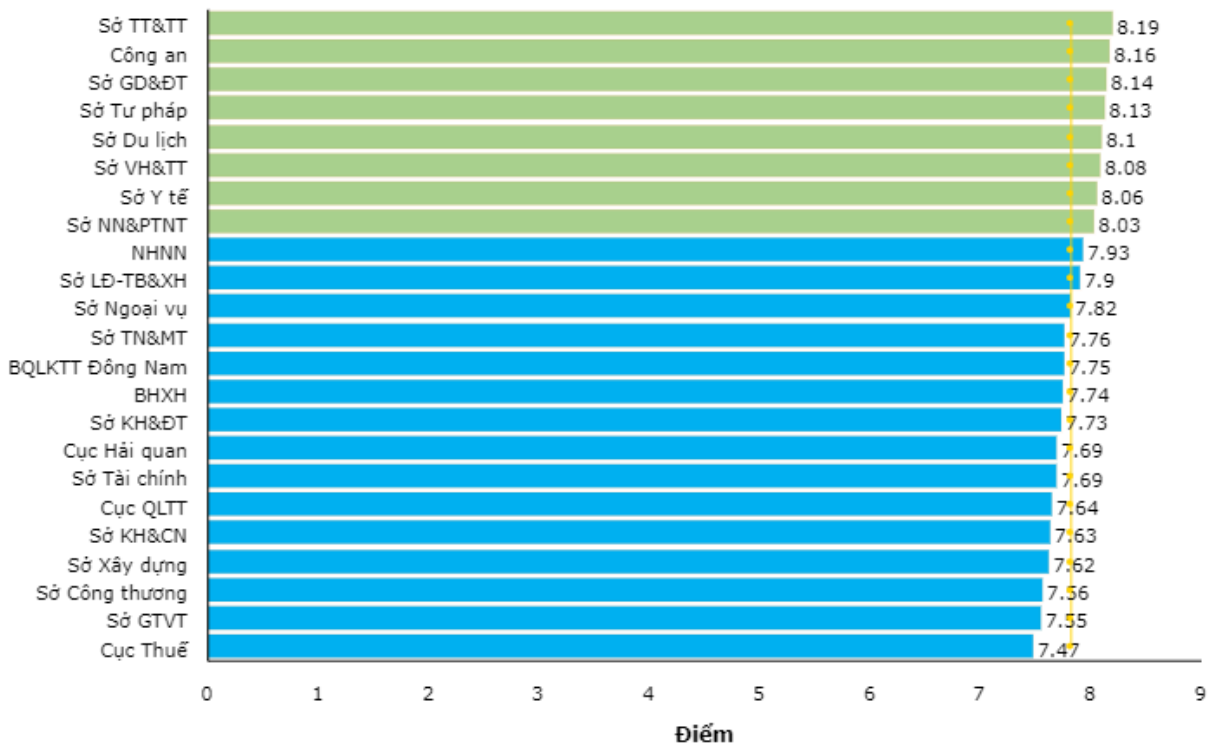
Hiệu lực thiết chế được ghi nhận có nhiều thay đổi tích cực tại tỉnh Nghệ An trong năm vừa qua. Lần đầu tiên trong lịch sử đánh giá, điểm số PCI về hiệu lực thiết chế của Nghệ An vượt ngưỡng 7 điểm, tăng cả về điểm số và thứ hạng. Đây là chỉ số đo lường chỉ số lòng tin của doanh nghiệp, tổ chức đối với việc thực thi pháp luật, hỗ trợ pháp lý tại tỉnh.

Kết quả DDCI cũng ghi nhận mức điểm 7,84 điểm cho CSTP này trung bình chung cho các sở ban ngành. Dưới góc độ DDCI sở ban ngành, CSPT này quan tâm đến việc công khai, tuyên truyền thông tin về chính sách pháp luật; hiệu quả thực hiện các chính sách trên; hiệu quả của hoạt động tiếp các DN/HTX tại các sở ban ngành; hiệu quả của cơ chế tiếp nhận khiếu nại tố cáo; khiếu nại vượt cấp; hỗ trợ pháp lý và cơ chế khiếu nại.

Theo DDCI, sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, sở Giáo dục và Đào tạo, sở Tư pháp là các đơn vị dẫn đầu điểm số riêng về hiệu lực thiết chế. Đây là những tín hiệu tích cực, bởi lẽ 2/4 đơn vị trên có nhiều hoạt động liên quan đến thiết chế pháp lý tại tỉnh, cho phép Nghệ An kỳ vọng vào kết quả tốt hơn của hiệu lực thiết chế trong thời gian tới trên bảng xếp hạng PCI.

Biểu đồ 3.16

Điểm số CSTP “Hiệu lực thiết chế”



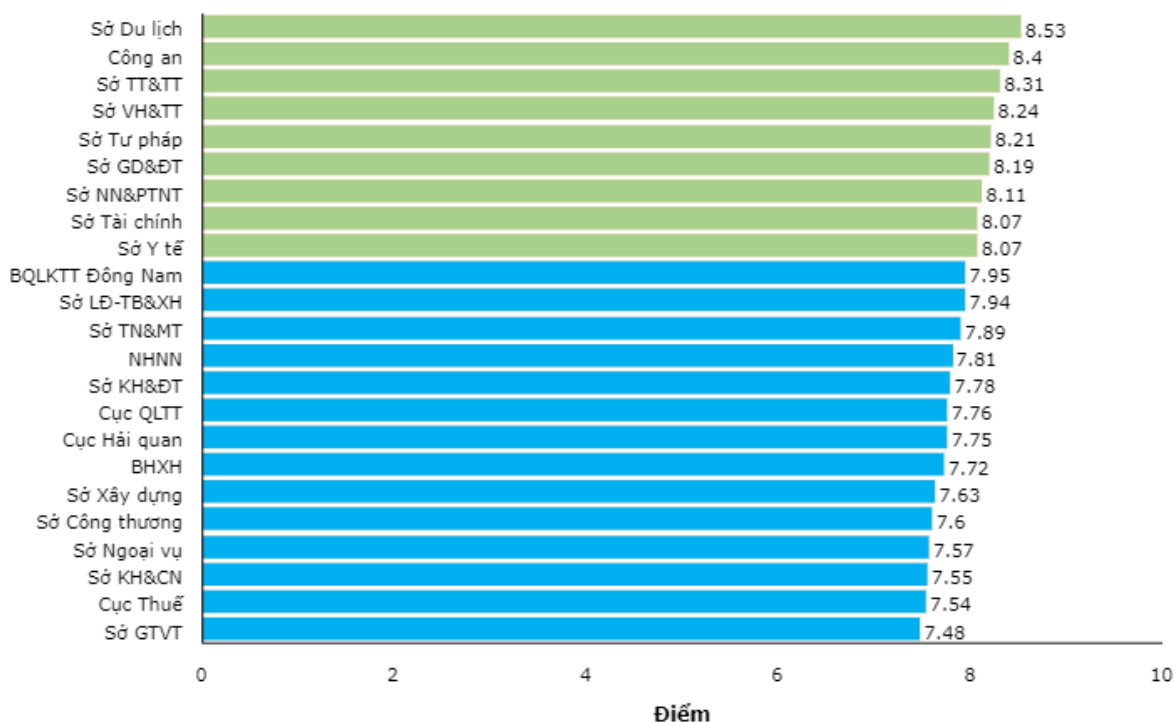
Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

UBND tỉnh và các sở ban ngành đều xác định phải xây dựng, củng cố niềm tin của doanh nghiệp với tỉnh, trong đó làm tốt công tác tuyên truyền những kết quả đã làm được và những giải pháp đang thực hiện nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Liên quan đến hiệu lực thiết chế, hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của các sở ban ngành cũng được chú trọng. Chính vì vậy, đây là chỉ tiêu đạt điểm số cao nhất 8,02 điểm, thuộc nhóm tốt. Tiếp đó, các DN/HTX cũng bày tỏ niềm tin cao hơn vào *hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do các sở ban ngành triển khai và thực thi* (8,01 điểm) và *cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch, công bằng* (7,94 điểm). *Hỗ trợ pháp lý cho*

các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm cũng là chỉ tiêu mang lại nhiều tích cực cho môi trường kinh doanh tỉnh Nghệ An. Chỉ tiêu này đạt điểm số 7,92 điểm, tiếp cận mức điểm tốt.

Biểu đồ 3.17

Điểm số chỉ tiêu “hỗ trợ pháp lý cho các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Hiện tượng doanh nghiệp/HTX khiếu nại vượt cấp là vấn đề còn tồn tại, có mức điểm thấp nhất khi đánh giá hiệu lực thiết chế các sở ban ngành tại Nghệ An, với 7,29 điểm. BQL khu kinh tế Đông Nam, sở Tài chính là các đơn vị cần quan tâm nhiều hơn đến hiện tượng trên. Bởi lẽ, qua kết quả khảo sát, điểm số chỉ tiêu thấp (dưới 7 điểm).



Điểm trung bình DDCI sở, ban, ngành: 78,34 điểm

Kết quả DDCI sở ban ngành Nghệ An theo **2 nhóm xếp hạng** (nhóm A và nhóm B), đơn vị đứng đầu mỗi nhóm như sau:

Nhóm A

Sở Nông nghiệp & PTNT



Đứng đầu bảng xếp hạng nhóm A

Điểm số: 79,34 điểm



Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ở vị trí **thứ hai** của bảng xếp hạng nhóm A, với 79,03 điểm.



BQLKKT Đông Nam ở vị trí **thứ ba** bảng xếp hạng nhóm A với 77,89 điểm

Nhóm B

Sở Thông tin và Truyền thông,

Đứng đầu bảng xếp hạng nhóm B, với điểm số 81,76 điểm



Sở Tư pháp, ở vị trí **thứ hai** của bảng xếp hạng nhóm B, với 81,46 điểm.



Sở Văn hóa và Thể thao

ở vị trí **thứ ba** bảng xếp hạng nhóm B với 81,10 điểm



***DDCI** là chỉ số chỉ đánh giá về **chất lượng quản trị công, điều hành kinh tế, nỗ lực cải thiện MTKD** phục vụ DN/HTX và các cơ sở kinh tế và do vậy chỉ đánh giá, xếp hạng các sở, ban, ngành ở nội dung này, và **không đánh giá chất lượng điều hành của các sở, ban, ngành trên tất cả các mặt hoạt động, quản lý.**

Trên cơ sở báo cáo phương pháp luận DDCI Nghệ An năm 2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt:

* DDCI xếp hạng điểm số các sở, ban ngành từ cao đến thấp theo **2 nhóm**. Trong đó, **Nhóm A** bao gồm các sở ban ngành có đối tượng phục vụ chính là các DN/HTX/HKD và có nhiều tương tác đối với các đối tượng này, và **Nhóm B** bao gồm các sở ban ngành có đối tượng phục vụ chính không phải là các DN/HTX/HKD mà là người dân hoặc các đối tượng khác, và có ít tương tác hơn với các DN/HTX, và có ít TTHC đối với đối tượng là DN/HTX/HKD này. Hai nhóm này được thể hiện như sau:

- **Nhóm A** – Đối tượng phục vụ chính là DN/HTX/HKD và số lượng TTHC/ mức tương tác với các đối tượng này là lớn và đáng kể (1. Sở Kế hoạch và Đầu tư; 2. Sở Tài nguyên và Môi trường; 3. Sở Xây dựng; 4. Sở Giao thông vận tải; 5. Sở Công Thương; 6. Cục Quản lý thị trường; 7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 9. BQL Khu Kinh tế Đông Nam; 10. Cục Thuế; 11. Cục Hải quan và 12. Bảo hiểm Xã hội)
- **Nhóm B** – Đối tượng phục vụ chính không phải là DN/HTX/HKD và số lượng TTHC/ mức tương tác với các đối tượng này ở mức độ thấp hơn (1. Công an tỉnh; 2. Sở Tài chính; 3. Sở Văn hóa, Thể thao; 4. Sở Thông tin và Truyền thông; 5. Sở Y Tế; 6. Sở Khoa học và Công nghệ; 7. Sở Giáo dục và Đào tạo; 8. Sở Ngoại vụ; 9. Sở Tư pháp; 10. Sở Du lịch; 11. Ngân hàng NN chi nhánh tỉnh)



Kết quả **DDCI Nghệ An 2022** qua các chỉ số thành phần:

Những chỉ số nào cần cải thiện ?

Các chỉ số thành phần Có điểm số tích cực

Các chỉ số thành phần Cần cải thiện trong thời gian tới

Chi phí không chính thức

Mặc dù vẫn còn tồn tại chi phí không chính thức, song điểm số **tương đối tích cực** so với các CSTP khác (8,25 điểm).



Kinh tế



Chi phí gia nhập thị trường

hoạt động cấp phép và TTHC
(7,62 điểm)

Chi phí thực hiện

TTHC và tuân thủ quy định pháp luật:
8,08 điểm



Xã hội



Hỗ trợ sản xuất kinh doanh, vẫn chưa đạt được mức điểm tốt (7,55 điểm)

Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin đã được nhiều sở ban ngành quan tâm: **8,06 điểm**



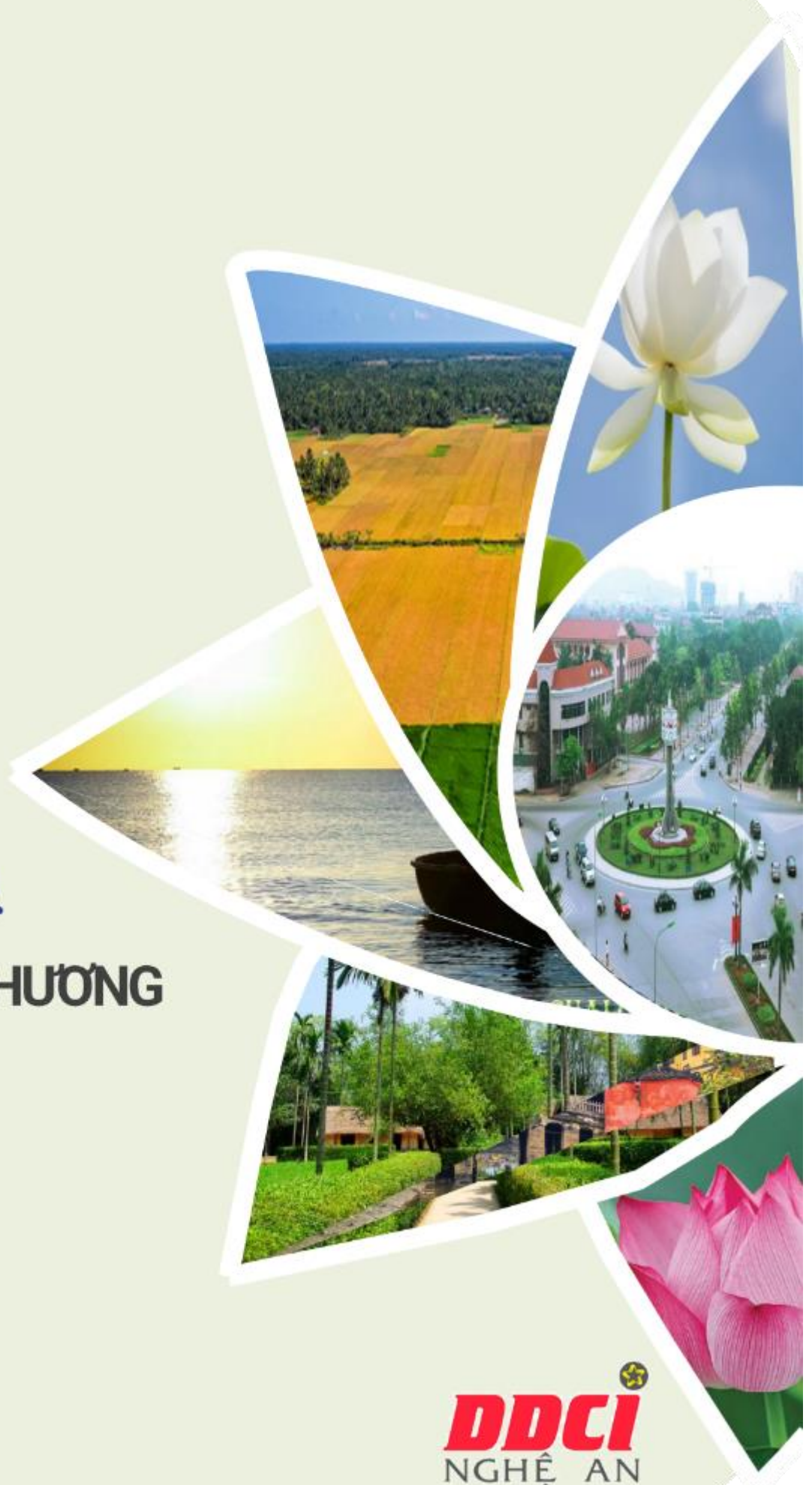
Môi trường



Cần tăng cường cạnh tranh bình đẳng (7,46 điểm)

*Nguồn: Theo kết quả khảo sát DDCI Nghệ An năm 2022

CHƯƠNG 4.
DDCI ĐỊA PHƯƠNG





CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG

4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI địa phương

Các đánh giá dành cho DDCI địa phương được nhìn nhận qua 09 CSTP:

- 1 - Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC
- 2 - Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin
- 3 - Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật
- 4 - Chi phí không chính thức
- 5 - Cạnh tranh bình đẳng
- 6 - Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương
- 7 - Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
- 8 - Hiệu lực thiết chế và An ninh trật tự
- 9 – Tiếp cận đất đai

Với thang điểm tối đa là 100, điểm tổng hợp chỉ số Năng lực cạnh tranh địa phương Nghệ An năm 2022 và thứ hạng tương ứng của các huyện, thành phố, thị xã được trình bày tại Hình 4.1 và Biểu đồ 4.1. Cụ thể, theo phân nhóm:

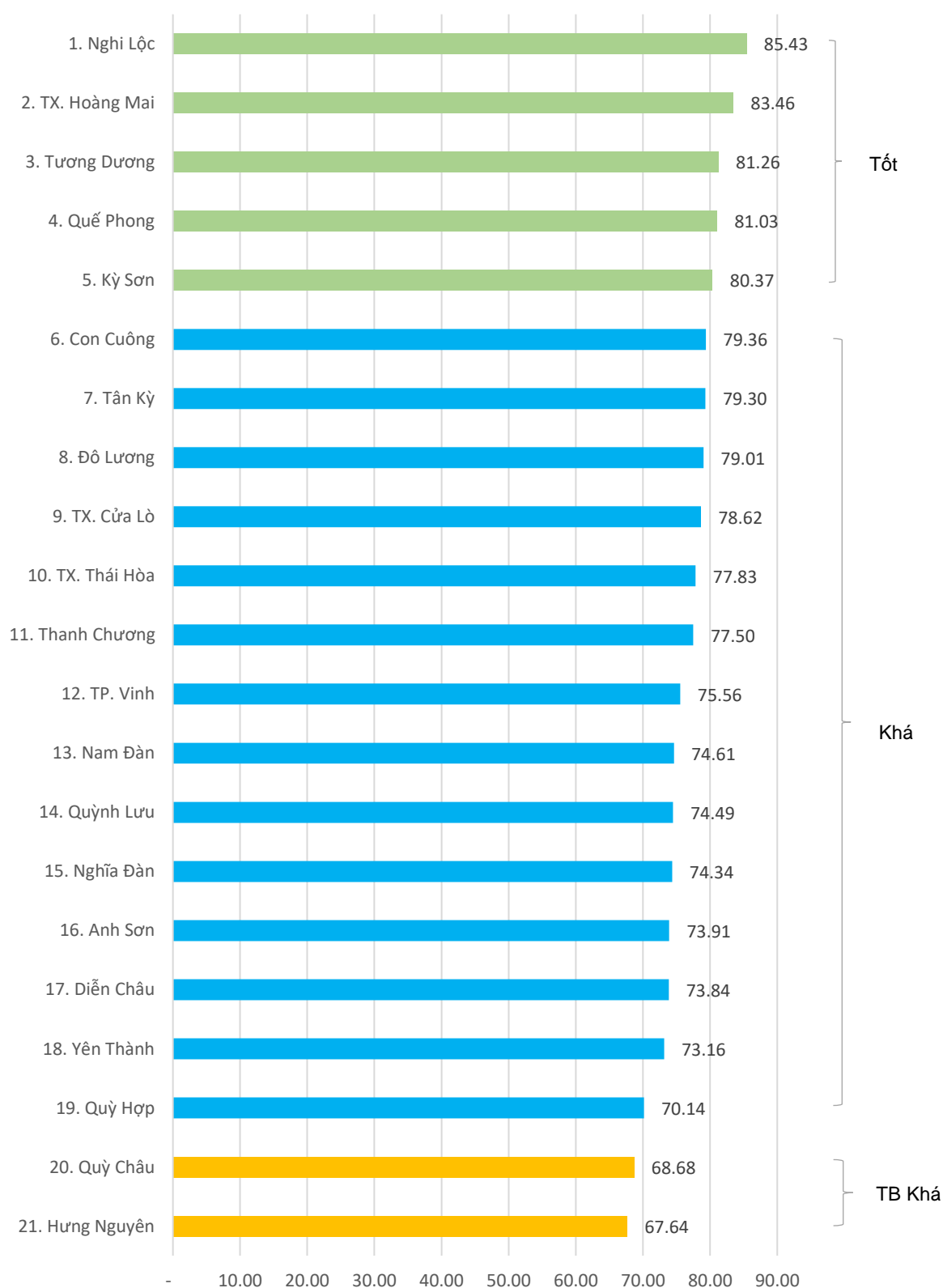
- ❖ Nhóm “Tốt” là những địa phương có điểm số từ 80,00 điểm trở lên, bao gồm các địa phương: Nghi Lộc, Thị xã Hoàng Mai, Tương Dương, Quế Phong và Kỳ Sơn
- ❖ Nhóm “Khá” là những địa phương có điểm số từ 70,00 tới dưới 80,00 điểm, bao gồm: Con Cuông, Tân Kỳ, Đô Lương, thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa, Thanh Chương, TP Vinh, Nam Đàn, Quỳnh Lưu, Nghĩa Đàn, Anh Sơn, Diễn Châu, Yên Thành và Quỳnh Hợp
- ❖ Nhóm “Trung Bình Khá” là Quỳnh Châu với 68,68 điểm và Hưng Nguyên với 67,64 điểm

Điểm trung bình chung DDCI Nghệ An năm 2022 là 76,63 điểm (mức điểm khá).

Trung bình toàn tỉnh, cải thiện *Chi phí không chính thức* đạt điểm số cao nhất với mức điểm trung bình là 8,43. Tiếp theo là chỉ số về *Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự* đạt điểm cao thứ hai với trung bình toàn tỉnh đạt 7,91 và *cạnh tranh bình đẳng* ở vị trí thứ ba với 7,64 điểm. Chỉ số phản ánh về *Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin*; *Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép* và *Hoạt động hỗ trợ SXKD* nhìn chung còn thấp điểm.

Biểu đồ 4.1.

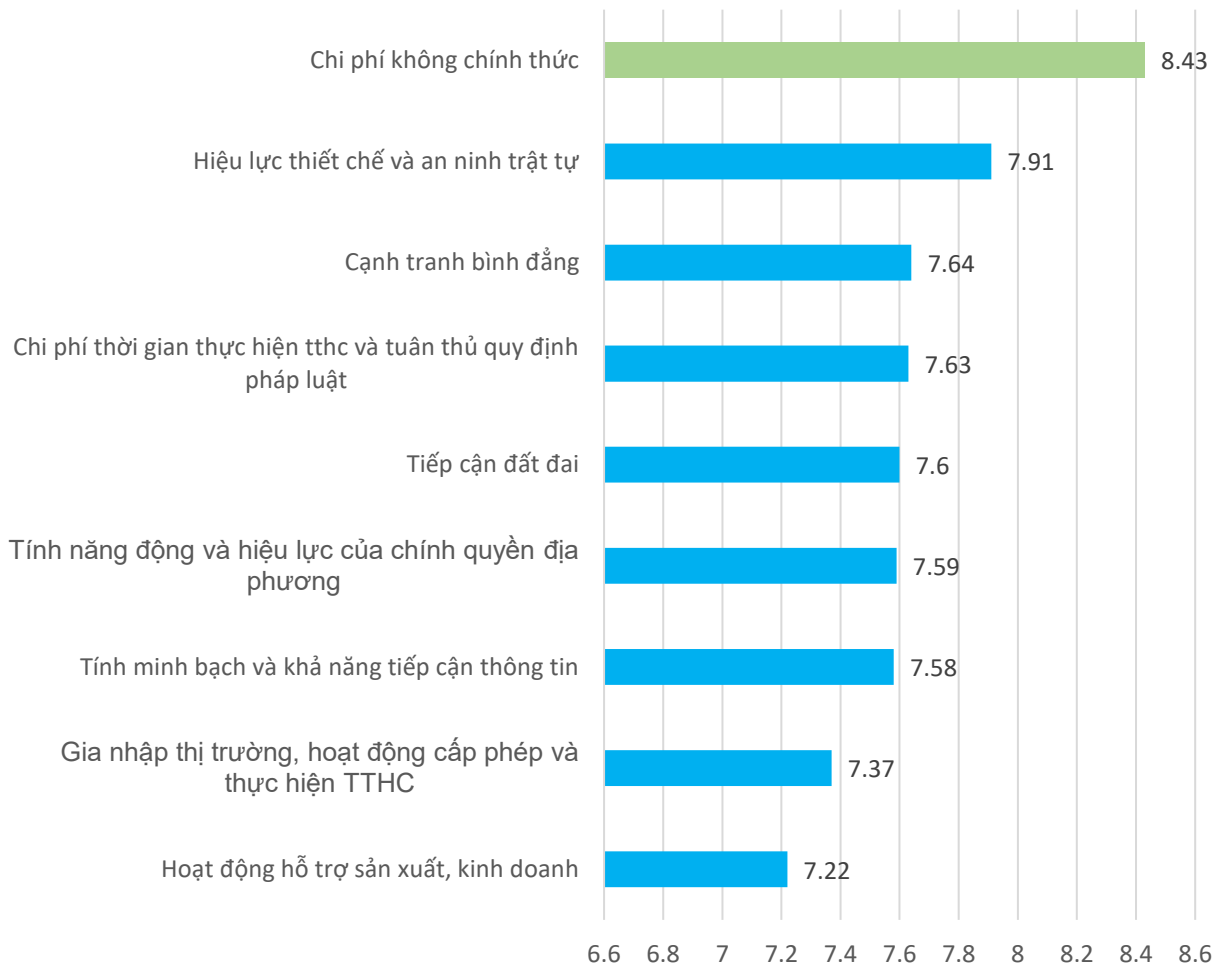
Thứ hạng và điểm số DDCI địa phương năm 2022 – tỉnh Nghệ An



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Biểu đồ 4.2.

Điểm số các chỉ số thành phần



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

4.2. Hồ sơ DDCI địa phương năm 2022

NGHI LỘC

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
1
ĐIỂM SỐ
85,43
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	8,17	2
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,51	1
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,42	1
Chi phí không chính thức	8,71	9
Cạnh tranh bình đẳng	8,61	2
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,64	1
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	8,47	1
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,81	1
Tiếp cận đất đai	8,55	2

THỊ XÃ HOÀNG MAI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
2
ĐIỂM SỐ
83,46
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,90	4
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,07	4
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,26	3
Chi phí không chính thức	9,19	2
Cạnh tranh bình đẳng	8,58	3
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,19	2
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	8,20	2
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,61	2
Tiếp cận đất đai	8,11	5

TƯƠNG DƯƠNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
3
ĐIỂM SỐ
81,26
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	8,30	1
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,43	14
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,83	8
Chi phí không chính thức	9,26	1
Cạnh tranh bình đẳng	8,71	1
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,36	15
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,84	4
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,47	4
Tiếp cận đất đai	7,93	6

QUẾ PHONG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
4
ĐIỂM SỐ
81,03
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	7,52	7
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,80	8
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,83	8
Chi phí không chính thức	9,18	3
Cạnh tranh bình đẳng	8,42	4
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,94	5
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,92	3
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,11	8
Tiếp cận đất đai	8,21	3

KỶ SƠN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
5
ĐIỂM SỐ
80,37
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	8,08	3
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,81	7
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,90	5
Chi phí không chính thức	8,82	8
Cạnh tranh bình đẳng	7,38	15
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,89	7
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,31	9
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,49	3
Tiếp cận đất đai	8,65	1

CON CUÔNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
6
ĐIỂM SỐ
79,36
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	7,72	5
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,84	6
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,84	7
Chi phí không chính thức	8,52	12
Cạnh tranh bình đẳng	8,34	6
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,91	6
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,54	7
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,19	6
Tiếp cận đất đai	7,52	10

TÂN KỲ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ
79,30
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,05	16
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,69	10
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,96	4
Chi phí không chính thức	8,83	7
Cạnh tranh bình đẳng	7,85	9
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,05	3
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,77	5
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,02	10
Tiếp cận đất đai	8,15	4

ĐÔ LƯƠNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
8
ĐIỂM SỐ
79,01
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,41	9
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,09	3
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,89	6
Chi phí không chính thức	9,06	4
Cạnh tranh bình đẳng	8,16	7
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,62	14
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,29	10
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,03	9
Tiếp cận đất đai	7,56	9

THỊ XÃ CỬA LÒ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
9
ĐIỂM SỐ
78,62
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,62	6
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	8,30	2
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,39	2
Chi phí không chính thức	8,05	16
Cạnh tranh bình đẳng	7,42	14
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,67	10
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,51	8
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,28	5
Tiếp cận đất đai	7,52	10

THỊ XÃ THÁI HÒA

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
10
ĐIỂM SỐ
77,83
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,28	11
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,32	17
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,28	17
Chi phí không chính thức	8,56	11
Cạnh tranh bình đẳng	8,36	5
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,77	8
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,56	6
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,12	7
Tiếp cận đất đai	7,80	7

THANH CHƯƠNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
11
ĐIỂM SỐ
77,50
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,15	13
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,56	11
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,76	11
Chi phí không chính thức	8,92	5
Cạnh tranh bình đẳng	7,80	10
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,64	12
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,27	11
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,96	11
Tiếp cận đất đai	7,69	8

THÀNH PHỐ VINH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
12
ĐIỂM SỐ
75,56
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,07	15
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,71	9
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,82	10
Chi phí không chính thức	8,14	15
Cạnh tranh bình đẳng	7,11	16
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,66	11
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,24	12
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,73	13
Tiếp cận đất đai	7,52	10

NAM ĐÀN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
13
ĐIỂM SỐ
74,61
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,50	8
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,91	5
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,76	11
Chi phí không chính thức	7,13	21
Cạnh tranh bình đẳng	6,98	17
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,99	4
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,01	15
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,65	15
Tiếp cận đất đai	7,22	17

QUỲNH LƯU

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
14
ĐIỂM SỐ
74,49
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,04	17
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,51	12
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,47	15
Chi phí không chính thức	8,04	17
Cạnh tranh bình đẳng	7,61	13
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,68	9
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,19	13
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,43	18
Tiếp cận đất đai	7,07	18

NGHĨA ĐÀN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
15
ĐIỂM SỐ
74,34
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,93	18
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,49	13
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,29	16
Chi phí không chính thức	7,84	18
Cạnh tranh bình đẳng	7,63	12
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,63	13
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,07	14
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,66	14
Tiếp cận đất đai	7,37	14

ANH SƠN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
16
ĐIỂM SỐ
73,91
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,09	14
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,35	16
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,00	19
Chi phí không chính thức	8,23	13
Cạnh tranh bình đẳng	7,80	10
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,31	16
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,91	16
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,49	17
Tiếp cận đất đai	7,34	15

DIỄN CHÂU

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
17
ĐIỂM SỐ
73,84
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,90	19
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,06	19
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,26	18
Chi phí không chính thức	8,62	10
Cạnh tranh bình đẳng	8,08	8
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	6,95	19
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,41	19
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,84	12
Tiếp cận đất đai	7,34	15

YÊN THÀNH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
18
ĐIỂM SỐ
73,16
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,38	10
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,36	15
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,68	13
Chi phí không chính thức	8,18	14
Cạnh tranh bình đẳng	6,82	18
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,08	17
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,84	17
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,58	16
Tiếp cận đất đai	6,92	19

QUỖ HỢP

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
19
ĐIỂM SỐ
70,14
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,26	12
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,06	19
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	6,31	21
Chi phí không chính thức	7,73	19
Cạnh tranh bình đẳng	6,36	20
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	6,92	20
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,63	18
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,42	19
Tiếp cận đất đai	7,44	13

QUỖ CHÂU

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
20
ĐIỂM SỐ
68,68
PHÂN NHÓM
Trung bình khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,62	21
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	6,26	21
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	6,81	20
Chi phí không chính thức	8,85	6
Cạnh tranh bình đẳng	6,63	19
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	6,51	21
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	6,13	20
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,20	20
Tiếp cận đất đai	6,80	21

HƯNG NGUYÊN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
21
ĐIỂM SỐ
67,64
PHÂN NHÓM
Trung bình khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,74	20
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,08	18
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,49	14
Chi phí không chính thức	7,25	20
Cạnh tranh bình đẳng	5,83	21
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	6,96	18
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	5,53	21
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,11	21
Tiếp cận đất đai	6,89	20

4.3. Hồ sơ DDCI địa phương

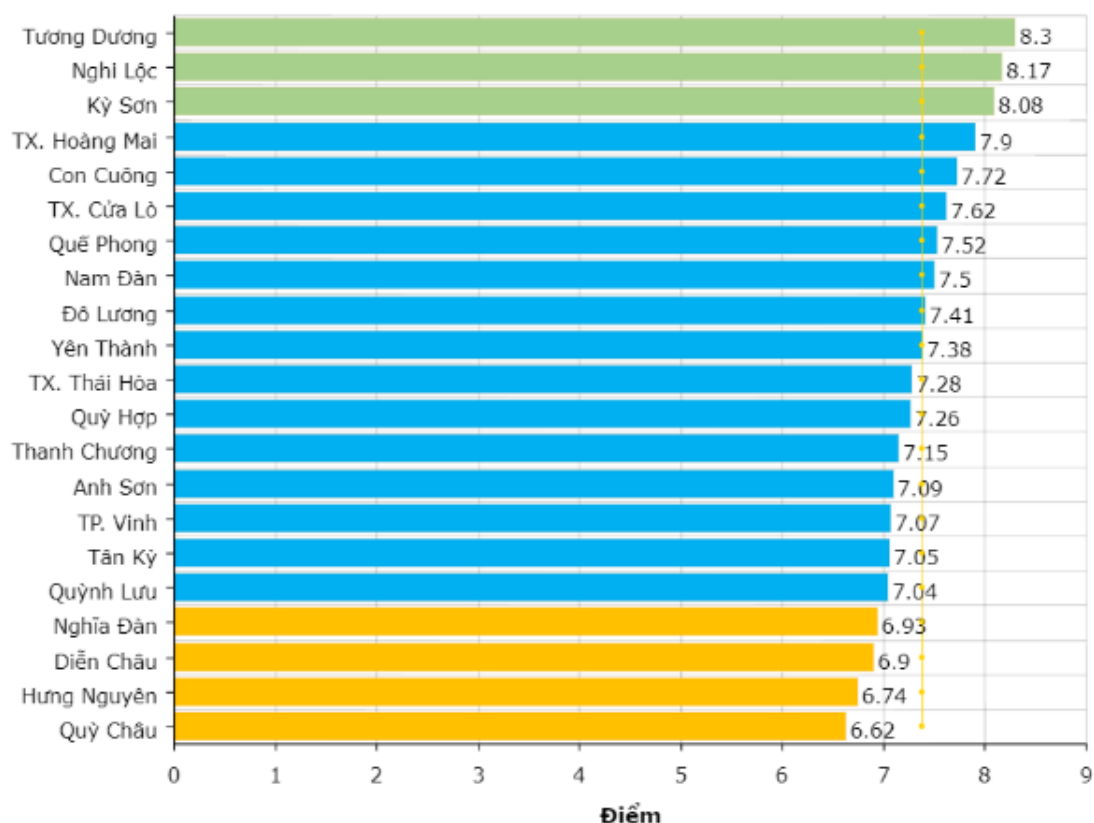
4.3.1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thủ tục hành chính

Không chỉ các sở ban ngành tại Nghệ An đang nỗ lực đi tìm giải pháp để cải thiện vấn đề chi phí gia nhập thị trường, mà đây cũng là khó khăn chung mà nhiều địa phương tại Nghệ An đang phải đối diện. Bằng chứng là điểm số *Chi phí gia nhập thị trường* trung bình chung các địa phương đạt 7,37 điểm (mức điểm khá), là 1 trong 2 CSTP thấp điểm nhất trong bảng xếp hạng các lĩnh vực DDCI địa phương Nghệ An.

Tương Dương, Nghi Lộc, Kỳ Sơn là các địa phương được HKD đánh giá khả quan hơn khi tiếp cận thị trường (mức điểm tốt). Ở chiều ngược lại, Nghĩa Đàn, Diễn Châu, Hưng Nguyên và Quỳnh Châu là các địa phương dừng lại ở mức điểm trung bình khá. Các HKD ở địa phương thuộc nhóm cuối bảng xếp hạng cho rằng tình hình gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và các TTHC có liên quan tại địa phương vẫn còn nhiều trở ngại.

Biểu đồ 4.3.

Điểm số CSTP “Chi phí gia nhập thị trường”

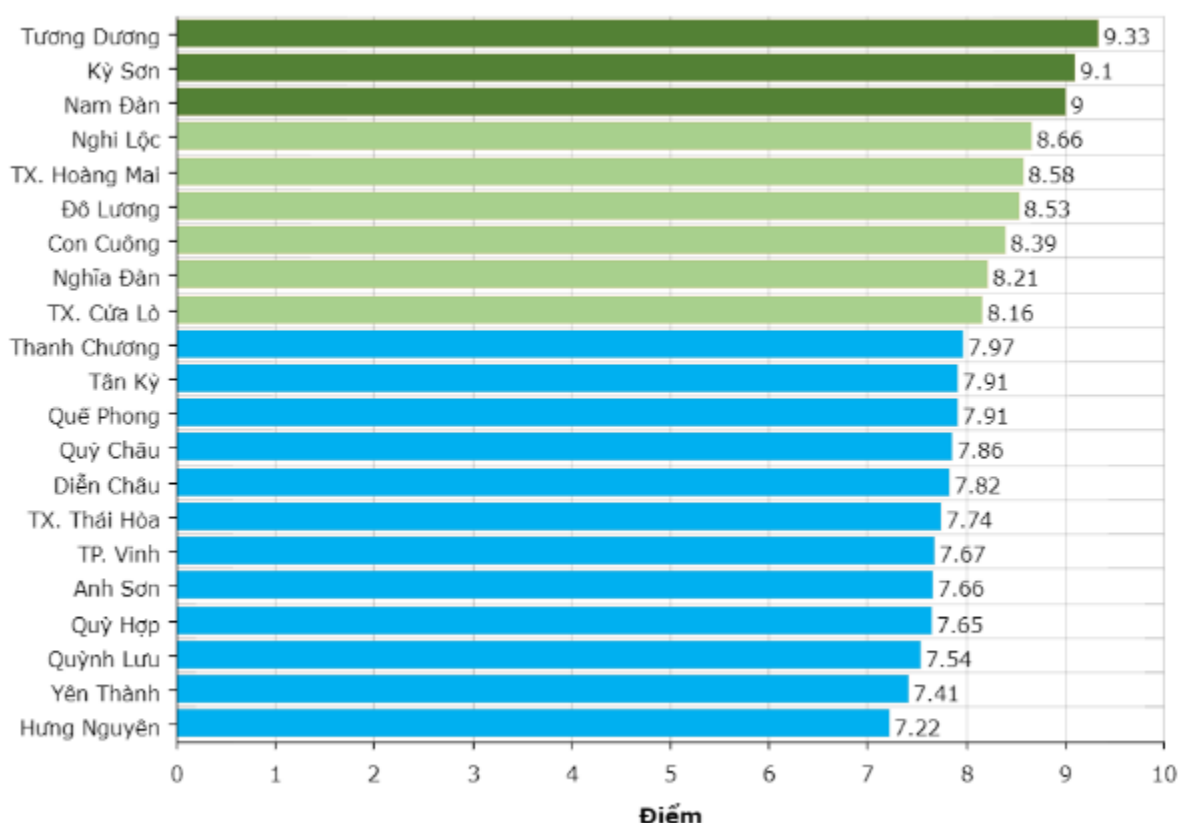


Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

DDCI cũng tìm hiểu sâu sắc hơn về chi phí gia nhập thị trường thông qua hệ thống các chỉ tiêu, *Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức và Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD* là hai chỉ tiêu mang lại nhiều thay đổi tích cực trong gia nhập thị trường tại Nghệ An năm 2022 với điểm số lần lượt là 7,97 điểm và 8,11 điểm. Đây cũng là các chỉ tiêu “hiếm hoi” được tìm thấy có điểm số thuộc nhóm tốt, cận tốt. Cho thấy những nỗ lực của các địa phương trong việc hỗ trợ các cơ sở SXKD gia nhập thị trường và thực hiện các TTHC có liên quan.

Biểu đồ 4.4.

Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Mặc dù vậy, chỉ các nỗ lực về nguồn lực con người là chưa đủ để tạo ra cú hích trong cải thiện chi phí gia nhập thị trường. Trong khi đó, CSTP này còn cho thấy dấu hiệu thay đổi kém bền vững khi trong nhiều năm liền có sự thay đổi điểm số liên tục trong bảng xếp hạng PCI.

Tổng thời gian mà các cơ sở sản xuất kinh doanh phải dành cho việc tìm hiểu thông tin về gia nhập thị trường là chỉ tiêu còn thấp điểm (7,01 điểm). Đô Lương, Hưng Nguyên, Quý Châu, Kỳ Sơn, Nghĩa Đàn và Tân Kỳ là các địa phương có điểm số chỉ tiêu về thời gian tìm hiểu thông tin thấp nhất (điểm trung bình, dưới 6 điểm), Con Cuông, Diễn Châu và Thành Phố Vinh cũng chỉ dừng lại ở nhóm điểm trung bình khá (từ 6 đến dưới 7 điểm). Việc tìm hiểu thông tin là “cánh cửa” đầu tiên để các cơ sở SXKD đi vào hoạt động. Song thực tế tại nhiều địa phương trong tỉnh, chỉ tiêu này đang là rào cản trên đường khởi động của các HKD/DN/HTX khởi sự kinh doanh.

Chính vì vậy, đánh giá tác động của những khó khăn khi thực hiện TTHC ở huyện/thành phố/thị xã đến kế hoạch kinh doanh, các cơ sở SXKD cho rằng các tác động này là tiêu cực và cần cải thiện mạnh mẽ (7,04 điểm).

Tìm hiểu về 8 lăng kính của các TTHC gia nhập thị trường thuộc thẩm quyền của địa phương, DDCI mang lại các bằng chứng rõ nét về các điểm yếu còn tồn tại ở tất cả các thủ tục (dưới 7 điểm). Trong đó, giấy phép về *đất đai – địa chính* và *tài nguyên môi trường* là rào cản lớn nhất được các cơ sở SXKD chỉ ra thông qua khảo sát, với điểm số lần lượt là 6,83 và 6,63 điểm, 15/21 địa phương có điểm số hai chỉ tiêu trên ở mức trung bình khá và trung bình.

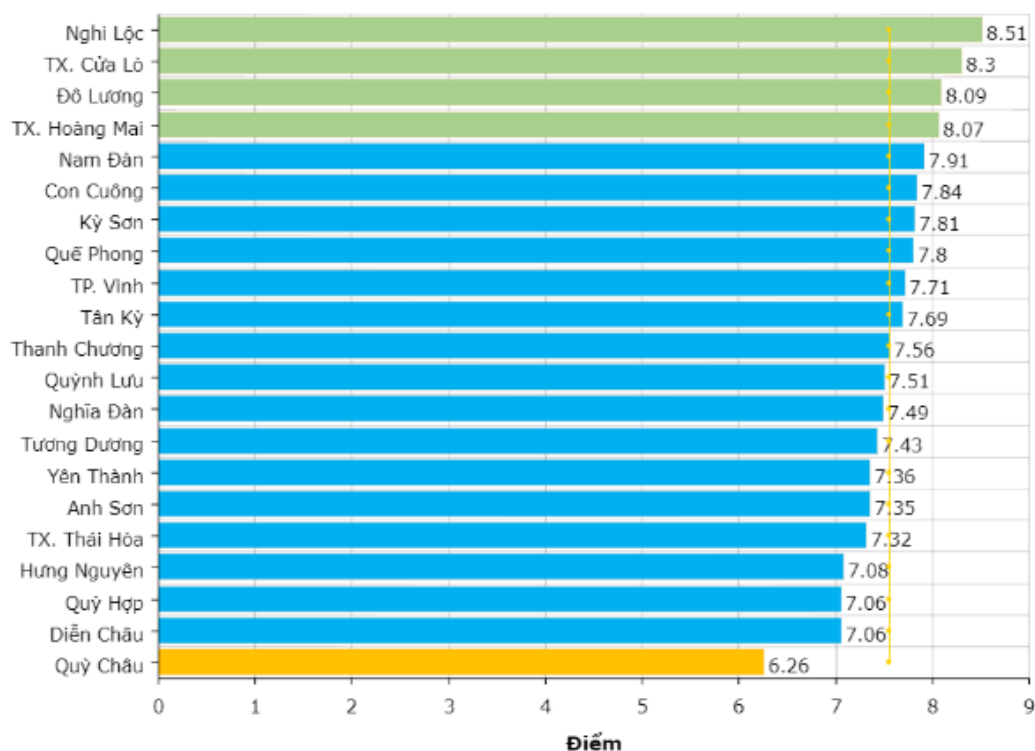
Nhìn chung, CSTP về Gia nhập thị trường cấp địa phương tại Nghệ An là lĩnh vực cần được tập trung có các giải pháp hỗ trợ nhiều hơn trên hành trình nâng cao năng lực cạnh tranh tại tỉnh. Với những số liệu thông qua khảo sát, CSTP này vẫn còn nhiều dư địa để cải cách. Trong khi các cơ sở SXKD một mặt đang loay hoay cải thiện các vấn đề nội tại, tìm chỗ đứng trên thị trường, mặt khác, họ lại phải đối diện với các thách thức liên quan đến các chi phí như: tuân thủ pháp luật, chi phí không chính thức, chi phí để thực hiện TTHC và chi phí gia nhập thị trường... Do đó, khuyến khích các cơ sở SXKD tham gia vào sản xuất, tạo thêm giá trị thặng dư không chỉ là hỗ trợ, tạo động lực mà còn cần tạo một môi trường tốt, giải quyết các vấn đề thủ tục hành chính có liên quan, tránh rườm rà, gây khó khăn thêm cho doanh nghiệp. Đó cũng chính là nội dung liên quan đến chi phí gia nhập thị trường mà nhiều địa phương tại Nghệ An còn chưa tìm được giải pháp hữu hiệu trong thời gian qua.

4.3.2. Tính minh bạch và khả năng công nghệ thông tin

Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin là một trong 9 CSTP để đánh giá năng lực cạnh tranh địa phương. Trong đó, đề cập đến khả năng các cơ sở SXKD có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của địa phương, cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng *minh bạch thông tin* là chỉ số thành phần chưa mang lại lợi thế cho các địa phương của Nghệ An trong DDCI 2022. Bằng chứng là CSTP này đạt 7,58 điểm, xếp thứ 6/9 CSTP, là lĩnh vực còn thấp điểm so với các CSTP còn lại. Muốn cải thiện CSTP này cần hết sức quyết liệt, tạo ra hiệu ứng đồng bộ, đặc biệt là động lực chuyển động của cả hệ thống từ tỉnh đến các địa phương và chính quyền cơ sở. Đây không phải nhiệm vụ riêng lẻ của bộ, ngành, địa phương nào, mà cần huy động sự vào cuộc của cả các cấp ban ngành, sự chủ động tham gia và hưởng ứng của các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Biểu đồ 4.5.

Điểm số CSTP “Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin”

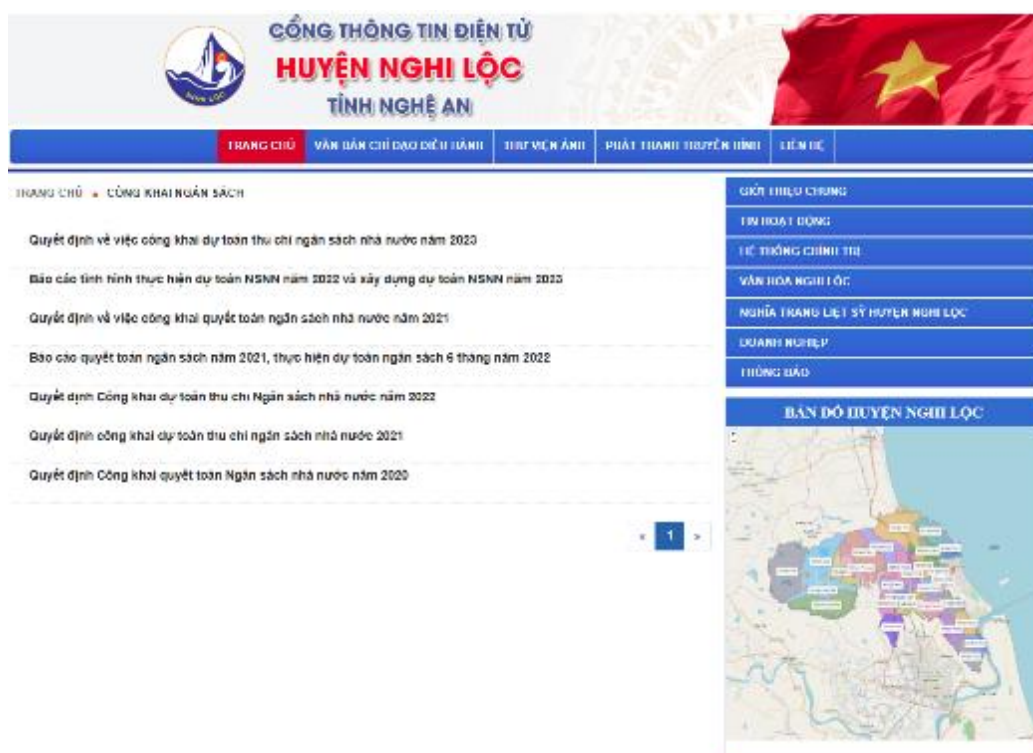


Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Muốn cải thiện minh bạch thông tin, trước hết phải bắt nguồn từ sự tiếp cận thuận lợi. DDCI đánh giá việc tiếp cận thông tin qua 4 góc độ chính: *các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới; bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của huyện/thị xã/thành phố, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng; dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do huyện, thị xã, thành phố quản lý và minh bạch về thu, chi ngân sách, đặc biệt là về các khoản thu từ HKD*. Điểm số cho các chỉ tiêu này nằm trong dải điểm từ 7,24-7,73 điểm. Trong đó, các thông tin về dự án đầu tư, đấu thầu, mua sắm công được đánh giá là khó tiếp cận nhất (7,24 điểm), với điểm số còn thấp ở các địa phương như Quỳnh Hợp, thị xã Thái Hòa, Kỳ Sơn, Tương Dương, Diễn Châu, Quỳnh Châu và Hưng Nguyên. Việc công khai thu chi ngân sách theo đánh giá của các HKD tại một số địa phương vẫn còn khó tìm kiếm, không dễ dàng, trực quan trên các thông tin như trang thông tin điện tử.

Một phép so sánh thông qua khảo sát nhanh công khai thu – chi ngân sách tại các địa phương qua trang thông tin điện tử. Các cơ sở SXKD tại Nghi Lộc cho rằng các thông tin đã công khai, cập nhật dễ tìm kiếm (8,46 điểm), trong khi đó các HKD tại Quỳnh Châu (6,24 điểm) còn khá khó khăn trong tiếp cận thông tin ngân sách, đường dẫn gián đoạn, có thời gian không hoạt động. Cũng cần lưu ý rằng, đâu đó các thông tin này đã được chính quyền địa phương minh bạch, chia sẻ tới các cơ sở SXKD, hoặc các cấp chính quyền có liên quan. Tuy nhiên, việc làm thế nào để các thông tin công khai, dễ tiếp cận, dễ tìm kiếm, không phải truy cập nhiều lần, dẫn đến đánh giá, cảm nhận của các cơ sở SXKD chưa tích cực là một nhiệm vụ không dễ dàng. Mặc dù vậy, các địa phương vẫn cần quan tâm, có giải pháp hợp lý, phân công nhân sự theo dõi và cập nhật thông tin. Bởi lẽ, kinh nghiệm tại nhiều địa phương trên cả nước cho thấy, cải thiện các chỉ tiêu về tiếp cận thông tin là một trong những biện pháp đơn giản, hữu hiệu, mang lại hiệu quả trực tiếp và nhanh chóng cho CSTP tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin cơ sở.

Công khai ngân sách qua trang thông tin điện tử tại một số địa phương



Nghi Lộc: Thông tin về ngân sách được đăng tải cập nhật

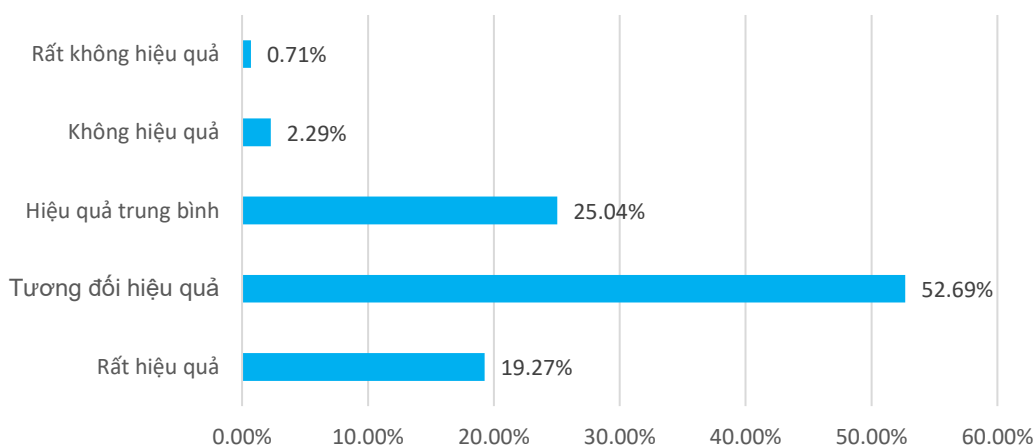


Quỳnh Châu: Trong thời điểm khảo sát, thông tin về ngân sách khó truy cập

Nguồn: Khảo sát nhanh DDCI Nghệ An 2022, truy cập 15h00 ngày 27.06.2023

Biểu đồ 4.6.

Việc ứng dụng CNTT/nhiều phương thức mới để giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các HKD



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Đáng chú ý, việc phụ thuộc vào công chức để tiếp cận thông tin về dịch vụ trong nhiều năm đã qua có thể dẫn đến cơ sở SXKD thiếu thói quen chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin và gây quá tải công việc cho công chức, tạo cơ hội cho sự phiền hà, sách nhiễu, chi phí lớt tay... Do đó, có thể đánh giá *giải pháp ứng dụng CNTT/nhiều phương thức mới (hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, Mạng xã hội, hotline hỗ trợ...)* để giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các HKD là một công cụ hữu hiệu. Thực tế, biện pháp này đã được các địa phương đưa vào chương trình hành động. Mặc dù vậy, chỉ có 19,27% các cơ sở SXKD cho rằng ứng dụng này là hiệu quả, chiếm 52,69% các cơ sở SXKD đánh giá các ứng dụng CNTT và phương thức khác chỉ dừng lại ở mức độ tương đối, hoặc hiệu quả trung bình, không đáng kể (25,04%).

Bên cạnh đó, *Mức độ cập nhật thường xuyên của cơ sở dữ liệu mở (các văn bản pháp luật, quy định, chính sách chuyên ngành) dành cho HKD trên trang web* của địa phương cũng được đánh giá ở mức điểm khá 7,56 điểm. *Mức độ minh bạch thông tin khi huyện/thành phố/thị xã ứng dụng CNTT để HKD tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ* là 7,69 điểm. Nhìn chung các địa phương cơ bản hoàn thành nhiệm vụ cung cấp thông tin, song chưa có địa phương nào thực sự nổi bật, có các giải pháp chiến lược trong việc đẩy mạnh minh bạch thông tin và thúc đẩy ứng dụng CNTT. Để nâng cao chỉ số này các địa phương cần đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp 3, cấp 4, trên môi trường điện tử, niêm yết công khai, dễ đọc, minh bạch, kịp thời để tìm hiểu và cập nhật các hướng dẫn, thủ tục công hành chính.

Một phần nguyên nhân do đối tượng phục vụ tại các địa phương chủ yếu là HKD, sự chủ động khả năng ứng dụng CNTT có đôi phần còn chậm trễ hơn so với các doanh nghiệp đã quen với cách sử dụng các ứng dụng công nghệ số. Thực trạng phổ biến ở nhiều địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, miền núi, đó là nhiều HKD không sử dụng điện thoại thông minh, hoặc không thông thạo, hạn chế trong việc sử dụng các ứng dụng. Nguyên nhân này dẫn đến tình trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho một số HKD đang gặp những khó khăn không nhỏ. Mặc dù vậy, không đồng nghĩa với việc các cấp chính quyền bỏ qua việc tuyên truyền, thúc đẩy, khuyến khích và hướng dẫn các HKD sử dụng CNTT trong tìm hiểu thông tin đã công khai. Nhiệm vụ này đòi hỏi các địa phương cần nỗ lực hơn, có giải pháp riêng biệt, phù hợp với đặc trưng của địa phương mình.

Các cơ quan xây dựng chính sách và các cơ quan cung ứng dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến cần đặc biệt quan tâm tới vấn đề này để có giải pháp phù hợp, bảo đảm hiệu quả tốt khi triển khai các chương trình, kế hoạch. Có như vậy, môi trường kinh doanh tại tỉnh mới phát triển theo hướng công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho doanh nghiệp theo dõi, giám sát, tăng niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp.

Minh bạch thông tin và thúc đẩy ứng dụng công nghệ là nhiệm vụ quan trọng, chiến lược, nhưng phải bắt đầu từ những mục tiêu, hành động cụ thể và có sự phân công, trách nhiệm rõ ràng, theo từng giai đoạn. Các hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã và nhà đầu tư thấy thiết thực, hiệu quả thì ứng dụng công nghệ thông tin dù khó khăn cũng thành công. Kết quả DDCI địa phương chỉ ra rằng, Nghệ An vẫn còn nhiều việc phải làm phía trước, nhiều nhiệm vụ cần xem xét, quyết định, phân công sớm; khó khăn, thách thức phía trước còn không ít, thậm chí tồn tại rào cản. Song, với sự quyết tâm cao, các địa phương tại Nghệ An hoàn toàn có thể có những bước tiến dài hơn trong cải cách chỉ số thành phần này.

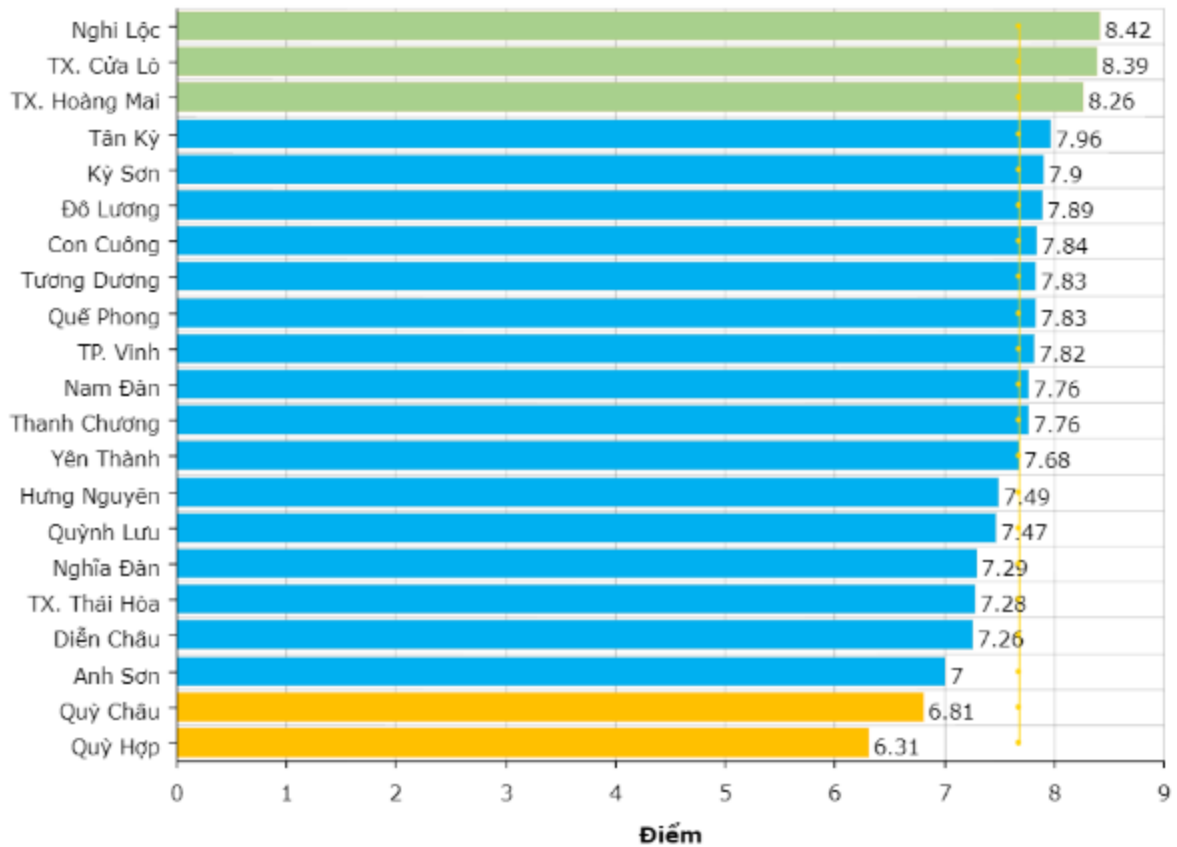
4.3.3. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật

Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật với 7,63 điểm, là CSTP có mức điểm khá khi xét trung bình chung điểm số các địa phương tại tỉnh Nghệ An. CSTP này tổng hợp ý kiến đánh giá của các DN/HTX/HKD, không bao gồm các đánh giá của các đối tượng khác (người dân, tổ chức) khi bàn về TTHC và tuân thủ quy định pháp luật.

Dưới góc nhìn của DDCI địa phương, Nghi Lộc, thị xã Cửa Lò và thị xã Hoàng Mai là 3 địa phương có điểm số chi phí thời gian thực hiện TTHC cao hơn so với các địa phương còn lại. 2/3 địa phương này cũng có thứ hạng trên bảng xếp hạng chung về DDCI địa phương thuộc nhóm 3 địa phương dẫn đầu. Phát hiện tương tự cũng được tìm thấy ở nhóm cuối của bảng xếp hạng. Các địa phương chưa giải quyết tốt vấn đề về chi phí thời gian thì điểm số chung DDCI cũng kém cạnh tranh hơn so với các huyện, thị khác. Điều đó phần nào cho thấy tầm quan trọng và sự ảnh hưởng trực tiếp của cải thiện chi phí thời gian trong thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật với việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường kinh doanh năng động, thuận lợi hơn cho các cơ sở SXKD.

Biểu đồ 4.7.

Điểm số CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ QĐPL”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Thông qua điểm số các chỉ tiêu, dù chưa đạt được kết quả cao, nhưng các địa phương cũng đã có những nỗ lực đáng kể trong thực hiện TTHC, nâng cao chất lượng và hiệu quả cải cách TTHC. Cụ thể hóa các định hướng đó, DDCI đánh giá thông qua hệ thống các tiêu chí cụ thể. Một số chỉ tiêu được đánh giá tốt hơn so với các chỉ tiêu khác như: Thời gian thực hiện TTHC tại cơ quan chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố (7,83 điểm) và số lần thanh tra, kiểm tra (8,11 điểm). Tỷ trọng số lần thanh tra, kiểm tra trên 3 lần là 18,79%. Chủ yếu là số lần thanh tra, kiểm tra dưới 2 lần/năm. Tuy nhiên, thời gian của một đợt thanh tra, kiểm tra còn kéo dài (7,64 điểm) và chất lượng của các hoạt động thanh tra kiểm tra còn chưa cao (7,48 điểm).



**Nghi Lộc – địa phương
có nhiều cải cách
trong chi phí TTHC và
tuân thủ pháp luật**

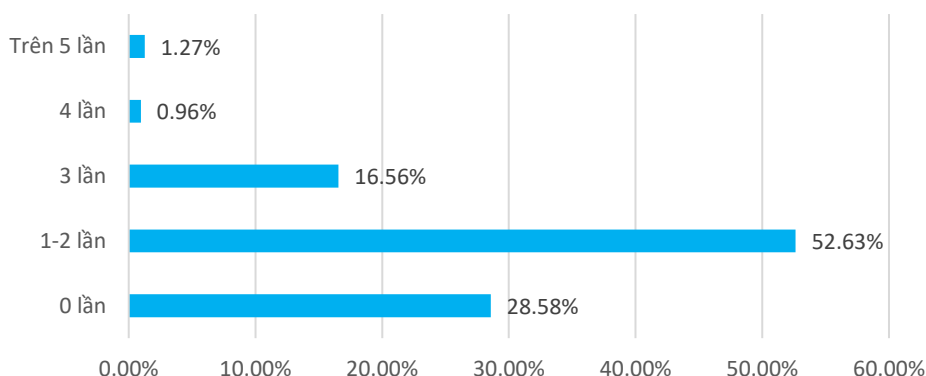
Áp dụng các mô hình cải cách hành chính thiết thực và nâng cao đạo đức công vụ là 2 giải pháp được Nghi Lộc theo đuổi trong một hành trình dài cải cách TTHC, giảm các chi phí thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật.



Một số cuộc kiểm tra còn phức tạp, trùng lặp, gây khó khăn cho cơ sở SXKD. Đặc biệt, trong bối cảnh nhiều HKD đang khôi phục kinh tế sau 2-3 năm dài nhiều biến động, việc thanh tra, kiểm tra kém hiệu quả làm nản lòng niềm tin, còn mất thời gian của cơ sở SXKD, thậm chí phát sinh những nhiễu, chi phí ngoài quy định.

Biểu đồ 4.8.

Tỷ trọng số lượng các đợt thanh tra, kiểm tra



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Thực tế khảo sát tại Nghệ An cho thấy điểm số về *Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)* và *Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến giúp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống* có điểm số 7,7 điểm (mức điểm khá), song, *Mức độ thực hiện TTHC trực tuyến khi thực hiện TTHC tại các địa phương* vẫn chưa cao (7,08 điểm).

Bảng 4.1.

Tỷ lệ các cơ sở SXKD ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC

Tiêu chí	Tỉ lệ %
1. Hoàn toàn không sử dụng CNTT/Internet. Đến thẳng cơ quan làm và nộp phí (nếu có) trực tiếp	5,93 %
2. Có tìm hiểu thông tin trên Internet nhưng vẫn thực hiện TTHC và nộp phí (nếu có) trực tiếp	8,77 %
3. Tải mẫu biểu trên trang web để khai báo rồi gửi nộp và nộp phí (nếu có) trực tiếp	22,37 %
4. Điền và gửi toàn bộ hồ sơ, nhận trả kết quả trên môi trường mạng, nhưng không nộp phí (nếu có) trực tuyến	47,91 %
5. Điền và gửi toàn bộ hồ sơ, nhận kết quả trên môi trường mạng đồng thời thanh toán phí (nếu có) trực tuyến	15,02 %

Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Có thể nhận thấy rằng, không khí tích cực trong hoạt động CCHC, giảm chi phí thời gian thực hiện TTHC đã lan tỏa tại nhiều địa phương trong tỉnh, song tốc độ cải cách không giống nhau. Để các

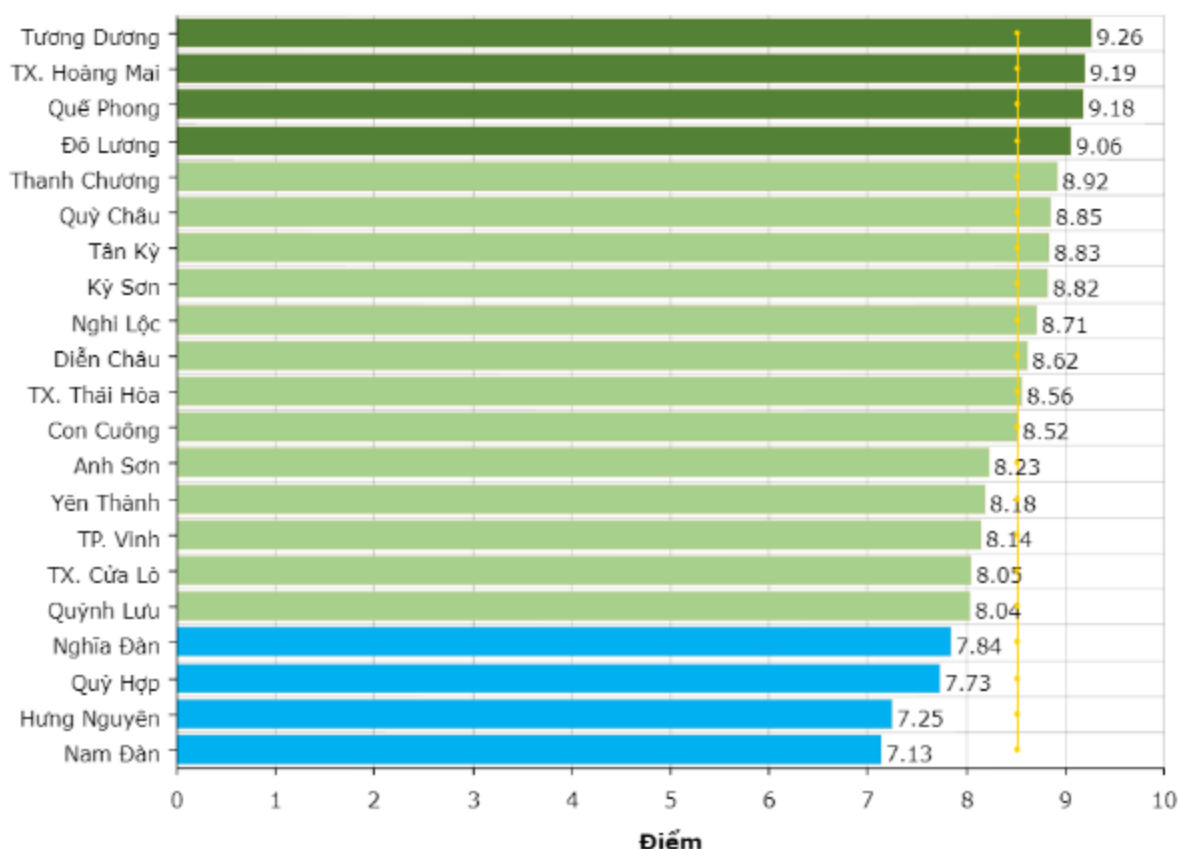
hành động này mang lại hiệu quả sâu rộng, với mục tiêu rõ ràng thì cần có chương trình cụ thể, đồng thời học hỏi các mô hình hay, cách làm sáng tạo. Hiệu quả cải cách chi phí thời gian và tuân thủ quy định pháp luật không chỉ mang lại điểm số và thứ hạng tốt hơn trong bảng xếp hạng DDCI mà còn mang đến các thay đổi thực chất, xây dựng niềm tin, tâm lý thoải mái, gần gũi, thân thiện cho cơ sở SXKD khi giải quyết TTHC tại cơ quan công quyền. Từ đó, môi trường kinh doanh tại tỉnh chắc chắn sẽ cải thiện tích cực, mang lại một hình ảnh Nghệ An năng động, tích cực, cạnh tranh và thu hút đầu tư mạnh mẽ.

4.3.4. Chi phí không chính thức

CSTP chi phí không chính thức trong DDCI địa phương Nghệ An 2022 được ghi nhận với mức điểm 8,43 điểm. Đây là mức điểm tốt khi đánh giá tổng thể, khá tương đồng với kết quả PCI và kết quả DDCI sở ban ngành. Tuy nhiên, đi sâu vào phân tích các chỉ tiêu, chi phí không chính thức tại các địa phương của Nghệ An vẫn còn tồn tại ở một số lĩnh vực, thậm chí là lực cản với sự phát triển chung của cộng đồng cơ sở SXKD.

Biểu đồ 4.9.

Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

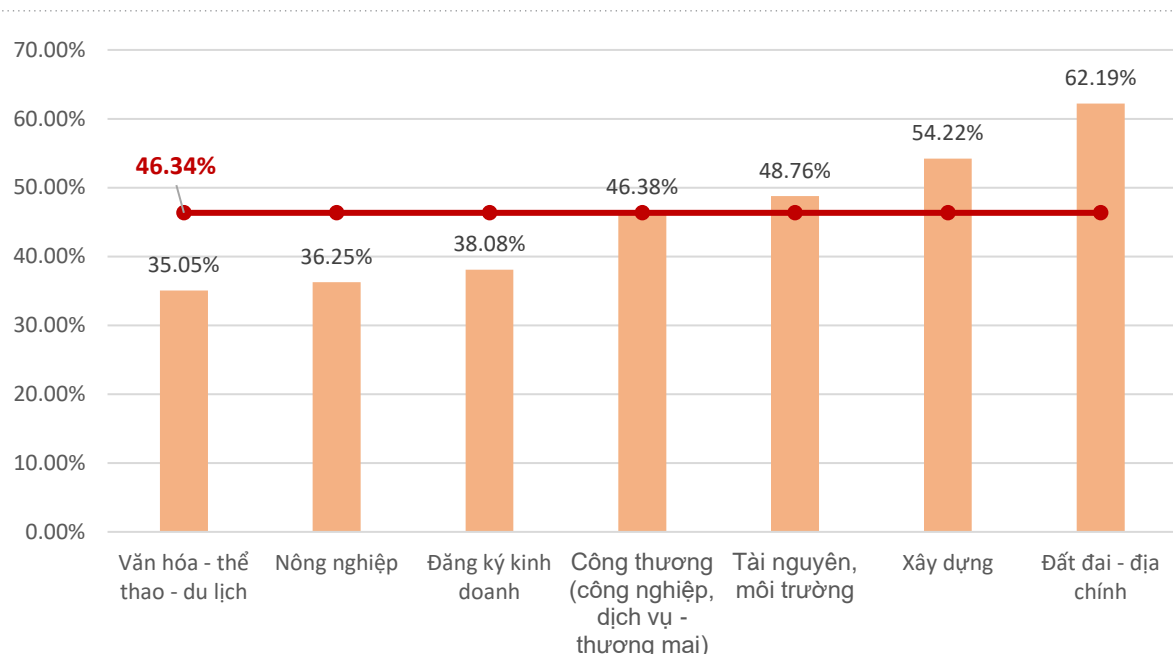
Đánh giá về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức vẫn còn 46,34% các HKD cho rằng chi phí không chính thức vẫn tồn tại.

Theo lĩnh vực, *Đất đai – địa chính*, *Tài nguyên môi trường* và *Xây dựng* là các lĩnh vực có tỷ lệ chi phí không chính thức còn tồn tại cao hơn so với các lĩnh vực khác. Đối chiếu với các phân tích về

gia nhập thị trường, kết quả cũng chỉ ra rằng, các lĩnh vực kể trên cũng chính là 3 điểm nghẽn mà các cơ sở SXKD còn gặp phải trên con đường thành lập cơ sở SXKD.

Biểu đồ 4.10

Mức độ phổ biến của “Chi phí không chính thức” theo lĩnh vực



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Chi phí không chính thức tại các địa phương được ghi nhận chủ yếu dưới hình thức “tham nhũng vặt”, chi phí lót tay, bôi trơn với quy mô dưới 5% tổng doanh thu (tỷ lệ phải chi trả trên 5% doanh thu không đáng kể).

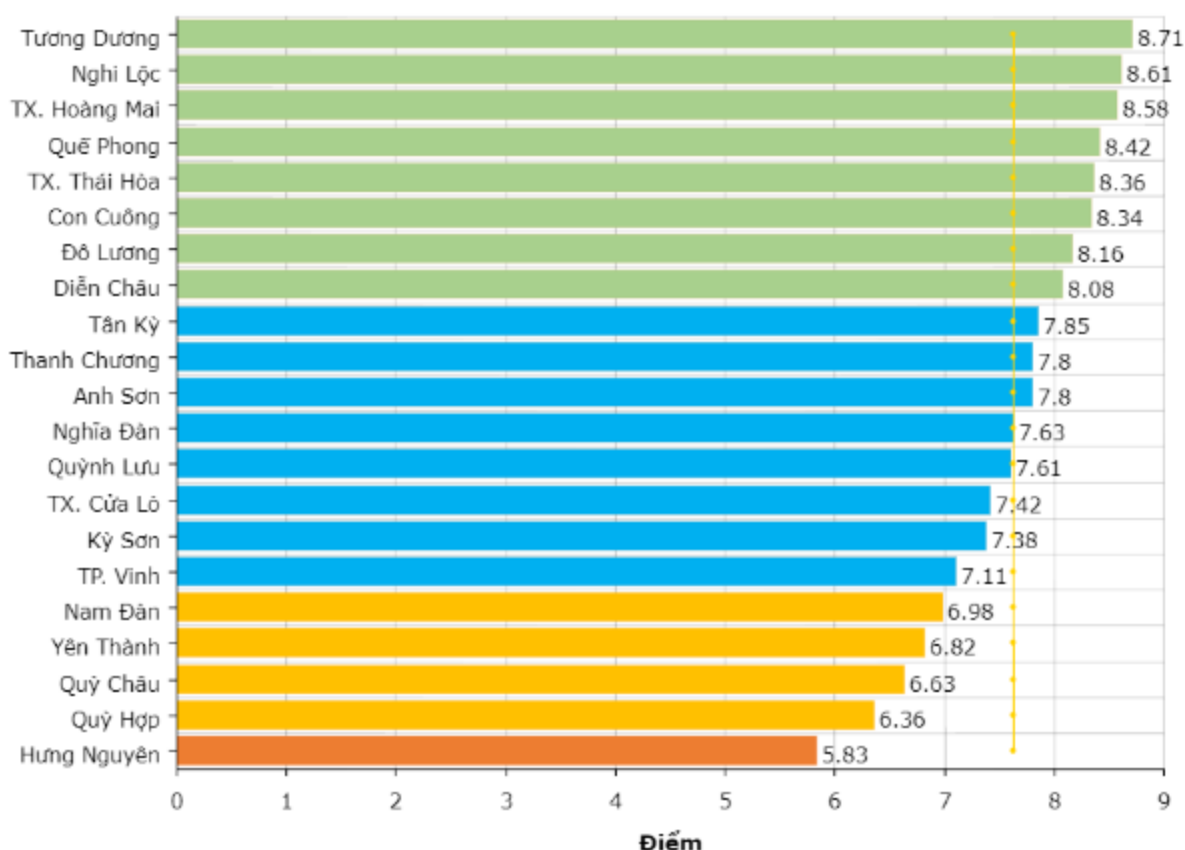
Trong khi đó, 30,07% các HKD cho rằng các khoản chi phí không chính thức không mang lại kết quả giải quyết công việc hiệu quả hơn. 22,29% các HKD có niềm tin chi phí không chính thức giảm nhẹ trong thời gian tới, và 59,08% bày tỏ niềm tin mạnh mẽ các chi phí này sẽ giảm mạnh.

4.3.5. **Cạnh tranh bình đẳng**

Với DDCI cấp địa phương, so sánh với 09 chỉ số thành phần năm 2022, cạnh tranh bình đẳng xếp vị trí thứ 3/9 với 7,64 điểm. Khác với các CSTP còn lại, điểm số về cạnh tranh bình đẳng có sự khác biệt rõ ràng giữa các địa phương, với 4 nhóm xếp hạng: mức điểm tốt (Tương Dương, Nghi Lộc, Thị xã Hoàng Mai, Quế Phong, thị xã Thái Hòa, Con Cuông, Đô Lương và Diễn Châu), mức điểm khá (Tân Kỳ, Thanh Chương, Anh Sơn, Nghĩa Đàn, Quỳnh Lưu, thị xã Cửa Lò, Kỳ Sơn và Tp Vinh), mức điểm trung bình khá (Nam Đàn, Yên Thành, Quỳnh Châu và Quỳnh Hợp) và nhóm điểm trung bình khá (Hưng Nguyên). Khoảng cách điểm số giữa địa phương ở vị trí thứ nhất và cuối cùng trong bảng xếp hạng riêng về cạnh tranh bình đẳng lên đến 2,88 điểm (trên thang điểm 10).

Biểu đồ 4.11

Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Cạnh tranh là yếu tố không thể thiếu trong sự phát triển của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Dưới góc độ quản lý nhà nước, cần thừa nhận, khuyến khích các thuộc tính của cạnh tranh trong hành trình phát triển của cộng đồng DN/HTX/HKD. Bên cạnh đó, cần đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, theo hướng tích cực, không có sự ưu ái, tạo điều kiện tốt hơn cho nhóm cơ sở SXKD nào.

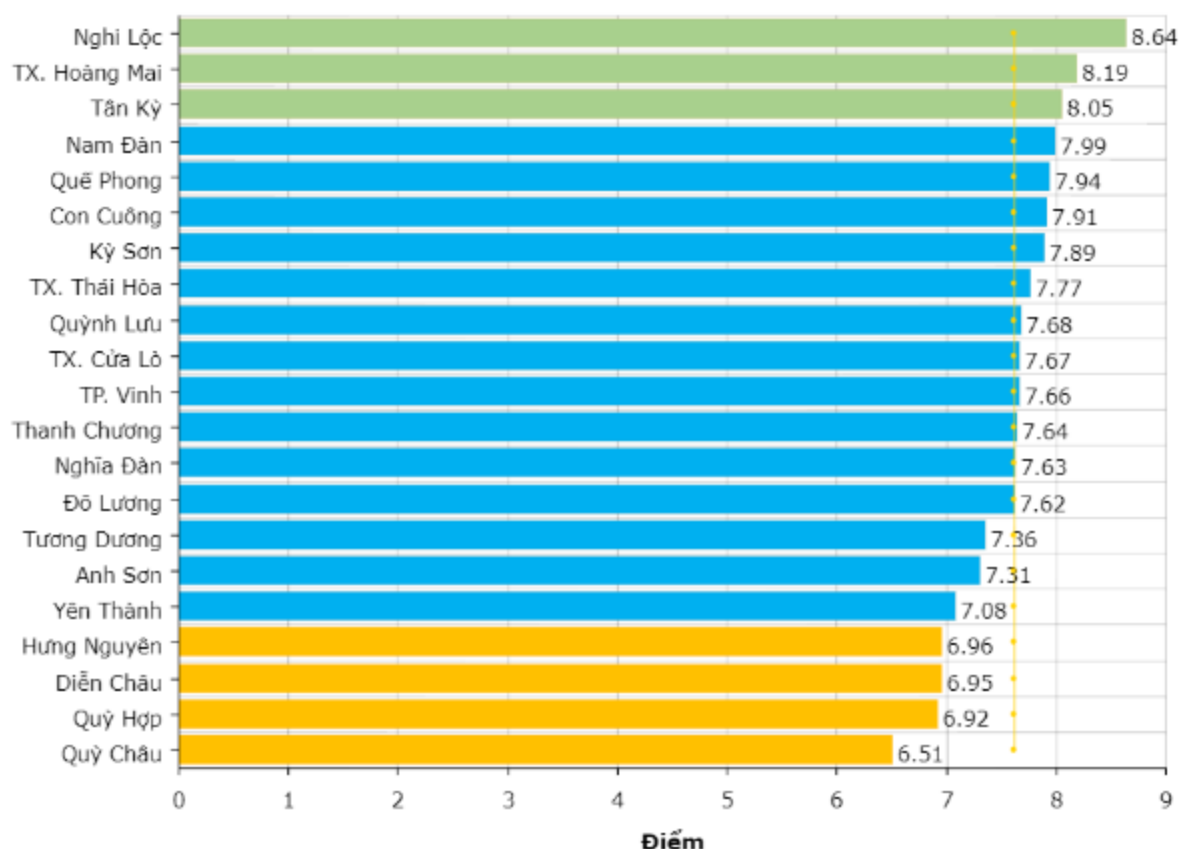
Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ ý kiến cho rằng vẫn tồn tại ưu tiên cung cấp *Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ* cho HKD/DN lớn, HKD/DN thân hữu với chính quyền vẫn còn cao (32,94%). Bên cạnh đó, 29,64% các cơ sở SXKD cho rằng chính quyền địa phương chỉ ưu ái thực hiện TTHC cho các DN lớn. Đối với việc giải quyết các khuyến nghị, khó khăn, 29,6% các ý kiến khảo sát cho rằng vẫn còn tồn tại ưu ái cho các “Doanh nghiệp thân hữu”. Tỷ lệ ý kiến cho rằng chính quyền còn “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với các HKD/DN lớn, thân hữu với chính quyền là 30,31%. Trung bình chung, còn gần 1/3 số cơ sở SXKD cho rằng vẫn tồn tại sự ưu ái nhóm cơ sở SXKD này với cơ sở SXKD khác.

4.3.6. Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương

Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương có điểm số trung bình 7,59 điểm, ở nhóm giữa các CSTP trong bảng xếp hạng DDCI địa phương. Theo đó, Nghi Lộc, thị xã Hoàng Mai và Tân Kỳ có kết quả tốt hơn (trên 8 điểm). Ở chiều ngược lại, vẫn còn 4 địa phương nằm trong nhóm điểm Trung bình khá và trung bình.

Biểu đồ 4.12

Điểm số CSTP “Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

CSTP này nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị về những việc, những nội dung ảnh hưởng tới môi trường đầu tư kinh doanh, tới chỉ số DDCI, nhất là các lĩnh vực còn yếu kém, gây khó khăn tại địa phương.

Theo kết quả khảo sát đánh giá cụ thể, các cơ sở SXKD đã có những đánh giá tích cực như các chương trình, chủ trương của UBND tỉnh đã được chính quyền địa phương thực thi hiệu quả nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD (7,79 điểm); không đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng ban cấp địa phương hoặc lên cấp có thẩm quyền cao hơn trong giải quyết các vấn đề liên quan, hỗ trợ cho cơ sở SXKD (7,88 điểm).

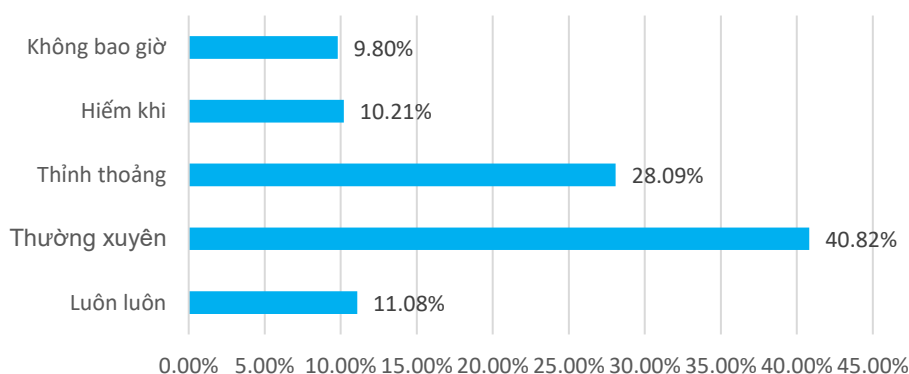
Cũng theo DDCI địa phương 2022, các cơ sở SXKD đã có những đánh giá tích cực như thay vì “đợi xin ý kiến chỉ đạo”/“không làm gì cả” khi quy định của Trung ương và tỉnh chưa rõ ràng thì chính quyền địa phương đã có nhiều động thái tích cực, tỷ lệ cơ sở SXKD đồng ý hoàn toàn với nhận định “UBND huyện/thành phố/thị xã sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết

định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới” là 66,53%, 31,17% ý kiến chỉ đồng ý một phần. Chính quyền địa phương cũng chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ các cơ sở SXKD nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại tỉnh (7,72 điểm) và kịp thời nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc của cơ sở SXKD trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao (7,81 điểm). Đặc biệt, chính quyền địa phương đã tiên phong trong ứng dụng công nghệ và các xu thế mới như kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4,0, mục tiêu trung hòa carbon, tăng trưởng xanh (7,7 điểm).

Tuy nhiên các cơ sở SXKD chưa đánh giá cao ở nội dung “tổ chức đối thoại” và “mời tham gia góp ý về cách chính sách, kế hoạch, quy hoạch của địa phương”. Điểm số của hai chỉ tiêu này lần lượt là 7,66 điểm và 6,62 điểm. Các cơ sở SXKD cũng nhận định, mặc dù lãnh đạo địa phương đã chú trọng nhiều hơn đến cải thiện môi trường kinh doanh, có hoạt động tiếp xúc doanh nghiệp, tiếp cận các khó khăn và tìm cách tháo gỡ cho cộng đồng cơ sở SXKD. Nhưng chất lượng thực thi trong thực tế vẫn là một điểm nghẽn lớn, cần đẩy mạnh các hoạt động trao đổi, góp ý chính sách. Chẳng hạn như Quý Hợp, Quý Châu, Diễn Châu còn thiếu các hoạt động đối thoại thường xuyên, trong khi thị xã Cửa Lò, Quý Hợp, Đô Lương, Diễn Châu, Quý Châu và Diễn Châu là địa phương có tỷ lệ người tham gia góp ý chính sách, quy hoạch, kế hoạch còn thấp so với mức trung bình chung toàn tỉnh và so với các địa phương khác trong tỉnh.

Biểu đồ 4.13

Tỷ lệ tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của huyện/thành phố/thị xã, phường/xã



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

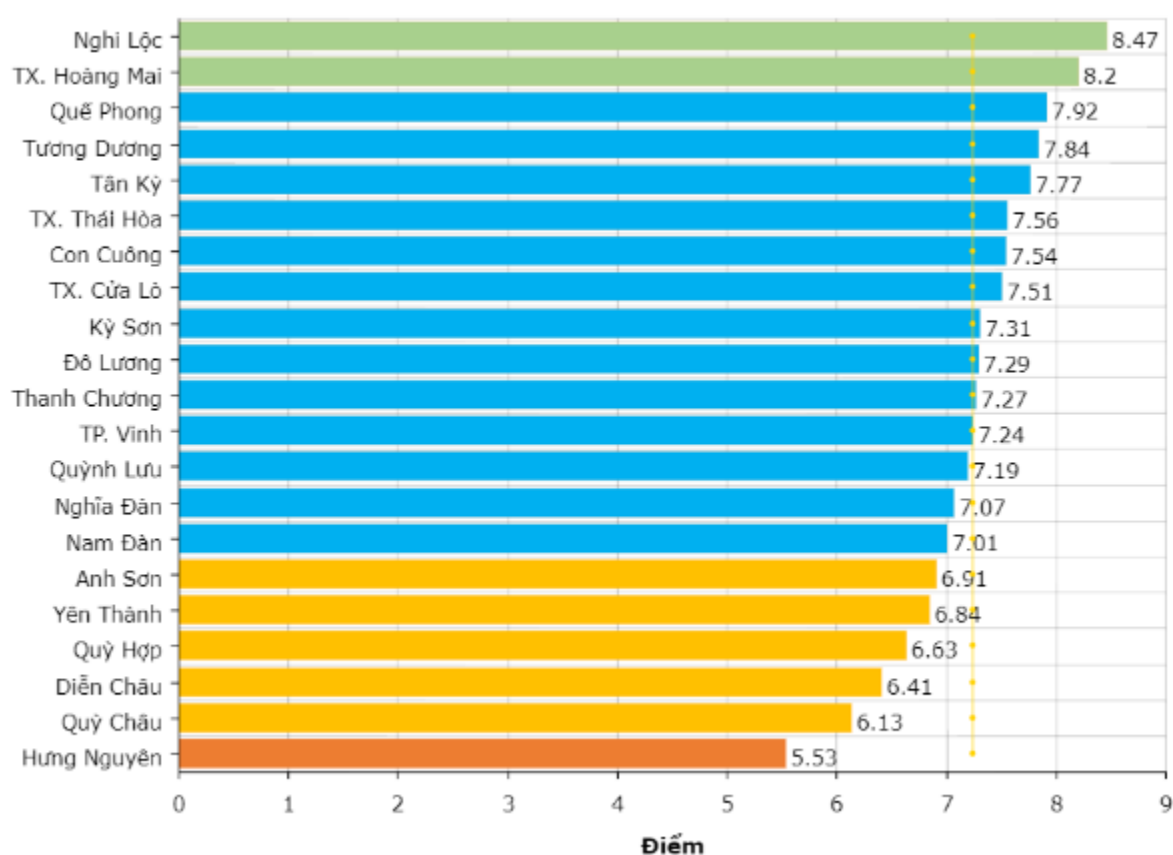
Để đạt được kết quả tốt hơn trong DDCI, quan trọng hơn, mang lại những thay đổi đáng kể cho địa phương trong những năm tiếp theo, đòi hỏi chính quyền các huyện, thị xã, thành phố cần có những giải pháp vừa linh hoạt, vừa bền vững. Linh hoạt, sáng tạo trong khuôn khổ pháp luật để kịp thời đón đầu những khó khăn, dám nghĩ, dám làm có giải pháp phù hợp hỗ trợ các cơ sở SXKD trong bối cảnh đặc trưng của địa phương. Bền vững trong các giải pháp, chiến lược, bền bỉ theo đuổi mục tiêu nâng cao năng lực tại địa phương mình.

4.3.7. Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Năm 2022, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại các địa phương được ghi nhận một số tích cực song chưa đạt kỳ vọng của các cơ sở SXKD trong tỉnh. Bằng chứng là điểm số CSTP về hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 7,22 điểm, là CSTP có điểm số thấp nhất trong bảng xếp hạng chung. Ngay cả các địa phương thuộc nhóm đầu của bảng xếp hạng DDCI địa phương như Nghi Lộc, thị xã Hoàng Mai thì hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh cũng còn tồn tại một khoảng cách so với mong muốn của cộng đồng DN/HTX/HKD. Trong khi đó, số địa phương có điểm số trung bình khá và trung bình còn nhiều (6/21 địa phương). Nhiệm vụ này đòi hỏi tất cả các địa phương thuộc tỉnh cần tập trung thực hiện trong thời gian tới để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh nói chung, mỗi địa phương nói riêng.

Biểu đồ 4.14

Điểm số CSTP “Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Khi các động lực phát triển kinh tế trong quá khứ phần nào bị tác động tiêu cực sau phục hồi kinh tế những năm 2019-2021, đa phần các HKD có xu hướng giữ quy mô kinh tế ở mức an toàn, “dè dặt” trong đổi mới, sáng tạo. Đây cũng là vấn đề chung mà nhiều địa phương trong cả nước gặp phải. Nếu môi trường kinh doanh kém thuận lợi hơn, các TTHC không được cập nhật, cải cách không tốt hơn và không có sự hỗ trợ từ các cấp chính quyền thì sự phát triển của các cơ sở SXKD tại tỉnh sẽ là một bài toán khó.

Đi tìm đáp án cho vấn đề trên, mỗi địa phương tại tỉnh Nghệ An đã có cách làm, những hành động cụ thể để hỗ trợ cộng đồng cơ sở SXKD. Tuy nhiên, qua cảm nhận của các cơ sở SXKD, các giải

pháp, hỗ trợ đã có nhưng chưa đủ, hoặc chưa sát với yêu cầu thực tiễn, nhu cầu của cộng đồng cơ sở SXKD.

Muốn vậy, trước hết phải bắt đầu từ các thiết kế chương trình hiệu quả. Trong khi đó, như đã phân tích, hoạt động đối thoại và góp ý từ cơ sở SXKD còn chưa được chú trọng, dẫn đến thông tin đầu vào về khó khăn, nhu cầu của các DN/HTX/DN đầu đó chưa được tiếp cận một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời. Trả lời cho câu hỏi “*ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ cơ sở SXKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn, nước sạch, nông thôn mới...) do huyện/thành phố/thị xã tổ chức?*”, 11,69% cơ sở SXKD phản hồi không được mời, 11,30% hiếm khi được mời và 26,62% thỉnh thoảng được mời. Như vậy, gần một nửa (49,61%) các cơ sở SXKD chưa được tiếp cận các thông tin về chương trình hỗ trợ. Trong khi đó, nếu đã được cung cấp thông tin thì *Mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và tỉnh) dành riêng cho hỗ trợ các HKD* cũng chưa thực sự hiệu quả (7,55 điểm).

Không những nhiều cơ sở SXKD không tiếp cận được các thông tin về chương trình hỗ trợ, mà với các DN/HTX/HKĐ đã nắm rõ thông tin, thủ tục để được hưởng các chương trình này cũng không hề dễ dàng. Dẫn đến hệ quả, 11,02% cơ sở SXKD không được hưởng các hỗ trợ do nản lòng trước các thủ tục; 5,39% các cơ sở SXKD cho rằng khá phức tạp thực hiện, phải làm lại nhiều lần. Chính vì vậy, điểm số cho chỉ tiêu về *thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh* chỉ dừng lại ở mức điểm trung bình khá, 6,83 điểm. Theo bảng xếp hạng do các cơ sở SXKD đánh giá, 10/21 địa phương nằm trong danh sách các địa phương còn nhiều thủ tục phức tạp để được nhận hỗ trợ (Nghĩa Đàn, Nam Đàn, Anh Sơn, Đô Lương, Thị xã Cửa Lò, Yên Thành, Quỳnh Hợp, Diễn Châu, Quỳnh Châu và Hưng Nguyên).

Theo lĩnh vực hỗ trợ, *hỗ trợ khởi sự kinh doanh, hỗ trợ chương trình liên kết, kết nối tìm kiếm thị trường* là các chỉ tiêu thấp điểm nhất, với điểm số lần lượt là 7,14 và 7,24 điểm. Trong khi các hỗ trợ về *thuế và tín dụng* cũng không giành được mức điểm khả quan hơn (điểm số trong khoảng 7,3-7,4 điểm).

Trong các chỉ tiêu, *việc chủ động hỗ trợ các cơ sở SXKD chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh* (VD: Covid -19) được đánh giá khá tích cực và đồng đều tại các địa phương (7,45 điểm). Bên cạnh đó, chính quyền cấp địa phương còn được ghi nhận tốt trong việc *luôn quan tâm tới các cơ sở SXKD nhỏ, cơ sở do phụ nữ, người yếu thế làm chủ và có nhiều chương trình hỗ trợ hiệu quả, khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh* (7,41 điểm).

Thông qua khảo sát DDCI, các cơ sở SXKD cũng đưa ra một số góp ý, chia sẻ khó khăn. Cụ thể như sau:

CÂU HỎI MỞ RỘNG: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ TỪ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH VỀ CÁC HỖ TRỢ TỪ CÁC ĐỊA PHƯƠNG THUỘC TỈNH

DDCI địa phương ghi nhận các kiến nghị, của các DN/HTX/HKD (chủ yếu là HKD) trong mẫu khảo sát về chính sách, chương trình, hỗ trợ từ các địa phương như sau:

Anh Sơn

- Đề nghị giảm các thủ tục hành chính, thủ tục đất đai (*nhiều ý kiến*)
- Cần hướng dẫn cụ thể, chi tiết các thủ tục hành chính cho người dân
- Cần xử lý nghiêm các hình thức thu phí không chính thức
- Nên có chính sách quan tâm, hỗ trợ hộ kinh doanh phát triển
- Chính quyền cần chỉ đạo cương quyết, cứng rắn
- Hỗ trợ vay vốn ưu đãi cho các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ (*nhiều ý kiến*)

Con Cuông

Hỗ trợ pháp lý, TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh chung

- Các thủ tục hành chính còn rườm rà, nhiều giấy tờ bất cập, có nhiều loại giấy tờ không cần thiết, cần tinh giảm giấy tờ ban đầu, có những văn bản không còn phù hợp (*nhiều ý kiến*)
- Cải thiện rút ngắn thủ tục hành chính, không những nhiều, thực hiện công khai, minh bạch
- Cần ưu tiên giải quyết các vấn đề kiến nghị, khó khăn nhanh chóng, gọn nhẹ
- Cần có các chính sách ưu đãi cho hộ SXKD vừa và nhỏ để cơ sở phát triển thuận lợi hơn
- Cần có chính sách cạnh tranh bình đẳng các hộ SXKD và DN với nhau (*nhiều ý kiến*)
- Trợ giúp pháp lý cho các hộ có lúc còn chậm trễ
- Cần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, chính sách cho các hộ SXKD
- Cần có nhiều chính sách hỗ trợ hộ SXKD hơn
- Khâu giải quyết kiến nghị còn khó khăn, thông tin chính sách ưu đãi hỗ trợ còn thấp

Các khó khăn, cần hỗ trợ

- Chính quyền tạo điều kiện tốt; Khó khăn nhất của cơ sở là do nhu cầu thị trường và nguồn vốn kinh doanh nên HTX gặp nhiều khó khăn trong đầu tư cho hoạt động (*nhiều ý kiến*)
- Vấn đề khó khăn nhất của cơ sở là giá thành thanh toán công trình thấp trong khi các khoản chi phí cho sản xuất và chi nhân công lại tăng cao
- Tập trung phát triển hạ tầng đường sá, mở rộng thêm đường tại các khối dân cư; tận dụng các quỹ đất để xây dựng các công trình xã hội; quy hoạch lại đường mương, thoát nước một cách tối ưu có hiệu quả; Xây dựng nhà máy, khu công nghiệp trên địa bàn
- Liên kết để quảng bá du lịch, tập huấn bằng công nghệ
- Khuyến khích xã hội hoá đầu tư

Đô Lương

Hỗ trợ pháp lý, TTHC

- Tạo điều kiện trong giải quyết các thủ tục, giấy tờ đất đai trang trại nhanh gọn hơn
- Kiểm định phương tiện vận tải đang gặp khó khăn

Hỗ trợ tiếp cận vốn vay, thuế

- Có chính sách vay vốn ưu đãi để mở rộng phát triển sản xuất
- Cần nâng cao giá trị pháp lý của giấy phép kinh doanh của trang trại để tạo điều kiện vay vốn. Giá thức ăn chăn nuôi quá cao ảnh hưởng tới thu nhập và kế hoạch mở rộng quy mô chăn nuôi; mong muốn được vay vốn ưu đãi đối với trang trại (*nhều ý kiến*)
- Đề xuất cơ chế đặc thù cho trang trại được vay vốn với lãi suất thấp (hay còn gọi vay vốn ưu đãi như bên ngân hàng chính sách) (*nhều ý kiến*)
- Xem xét tạo điều kiện giảm thuế cho HKD (*nhều ý kiến*)

Hỗ trợ liên kết, quảng bá sản phẩm

- Hỗ trợ giới thiệu thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định
- Quan tâm đến phát triển hạ tầng đường sá để tạo điều kiện cho vận chuyển tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm chăn nuôi
- Có chính sách phù hợp với thực tiễn để hỗ trợ HKD khi gặp khó khăn

Hưng Nguyên

Hỗ trợ pháp lý, TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh chung

- Nhiều đoàn kiểm tra gây mất thời gian của HKD nhưng hiệu quả không cao
- Mong được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hoạt động ổn định, lâu dài
- Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho HKD hoạt động góp phần phát triển kinh tế
- Tạo điều kiện cho các cơ sở SXKD tiếp cận các công trình hạ tầng trên địa bàn
- Giảm chi phí không chính thức
- Giải quyết vấn đề học PCCC và cấp chứng chỉ PCCC còn mang tính hình thức, tuy nhiên năm nào cũng phải thực hiện

Hỗ trợ tiếp cận vốn vay, thuế, hỗ trợ sau dịch bệnh và các hỗ trợ khác

- Đề nghị cơ quan chức năng tạo điều kiện giúp đỡ về tiếp cận nguồn vốn (*nhều ý kiến*)
- Kính đề nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ thêm về việc giải quyết lãi suất vay ngân hàng *nhều ý kiến*)
- Đề nghị cơ quan cấp trên giảm nộp thuế vì kinh doanh khó khăn
- Đề nghị các cơ quan chính quyền địa phương giải quyết nhanh việc hỗ trợ khó khăn, thiệt hại trong dịch bệnh Covid19 (*nhều ý kiến*)
- Nhà nước đầu tư thêm về cơ sở hạ tầng, đường sá đi lại thuận lợi để giao thông tốt hơn
- Có các chương trình về hỗ trợ con giống, vật nuôi...để kinh doanh thuận lợi hơn

Nam Đàn

- Các giấy tờ, thủ tục cần nhanh gọn hơn, giúp hộ kinh doanh giải quyết các vấn đề nhanh hơn
- Tạo điều kiện tốt hơn về vấn đề vay vốn, môi trường, không tạo áp lực về sản xuất kinh doanh
- Giảm chi phí thuế cho những năm đầu sản xuất kinh doanh
- Chi cục Thuế cần rà soát, xóa thuế đối với trường hợp HKD có đăng ký kinh doanh nhưng không đủ điều kiện kinh doanh hoặc đã nghỉ kinh doanh

Nghi Lộc

Các ý kiến, góp ý về cải thiện môi trường kinh doanh chung

- Cơ bản hài lòng với công tác quản lý điều hành của chính quyền các cấp đối với hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn; địa phương rất cố gắng trong cải tiến thủ tục hành chính (*nhều ý kiến*)
- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính để người dân và Doanh nghiệp thuận lợi hơn nữa trong công việc, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức để phục vụ nhân dân và Doanh nghiệp tốt hơn; Mong các cấp làm tốt hơn nữa trong CCHC
- Cần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt thời gian đi lại, không hình thức cầu kì; giảm bớt giấy tờ, tờ khai không cần thiết trong giải quyết thủ tục hành chính (*nhều ý kiến*)
- Cần áp dụng CNTT nhiều trong CCHC để tránh tiêu cực
- Cần tạo môi trường và cơ chế thoáng thu hút đầu tư, thủ tục đơn giản
- Có cơ chế khuyến khích cho hộ kinh doanh

Nhu cầu hỗ trợ

- *Tăng cường cung cấp, phổ biến thông tin:* Công tác truyền tải các chủ trương hỗ trợ hộ kinh doanh đến với cơ sở SXKD đôi khi còn chậm
- *Hỗ trợ vốn, cơ chế vốn:* Mong hỗ trợ về tiếp cận các nguồn vốn vay tốt hơn; đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm nhiều hơn nữa đến các hộ kinh doanh cá thể và có nhiều cơ chế về nguồn vốn để các hộ kinh doanh được tiếp cận, tạo điều kiện để phát triển mô hình kinh doanh; Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa trong công tác vay vốn ưu đãi của nhà nước để hộ kinh doanh có thể mở rộng sản xuất (*nhều ý kiến*)
- *Giảm Thuế, lãi suất ngân hàng:* Mong cơ quan tạo điều kiện giảm thuế, ngân hàng giảm lãi suất để cơ sở kinh doanh dễ tiếp cận nguồn vốn; Cần khắc phục giải quyết hỗ trợ về thuế khi cơ sở bị gián đoạn về thời gian kinh doanh gặp khó khăn (*nhều ý kiến*)
- *Hỗ trợ chăn nuôi:* Đề xuất hỗ trợ các hộ khi có phát sinh dịch bệnh trong chăn nuôi
- *Hỗ trợ sau thiên tai, thời tiết:* Khó khăn về con giống và thời tiết. Đề nghị địa phương quan tâm đến chính sách hỗ trợ thiệt hại do thời tiết gây ra
- *PCCC:* gặp khó khăn về công tác phòng chống cháy nổ. Cần phối hợp giữa chính quyền địa phương và hộ kinh doanh để có giải pháp tốt hơn.

Nghĩa Đàn

- *Phổ biến thông tin và đa dạng kênh thông tin:* Cần phổ biến chính sách chi tiết đến tận doanh nghiệp, hộ cá thể thông qua gmail, điện thoại
- *Lãi suất ngân hàng:* Hỗ trợ lãi suất ngân hàng
- *Vốn vay:* Hỗ trợ vốn vay để sản xuất kinh doanh (*nhều ý kiến*)
- *Chính sách hỗ trợ:* Có chính sách hỗ trợ cho hộ kinh doanh cá thể; Nhà nước nên có chính sách thông thoáng hơn để trợ giúp cho doanh nghiệp phát triển

Quế Phong

- Cần rút gọn thủ tục hơn, xử lý nhanh hơn

Quỳ Châu

- *Thủ tục hành chính:* Khó khăn trong tiếp cận các cơ chế chính sách mới; Giải quyết các thủ tục hành chính đôi lúc còn nhiều khó khăn; Cần giải quyết nhanh gọn các TTHC (*nhều ý kiến*)

- *Tuyên truyền* các văn bản pháp luật, các cơ chế chính sách giải quyết thủ tục hành chính nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí
- *Địa điểm kinh doanh*: Hỗ trợ mặt bằng kinh doanh
- *Nguồn vốn*: Hỗ trợ vốn vay, phát triển sản xuất (*nhiều ý kiến*)
- *Lao động*: Giải quyết việc làm cho người lao động; Hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm; Mở các lớp tập huấn, đào tạo các chương trình dạy nghề nông thôn; Hỗ trợ đào tạo nghề giải quyết việc làm cho lao động (*nhiều ý kiến*)
- *Quảng bá sản phẩm*, giới thiệu đầu ra sản phẩm; Khó khăn về tiêu thụ sản phẩm (*nhiều ý kiến*)
- *Tham gia tập huấn*: Tạo điều kiện cho các hộ SXKD được tham gia các cuộc hội thảo tập huấn về các cơ chế chính sách, cũng như phát triển hộ sản xuất kinh doanh
- *Khen thưởng*: Đề nghị được thưởng tiền thưởng tại khoản 4 điều 3 Nghị quyết số 25/2020/NQ-Q-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An. (Đã được công nhận sản phẩm đạt OCOP 3 sao nhưng chưa được thưởng)

Quý Hợp

- Khó khăn khi làm giấy an toàn thực phẩm
- Giải quyết vấn đề đất đai, tiếp cận đất đai còn nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian (*nhiều ý kiến*)

Quỳnh Lưu

Các ý kiến, góp ý về cải thiện môi trường kinh doanh chung

- TTHC: Mong các thủ tục hành chính nhanh gọn, rút bớt các thủ tục rườm rà, mong các lãnh đạo quan tâm, đến DN nhiều hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho DN sản xuất kinh doanh (*nhiều ý kiến*)
- “Các thủ tục pháp lý phức tạp, giải quyết chậm trễ. Doanh nghiệp khó tiếp cận với các chính sách hỗ trợ. Một số quy định khó vì không thực tế, đặc biệt về Phòng cháy chữa cháy (PCCC)”
- Hướng dẫn về chính sách Thuế đôi khi còn chưa kịp thời, dẫn đến tình trạng chưa kịp nắm bắt thực hiện đúng

Nhu cầu hỗ trợ

- *Cơ sở hạ tầng*: Hệ thống nước còn khó khăn, không quy hoạch rõ ràng, thường mất nước. Chưa thu hút được đầu tư, cũng như kinh tế địa phương phát triển chậm; Cần quyết liệt hơn nữa về việc giao thông nông thôn, giải quyết lấn chiếm lòng lề đường ảnh hưởng đến an toàn giao thông và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn
- *Tiếp cận điện năng*: Điện không ổn định, cắt điện không có thông báo trước ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (*nhiều ý kiến*)
- *Thuế*: Mong được giảm thuế, miễn thuế hàng tháng, hỗ trợ thêm cho các hộ kinh doanh nhỏ lẻ được phát triển (*nhiều ý kiến*)
- *Hỗ trợ sau dịch bệnh, thiên tai*: Khi có vấn đề liên quan đến Covid-19, thiên tai nên giảm thuế 1 số tháng; Có những chính sách miễn giảm thuế cho DN, đặc biệt là thiên tai dịch bệnh

TP Vinh

Các ý kiến, góp ý về cải thiện môi trường kinh doanh chung

- Hài lòng với chất lượng điều hành, quản lý và môi trường đầu tư, kinh doanh cho DN, HTX và hộ kinh doanh; tiếp tục phát huy điểm mạnh thời gian qua
- Mong các cấp, các ngành giải quyết nhanh gọn cho người làm giấy tờ
- Thời gian chờ đợi làm việc còn lâu và thủ tục còn nhiều
- Cần minh bạch và hỗ trợ người dân nhanh hơn và lắng nghe ý kiến của hộ kinh doanh và hỗ trợ đầu ra sản phẩm sạch cho hộ kinh doanh thực phẩm sạch và đến tay người tiêu dùng
- Cần cải thiện thái độ khi làm việc với cơ sở SXKD
- Các bước giấy tờ cần thống nhất và cập nhật trên trang thông tin điện tử một cách hệ thống và có truyền thông tới doanh nghiệp

Nhu cầu hỗ trợ

- Các vấn đề khó khăn như : Mất điện, mạng kém
- Mong địa phương quan tâm đầu tư phát triển chợ Ga, đề nghị nâng cấp xây dựng cải tạo chợ để thu hút khách hàng, công tác quản lý ngày càng phát triển trong lĩnh vực an ninh và kinh tế
- Mong các cấp chính quyền tạo điều kiện để sản phẩm của các cơ sở SXKD tham gia vào OCCOOP địa phương vùng miền, lan tỏa sản phẩm sạch đến người tiêu dùng

Tương Dương

- Tương đối hài lòng với các thủ tục và năng lực cạnh tranh của địa phương
- “Cần quan tâm hơn nữa các hộ kinh doanh trong chợ vì có một số hộ kinh doanh không có địa điểm mà bày hàng hóa ra ngoài đường chợ làm ảnh hưởng và gây ách tắc giao thông trong chợ”

Thị xã Cửa Lò

- Các thủ tục hành chính còn rườm rà, cần giảm bớt thủ tục hành chính

Thị xã Hoàng Mai

- Giảm thuế cho hộ cá thể, giảm thuế vận tải (*nhiều ý kiến*)
- Tăng cường quản lý thị trường

Thanh Chương

- Cần có các văn bản hướng dẫn chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai và các chính sách hỗ trợ DN trong quá trình sản xuất kinh doanh
- Chính quyền cần tích cực, chủ động tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng Doanh nghiệp
- Quan tâm tạo điều kiện cho DN phát triển
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho hợp tác xã

Yên Thành

- Hỗ trợ giảm các loại thuế, tạo điều kiện vay vốn kinh doanh, lãi suất cho vay ưu đãi
- Tạo điều kiện hoàn thiện hồ sơ, thực hiện thủ tục hành chính thuận lợi hơn cho các cơ sở SXKD

“

“Tôi cảm ơn bảng khảo sát này, vì tôi cảm thấy **lãnh đạo đang nỗ lực thay đổi để hiệu doanh nghiệp**. Tôi hi vọng các bước thực hiện TTHC, giấy tờ cần **thống nhất và cập nhật** trên trang điện tử để DN không bị lòng vòng, hỏi người này một ý, người kia một ý. Tất cả nên được hệ thống lại và có truyền thông tới doanh nghiệp”

”

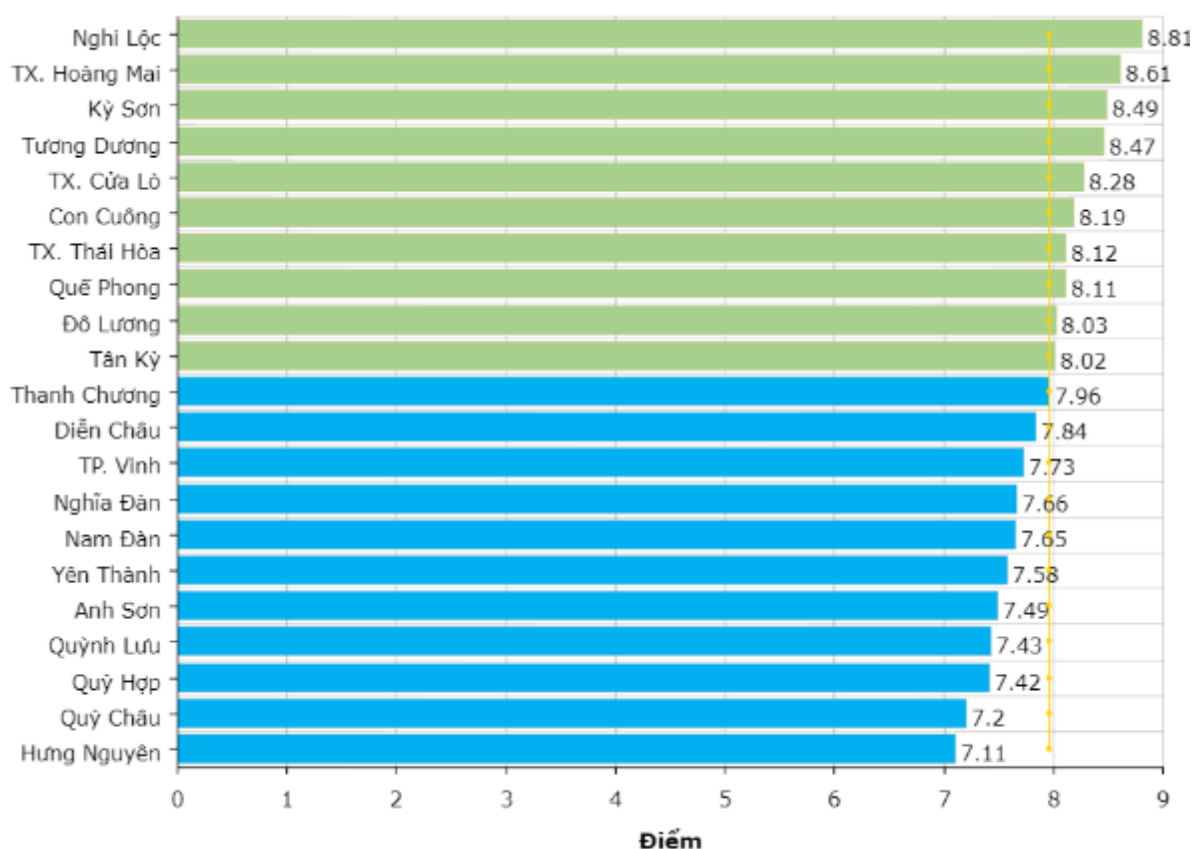
– một DN tại địa phương
chia sẻ

4.3.8. Hiệu lực thiết chế và An ninh trật tự

Hiệu lực thiết chế và An ninh trật tự có điểm số 7,91 điểm, tiếp cận mức điểm tốt và xếp thứ 2/9 CSTP. Đây là CSTP nhận được nhiều đánh giá tích cực từ cộng đồng các cơ sở sản xuất kinh doanh. Trong đó, theo địa phương 10/21 địa phương có điểm số thuộc nhóm điểm tốt, các địa phương còn lại nằm trong phổ điểm từ 7,11-7,96 điểm (nhóm điểm khá). Theo nhóm chỉ tiêu, các chỉ tiêu về an ninh trật tự có điểm số tốt hơn so với các chỉ tiêu về hiệu lực thiết chế.

Biểu đồ 4.14

Điểm số CSTP “Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Điểm mạnh khi xem xét *Hiệu lực thiết chế và An ninh trật tự* tại Nghệ An thuộc nhóm chỉ tiêu về an ninh trật tự. Các nội dung về *Giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự của các cơ sở SXKD, đảm bảo an ninh, tạo sự yên tâm* (8,24 điểm); *“Hiện tượng tội phạm quá nhiều cơ sở SXKD tại địa phương hoàn toàn không còn tồn tại”* (8,31 điểm), *“Hoàn toàn không có hiện tượng cơ sở SXKD phải chi trả tiền cho các nhóm đối tượng để được yên ổn làm ăn”* (8,38 điểm) đều đạt mức điểm tốt. Quỳnh Lưu, Nam Đàn và Anh Sơn là các địa phương rải rác vẫn còn một số hiện tượng ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh trật tự theo đánh giá của cộng đồng cơ sở SXKD.

Đối với các nội dung về *hiệu lực thiết chế*. Theo chỉ tiêu, xét trung bình chung toàn tỉnh, hầu hết các chỉ tiêu liên quan đến Hiệu lực thiết chế tại địa phương đều đạt mức điểm tiếp cận 8, ngoại trừ các chỉ tiêu liên quan đến hiệu quả thực hiện. Cụ thể, *Hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật* có điểm số 7,68 điểm; *Hiệu quả của hoạt động tiếp hộ kinh doanh, doanh nghiệp của huyện, thành phố* 7,67 điểm và *Hiệu quả của kênh hay cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh,*

khiếu nại, tổ cáo chỉ đạt 7,6 điểm. Nhìn chung, nỗ lực cải thiện và thực thi hiệu lực thiết chế tại các địa phương đã được cơ sở SXKD ghi nhận, song việc thực hiện các hoạt động liên quan còn chưa đạt hiệu quả mong muốn, còn khoảng cách so với kỳ vọng của các cơ sở SXKD.

4.3.9. Tiếp cận đất đai

Những năm qua, Nghệ An trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Năm 2022, lần đầu tiên Nghệ An vào nhóm 10 địa phương có các dự án vốn đầu tư nước ngoài (FDI) lớn trong cả nước. Bên cạnh việc tích cực cải thiện môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng tạo thuận lợi tối đa cho DN; năng động, sáng tạo trong việc đưa ra những sáng kiến, tích cực xúc tiến thu hút đầu tư thì việc chủ động hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong thủ tục đầu tư, tiếp cận đất đai... là các yếu tố rất quan trọng, ảnh hưởng lâu dài đến sự phát triển của các doanh nghiệp, cơ sở SXKD.

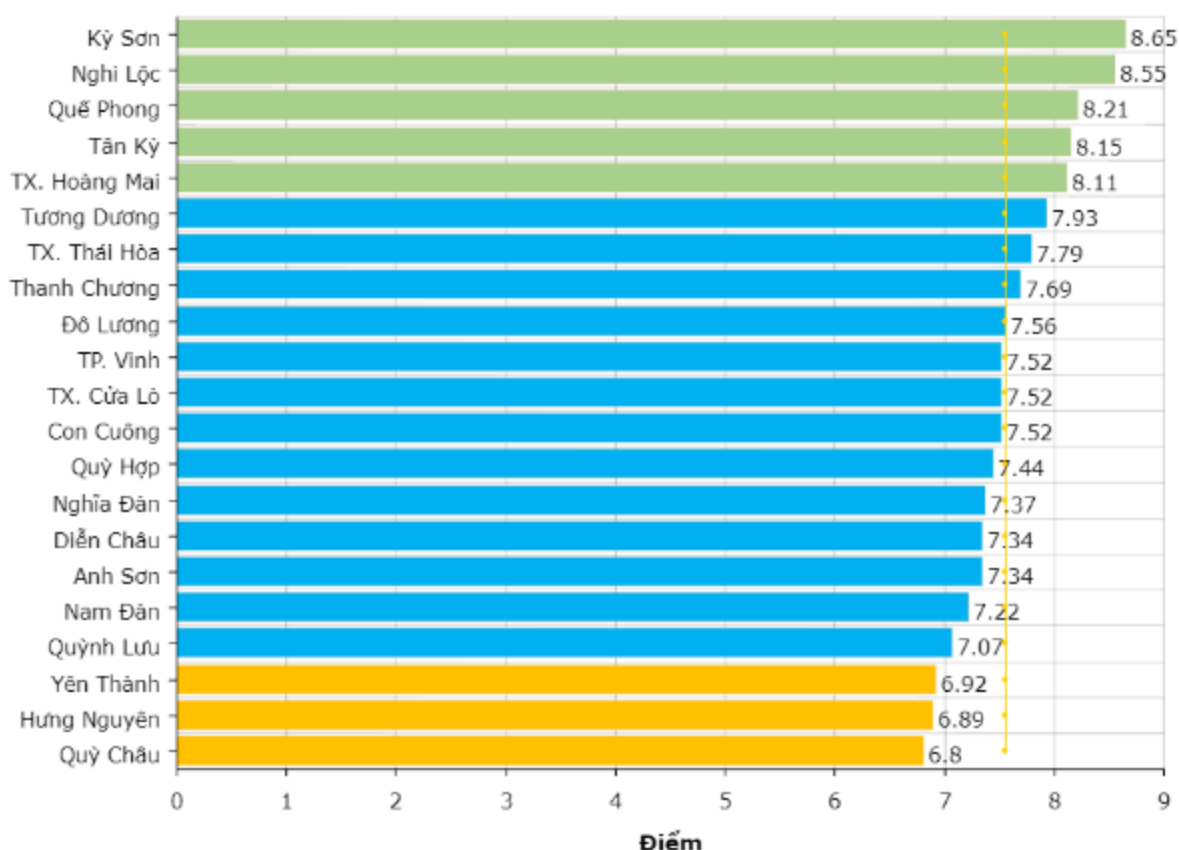
Ở góc độ địa phương, phối hợp cùng với BQL kinh tế Đông Nam, sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cùng các đơn vị có liên quan, nhiệm vụ khai thông lĩnh vực “Tiếp cận đất đai” với mỗi địa phương là rất quan trọng, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển chung, thu hút đầu tư của tỉnh. Bên cạnh đó, tiếp cận đất đai nếu được thực hiện tốt cũng góp phần tạo điều kiện tốt hơn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, nguồn lực đã, đang và sẽ tiếp tục tạo ra nhiều giá trị thặng dư, tạo việc làm cho người lao động trong tỉnh.

Xác định và nhìn nhận tiếp cận đất đai và duy trì ổn định trong quá trình sử dụng để phục vụ các nhu cầu sản xuất kinh doanh luôn là điều mà các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm, các địa phương tại Nghệ An cũng đã nỗ lực, có nhiều giải pháp nhằm công khai, minh bạch, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực đất đai. Mặc dù vậy, thực tế triển khai và điểm số PCI trước đó cũng ghi nhận, vấn đề tiếp cận đất đai tại tỉnh Nghệ An nói chung và các địa phương nói riêng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. CSTP này thường có điểm số thiếu bền vững, thậm chí giảm điểm trong đánh giá PCI năm vừa qua.

Kết quả khảo sát DDCI tại các địa phương Nghệ An ghi nhận điểm số trung bình chung của các địa phương là 7,6 điểm, chênh lệch sát sao với các CSTP kế cận. Tiếp cận đất đai không gọi tên một địa phương nào có kết quả, cải cách vượt trội. Ngay cả các địa phương đứng đầu bảng xếp hạng riêng về tiếp cận đất đai cũng vẫn còn nhiều vấn đề cần tập trung giải quyết. Chẳng hạn như, Kỳ Sơn cần quan tâm hơn đến quỹ đất sạch. Việc tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch (cụm CN...) của Nghi Lộc vẫn còn tồn tại một số khó khăn với doanh nghiệp (chỉ tiêu thấp điểm hơn các chỉ tiêu khác). Quế Phong cần lưu ý đến giải phóng mặt bằng và tiến độ giải phóng mặt bằng, cũng như mức độ thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh tại địa phương. Tân Kỳ cũng gặp vấn đề tương tự như Quế Phong khi HKD tiếp cận mặt bằng chưa thuận lợi bằng các chỉ tiêu khác, đặt biệt việc giải quyết các vướng mắc về đất đai, gây bức xúc ở địa phương còn chưa triệt để, dẫn đến điểm chỉ tiêu này thấp hơn hẳn so với mặt bằng chung các chỉ tiêu khác của huyện. Các cơ sở SXKD ở Hoàng Mai đánh giá tương đối tích cực về hoạt động tiếp cận đất đai ở địa phương, song các HKD vẫn cho rằng việc tiếp cận địa điểm kinh doanh vẫn chưa thực sự thuận lợi và rủi ro mặt bằng kinh doanh (bị thu hồi, giải tỏa) còn cao.

Biểu đồ 4.15

Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai”



Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

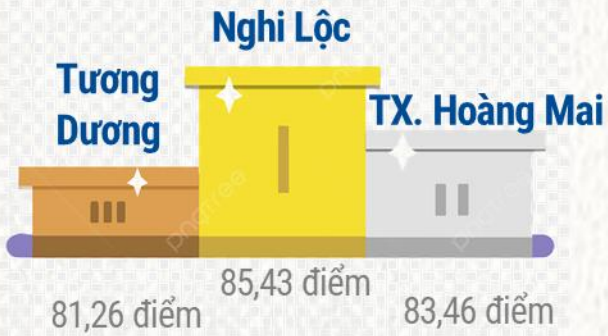
Theo chỉ tiêu, *tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới* được quy định là nội dung thấp điểm nhất (7,32 điểm). Trong khi đó, nhận định về việc *Giải phóng mặt bằng*, các cơ sở SXKD tại Anh Sơn, Yên Thành, Hưng Nguyên và Quỳ Châu còn chưa thực sự hài lòng (dưới 7 điểm). Các nhà đầu tư mong muốn nhận được sự hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ và kịp thời hơn từ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương để thực hiện và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sớm hoàn tất thủ tục giao đất, thuê đất thực hiện dự án.

Đánh giá về tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc ở địa phương của UBND cấp huyện/thành phố/thị xã, 18,83% các ý kiến cho rằng chính quyền địa phương đã nỗ lực, chủ động giải quyết tốt trong phạm vi, quyền hạn của mình, 54,57% ý kiến nhận định tương đối chủ động, giải quyết tốt các vấn đề được đặt ra, 24,68% cho rằng các vấn đề được giải quyết ở mức chấp nhận được. Còn lại là một số cơ sở SXKD bày tỏ ý kiến rằng các vướng mắc không được giải quyết, hoặc giải quyết qua loa cho có.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy việc nâng cao Chỉ số tiếp cận đất đai có ý nghĩa rất lớn, một mặt góp phần cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh, một mặt giải quyết một cách tối ưu những bất cập tồn tại cố hữu từ lâu nay của công tác quản lý đất đai. Từ đó, mở rộng cánh cửa thu hút đầu tư, đón dòng vốn FDI và các cơ hội mới tại tỉnh.



Điểm số DDCI địa phương

Điểm số trung bình
DDCI địa phương:**76,63 điểm**Các chỉ số có **điểm số tích cực**

- Chi phí không chính thức có điểm số tương đối tích cực: **8,43 điểm**
- Hiệu lực thiết chế và ANTT có điểm số tương đối tích cực: **7,91 điểm**
- Cạnh tranh bình đẳng có điểm số tương đối tích cực: **7,64 điểm**

Các chỉ số **cần cải thiện**

Tính minh bạch
và khả năng
tiếp cận
thông tin



Điểm số trung bình chung là
7,58 điểm



Chi phí gia nhập
thị trường điểm số còn thấp ở
nhiều địa phương (7,37 điểm)

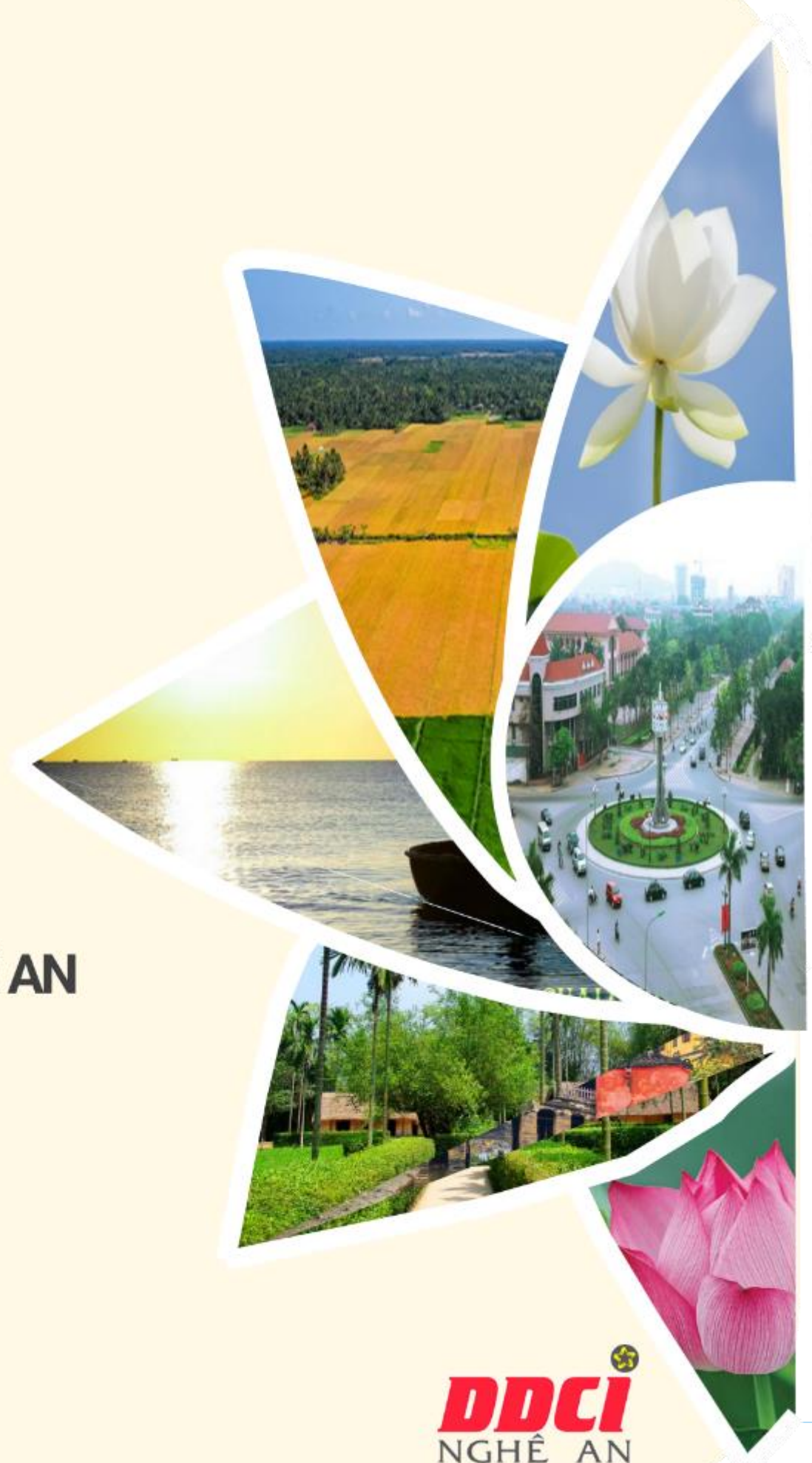


Hỗ trợ sản xuất
kinh doanh còn thiếu
và yếu (7,22 điểm)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2022), “Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2022”.
2. Cục Thống kê Nghệ An (2010-2022), “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010-2022”.
3. Economica Vietnam (2018), “Khu vực Kinh tế Tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh vượng
4. Economica Vietnam (2013), Khu vực Hộ Kinh doanh Phi Nông nghiệp ở Việt Nam”.
5. Edmund J. M. (2008), “A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia Foundation’s Subnational Economic Governance Indices, Hague Journal on the Rule of Law”, 3: 186–219, 2011
6. EUROCHAM-MUTRAP (2011), “Training Manual: Tools for assessing Business Association’s capacity using modern criteria – Strengthening strategy and management capacity of Business Associations”.
7. GEM và VCCI (2016), “Báo cáo về Tinh thần Khởi nghiệp Toàn cầu - Việt Nam 2015/2016”.
8. GSO (2005 - 2021), “Niên giám thống kê các năm 2005 – 2021”.
9. IDS-VCCI (2012), “Động lực thúc đẩy cải cách kinh tế tại các tỉnh ở Việt Nam – Một số bài học từ cải cách kinh tế”, Nhà xuất bản Thông tin & Truyền Thông
10. IRC-IPSARD (2011), “Xây dựng chỉ số Môi trường Kinh doanh cấp tỉnh và huyện cho Hộ kinh doanh tại Việt Nam”.
11. Lê Duy Bình (2017), “Các Yếu tố Ảnh hưởng tới Tích tụ vốn của Doanh nghiệp Nhỏ và vừa trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam”. Số 2, tháng Giêng, 2017 (465), tr. 63-71
12. Lê Duy Bình & Phạm Tiến Dũng (2017), “Chuyển đổi Hộ Kinh doanh thành Doanh nghiệp: Rào cản từ Chi phí Tuân thủ Pháp luật, Báo Pháp luật Việt Nam”, (36)163/9 – 2017
13. Lê Duy Bình (2017), “Tác động của một số khoản nộp ngân sách đối tích tụ vốn tại doanh nghiệp, Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính, Hà Nội”. Số 2 - tháng Giêng, 2017 (651), p 72-74
14. Lê Duy Bình (2017), “Thúc đẩy tích tụ vốn tại các DNNVV trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành”, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, CIEM, Số 82, Tháng 5 + 6/2017, tr. 14-25
15. USAID/VNCI-VCCI (2006-2022), “Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2022)”. www.pcivietnam.org/reports.php
16. VCCI – Friedrich Naumanm Stiftung (2013), Cải thiện Môi trường kinh doanh và đầu tư vùng trung du và miền núi phía Bắc
17. VCCI (2010-2017), Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017
18. VCCI (2010-2018), “Báo cáo Thường Niên Doanh nghiệp Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia
19. Hiến Pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ 01/01/2014
20. Luật số 59/2020/Qh14, Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020.
21. Luật số: 61/2020/QH14, Luật đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020.
22. Luật số: 47/2022/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2022.

PHỤ LỤC
DDCI NGHỆ AN



PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Điểm số chỉ số thành phần theo DDCI địa phương 2022

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	TP.Vinh	TX. Cửa Lò	TX.Thái Hòa	Quế Phong	Quỳ Châu	Kỳ Sơn	Tương Dương	Nghĩa Đàn	Quỳ Hợp	Quỳnh Lưu	Con Cuông	TB Tỉnh
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,07	7,62	7,28	7,52	6,62	8,08	8,3	6,93	7,26	7,04	7,72	7,37
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,71	8,30	7,32	7,8	6,26	7,81	7,43	7,49	7,06	7,51	7,84	7,58
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,82	8,39	7,28	7,83	6,81	7,90	7,83	7,29	6,31	7,47	7,84	7,63
Chi phí không chính thức	8,14	8,05	8,56	9,18	8,85	8,82	9,26	7,84	7,73	8,04	8,52	8,43
Cạnh tranh bình đẳng	7,11	7,42	8,36	8,42	6,63	7,38	8,71	7,63	6,36	7,61	8,34	7,64
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	7,66	7,67	7,77	7,94	6,51	7,89	7,36	7,63	6,92	7,68	7,91	7,59
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,24	7,51	7,56	7,92	6,13	7,31	7,84	7,07	6,63	7,19	7,54	7,22
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	7,73	8,28	8,12	8,11	7,20	8,49	8,47	7,66	7,42	7,43	8,19	7,91
Tiếp cận đất đai	7,52	7,52	7,80	8,21	6,80	8,65	7,93	7,37	7,44	7,07	7,52	7,60
Tổng (thang điểm 100)	75,56	78,62	77,83	81,03	68,68	80,37	81,26	74,34	70,14	74,49	79,36	76,63

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Tân Kỳ	Anh Sơn	Diễn Châu	Yên Thành	Đô Lương	Thanh Chương	Nghi Lộc	Nam Đàn	Hưng Nguyên	TX. Hoàng Mai	TB Tỉnh
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTTC	7,05	7,09	6,90	7,38	7,41	7,15	8,17	7,50	6,74	7,90	7,37
Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	7,69	7,35	7,06	7,36	8,09	7,56	8,51	7,91	7,08	8,07	7,58
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,96	7,00	7,26	7,68	7,89	7,76	8,42	7,76	7,49	8,26	7,63
Chi phí không chính thức	8,83	8,23	8,62	8,18	9,06	8,92	8,71	7,13	7,25	9,19	8,43
Cạnh tranh bình đẳng	7,85	7,8	8,08	6,82	8,16	7,8	8,61	6,98	5,83	8,58	7,64
Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương	8,05	7,31	6,95	7,08	7,62	7,64	8,64	7,99	6,96	8,19	7,59
Hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,77	6,91	6,41	6,84	7,29	7,27	8,47	7,01	5,53	8,20	7,22
Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	8,02	7,49	7,84	7,58	8,03	7,96	8,81	7,65	7,11	8,61	7,91
Tiếp cận đất đai	8,15	7,34	7,34	6,92	7,56	7,69	8,55	7,22	6,89	8,11	7,60
Tổng (thang điểm 100)	79,30	73,91	73,84	73,16	79,01	77,50	85,43	74,61	67,64	83,46	76,63

Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

Phụ lục 2. Điểm số chỉ số thành phần theo DDCI sở ban ngành 2022

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN (Nhóm A)	Sở KH&ĐT	Sở TN&MT	Sở Xây dựng	Sở GTVT	Sở Công thương	Cục QLTT	Sở NN&PT NT	Sở LĐ-TB&XH	BQLKT T Đông Nam	Cục Thuế	Cục Hải quan	BHXH	TB toàn tỉnh
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,53	7,38	7,71	7,56	7,74	7,57	7,56	7,70	7,52	7,53	7,54	7,61	7,62
Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin	7,85	7,90	8,03	8,02	7,89	7,81	8,23	7,99	7,82	7,68	7,86	7,94	8,06
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	7,80	7,81	8,01	8,10	8,02	8,00	8,07	8,04	7,98	7,58	7,85	7,88	8,08
Chi phí không chính thức	8,13	7,93	8,10	8,17	8,27	8,13	8,52	8,4	8,22	8,21	8,23	8,30	8,25
Cạnh tranh bình đẳng	7,51	7,40	7,38	7,12	6,92	7,11	7,46	7,65	7,67	7,06	7,21	7,64	7,46
Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành	7,67	7,59	7,80	7,80	7,43	7,57	7,95	7,90	7,71	7,31	7,57	7,65	7,81
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,24	7,23	7,48	7,41	7,27	7,34	7,65	7,64	7,64	7,17	7,35	7,49	7,55
Hiệu lực thiết chế	7,73	7,76	7,62	7,55	7,56	7,64	8,03	7,9	7,75	7,47	7,69	7,74	7,84
Tổng (thang điểm 100)	76,83	76,25	77,66	77,16	76,38	76,46	79,34	79,03	77,89	75,01	76,63	77,81	78,34

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN (Nhóm B)	Sở Tài chính	Sở VH&TT	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	Sở Ngoại vụ	Sở Tư pháp	Sở Du lịch	NHNN (chi nhánh tỉnh)	Công an	TB toàn tỉnh
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện tthc	7,69	8,06	7,93	7,67	7,26	7,53	7,57	7,76	7,49	7,88	7,60	7,62
Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin	8,08	8,43	8,40	8,20	7,67	8,26	8,00	8,33	8,36	8,31	8,29	8,06
Chi phí thời gian thực hiện tthc và tuân thủ quy định pháp luật	8,26	8,47	8,38	8,19	7,83	8,41	8,08	8,41	8,19	8,19	8,24	8,08
Chi phí không chính thức	8,11	8,58	8,47	8,49	8,50	8,14	8,02	8,27	8,05	8,31	8,17	8,25
Cạnh tranh bình đẳng	7,41	7,47	8,06	7,53	7,36	8,09	7,10	7,96	7,78	7,23	7,43	7,46
Tính năng động và tiên phong của sở, ban, ngành	7,77	8,09	8,11	7,92	7,45	8,06	7,66	8,42	8,12	8,05	8,08	7,81
Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	7,44	7,7	7,87	7,59	7,48	7,70	7,29	7,89	8,09	7,85	7,95	7,55
Hiệu lực thiết chế	7,69	8,08	8,19	8,06	7,63	8,14	7,82	8,13	8,10	7,93	8,16	7,84
Tổng (thang điểm 100)	78,06	81,10	81,76	79,56	76,48	80,41	76,93	81,46	80,23	79,69	79,90	78,34

Nguồn: Khảo sát DDCI Nghệ An 2022

DDCI

TỈNH
NGHỆ AN 2022

